



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

HỎI - ĐÁP

VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ KỶ LUẬT CỦA ĐẢNG



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

HỎI - ĐÁP
VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA,
GIÁM SÁT VÀ KỶ LUẬT
CỦA ĐẢNG

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương
TRẦN THANH LÂM

Phó Chủ tịch Hội đồng

Giám đốc - Tổng Biên tập
Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

PHẠM MINH TUẤN

Thành viên

NGUYỄN HOÀI ANH

PHẠM THỊ THINH

NGUYỄN ĐỨC TÀI

TỔNG VĂN THANH

ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

HỎI - ĐÁP
VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA,
GIÁM SÁT VÀ KỶ LUẬT
CỦA ĐẢNG

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

BAN BIÊN SOẠN

Lê Nguyễn Nam Ninh

Hoàng Huy Trung

Bùi Chí Trung

Nguyễn Như Huyền

Nguyễn Thị Ngọc

Vũ Hoàng Giang

Phạm Đức Hòa

Nguyễn Năng Hiếu

Lê Toàn Khánh

Lý Văn Toàn

Trần Văn Tĩnh

Vũ Trọng Hiến

Nguyễn Xuân Hiệu

CÁC QUY ĐỊNH ĐƯỢC VIẾT TẮT TRONG TÀI LIỆU

VIẾT TẮT	TÊN ĐẦY ĐỦ
Quy định số 22-QĐ/TW	Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng
Hướng dẫn số 02-HD/TW	Hướng dẫn số 02-HD/TW, ngày 09/12/2021 của Ban Bí thư hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng
Quy định số 24-QĐ/TW	Quy định số 24-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng
Hướng dẫn số 01-HD/TW	Hướng dẫn số 01-HD/TW, ngày 28/9/2021 của Ban Bí thư hướng dẫn một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng
Quy định số 37-QĐ/TW	Quy định số 37-QĐ/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm
Hướng dẫn số 02-HD/UBKTTW	Hướng dẫn số 02-HD/UBKTTW, ngày 29/11/2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy định về những điều đảng viên không được làm
Quy định số 69-QĐ/TW	Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm
Kết luận số 14-KL/TW	Kết luận số 14-KL/TW, ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung.
Quy định số 205-QĐ/TW	Quy định số 205-QĐ/TW, ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền
Chỉ thị số 27-CT/TW	Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng là những chức năng lãnh đạo của Đảng, có tầm quan trọng đặc biệt trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Ngày 28/7/2021, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Quy định số 22-QĐ/TW về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, trong đó bổ sung, sửa đổi nhiều vấn đề quan trọng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng để cụ thể hơn nữa Điều lệ Đảng và điều chỉnh những vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Quy định được xây dựng trên nguyên tắc kế thừa, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định của Trung ương; tiếp thu, cập nhật chủ trương, quan điểm, nguyên tắc của Đảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phòng chống tham nhũng và những chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan.

Để giúp cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra ở cơ sở và cán bộ, đảng viên hiểu đúng, vận dụng đúng và chấp hành nghiêm Quy định số 22-QĐ/TW và các quy định, hướng dẫn liên quan về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Hỏi - đáp về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng***.

Nội dung cuốn sách gồm 130 câu hỏi - trả lời và được chia làm 2 phần: Phần thứ nhất gồm những câu hỏi và trả lời về nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng; Phần thứ hai gồm những câu hỏi và trả lời về một số tình huống trong kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng. Đặc biệt, cuốn sách còn giới thiệu những quy định mới về thẩm quyền của cấp ủy cơ sở, ủy ban kiểm tra cấp ủy cơ sở trong kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

Các câu hỏi và trả lời được biên soạn đơn giản, dễ hiểu và có nhiều tình huống sát với thực tiễn, là tài liệu giúp cán bộ, đảng viên ở cơ sở nắm vững hơn được quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng cũng như xử lý tình huống thực tế được chính xác theo quy định.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 11 năm 2022

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Phần thứ nhất

NGHIỆP VỤ VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ KỶ LUẬT ĐẢNG

I. QUY ĐỊNH MỚI VỀ THẨM QUYỀN CỦA CẤP ỦY CƠ SỞ

Ngày 28/7/2021, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Quy định số 22-QĐ/TW quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng thay thế Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII thi hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Quy định mới đã bổ sung nhiều nội dung quan trọng, giao thêm một số nhiệm vụ cho cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra theo quy định của Điều lệ Đảng, trong đó bổ sung một số nhiệm vụ cho cấp ủy cơ sở, cụ thể:

1. Về nhiệm vụ của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật

- Quy định số 22-QĐ/TW giao thêm nhiệm vụ:

“Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên chấp hành pháp luật của Nhà nước” tại điểm 1.2 khoản 1 Điều 4 cụ thể hóa và thống nhất với quy định: *“Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”* và nhiệm vụ của đảng viên *“Tuyệt đối trung thành với mục đích lý tưởng cách mạng của Đảng, chấp hành... pháp luật của Nhà nước”* (quy định tại khoản 1 Điều 2 Điều lệ Đảng).

- Bổ sung nhiệm vụ của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp về kiểm tra tại điểm 2.3 khoản 2 Điều 4: *“Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng”*; *“thực hiện chính sách cán bộ”* để đầy đủ các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng từ trước đến nay; bao hàm nhiều nội dung, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác cán bộ.

- Bổ sung thẩm quyền và trách nhiệm của cấp ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra. Quy định số 22-QĐ/TW bổ sung vào điểm 2.4 khoản 2 Điều 4 Thẩm quyền và trách nhiệm của cấp ủy trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chấp hành, trong đó có một số nội dung chính sau:

“2.4.1. Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và tình hình thực tế để xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, xác định rõ nội

dung, đối tượng, thời gian, phương pháp tiến hành, tổ chức thành phần đoàn kiểm tra.

2.4.2. Yêu cầu các tổ chức đảng và đảng viên có liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu theo nội dung kiểm tra và phải giữ bí mật thông tin, tài liệu.

2.4.3. Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy trực tiếp kiểm tra hoặc giao ủy ban kiểm tra tiến hành kiểm tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên;... quyết định bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị tổ chức đảng, cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thu hồi các văn bản trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2.4.4. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền giám định chuyên môn, kỹ thuật liên quan đến nội dung kiểm tra”.

Quy định bổ sung trách nhiệm cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp có thẩm quyền phải bãi bỏ văn bản trái quy định: Việc bổ sung nội dung này nhằm giữ vững nguyên tắc, kỷ cương, kỷ luật của Đảng; đảm bảo ngăn chặn kịp thời những vi phạm, hạn chế hậu quả phát sinh do việc ban hành các quy định sai trái và cụ thể hóa Điều 3 Quy định số 66-QĐ/TW, ngày 06/02/2017 của Ban Bí thư về thể loại, thẩm quyền ban hành và thể thức văn bản của Đảng.

2. Về nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp trong kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật

- Về chế độ làm việc của ủy ban kiểm tra các cấp, để phù hợp và thống nhất với Quy định số 195-QĐ/TW, ngày 18/6/2019 của Ban Bí thư về chỉ đạo của ủy ban kiểm tra cấp trên đối với ủy ban kiểm tra cấp dưới trong công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, Quy định số 22-QĐ/TW cập nhật, bổ sung tại điểm 1.2 khoản 1 Điều 8 các nội dung:

“Việc tham mưu và xây dựng nội dung, chương trình kiểm tra, giám sát chuyên đề hằng năm.

Báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát mà ủy ban kiểm tra cấp trên đang tiến hành.

Tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng”.

- Về thẩm quyền của ủy ban kiểm tra, Quy định số 22-QĐ/TW bổ sung tại điểm 1.3 khoản 1 Điều 8: *“chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng”.*

- Tại tiết 3.1.1 điểm 3.1 khoản 3 Điều 8 Quy định số 22-QĐ/TW bổ sung nội dung giám sát đối với đảng viên: *“thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng”, “tư tưởng chính trị” và*

“trách nhiệm nêu gương theo các quy định của Đảng” để cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ và thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và người đứng đầu tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.

- Để giữ vững nguyên tắc, kỷ cương, kỷ luật của Đảng, ngăn chặn kịp thời những vi phạm, hạn chế hậu quả phát sinh do việc ban hành các quy định sai trái, Quy định số 22-QĐ/TW bổ sung thẩm quyền và trách nhiệm của ủy ban kiểm tra các cấp khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra như sau:

“Yêu cầu tổ chức đảng và đảng viên có liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu theo nội dung kiểm tra và phải giữ bí mật thông tin, tài liệu.

Yêu cầu đối tượng kiểm tra phát huy ưu điểm, khắc phục, sửa chữa hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có). Nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm (trừ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm) thì quyết định và tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, ủy ban kiểm tra được yêu cầu, kiến nghị tổ chức đảng, cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thu hồi các văn bản trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đề nghị cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy xem xét, xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật.

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền giám định chuyên môn, kỹ thuật liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát”.

Đồng thời, khi tham mưu giúp cấp ủy và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra cấp ủy giao, ủy ban kiểm tra các cấp được: “...báo cáo cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy yêu cầu, kiến nghị tổ chức đảng, cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thu hồi các văn bản trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đề nghị cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy xem xét, xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật” (điểm 4.2 khoản 4 Điều 8).

- Để thống nhất Quy định số 01-QĐi/TW, ngày 10/5/2018 của Bộ Chính trị về trách nhiệm và thẩm quyền của ủy ban kiểm tra trong công tác phòng, chống tham nhũng và tinh thần kết luận Thông báo số 01-TB/BCĐTW, ngày 19/3/2021 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực yêu cầu ủy ban kiểm tra phải đi

trước một bước trong xử lý đảng viên vi phạm pháp luật, Quy định số 22-QĐ/TW bổ sung điểm 4.6 khoản 4 Điều 8:

“Trong quá trình kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án các vụ án, nếu phát hiện vi phạm liên quan đến đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý thì chuyển thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến ủy ban kiểm tra cùng cấp để kiểm tra, xử lý theo đúng quy định của Đảng.

Ủy ban kiểm tra kiểm tra xử lý kịp thời, nghiêm minh các tổ chức đảng, đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý có dấu hiệu vi phạm trong các vụ việc, vụ án do các cơ quan chức năng thụ lý”.

3. Về thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm của ban thường vụ và ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở

- Quy định bổ sung thẩm quyền thi hành kỷ luật cho ban thường vụ đảng ủy cơ sở tại điểm 1.3 khoản 1 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW để thống nhất nhiệm vụ xem xét, xử lý kỷ luật của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy 4 cấp, đảm bảo tính kịp thời trong thi hành kỷ luật đảng: *“Ban thường vụ đảng ủy cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ (kể cả đảng viên là cán*

bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý nhưng không phải cấp uỷ viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý”.

- Bổ sung nhiệm vụ thi hành kỷ luật cho ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ Đảng tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW: *“Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở quyết định hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ (kể cả cấp uỷ viên chi bộ, cấp uỷ viên đảng uỷ bộ phận, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp)”.*

4. Về thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng của ban thường vụ cấp ủy cơ sở

Khoản 1 Điều 12 Quy định số 22-QĐ/TW bổ sung thẩm quyền cho ban thường vụ cấp ủy cơ sở có quyền kỷ luật tổ chức đảng: *“Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ từ cấp cơ sở trở lên có quyền kỷ luật tổ chức đảng cấp dưới theo quy định”.*

5. Về giải quyết khiếu nại kỷ luật

- Về thẩm quyền, trách nhiệm trong giải quyết khiếu nại kỷ luật: Tại khoản 2 Điều 12 Quy định số 22-QĐ/TW đã bổ sung thẩm quyền cho ủy ban

kiểm tra các cấp kỷ luật tổ chức đảng trực thuộc cấp ủy cấp dưới, cụ thể: “Ủy ban kiểm tra các cấp xem xét, kết luận, đề xuất với cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy trong việc xử lý kỷ luật tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp; quyết định hình thức kỷ luật khiến trách, cảnh cáo”; do vậy, để đồng bộ, thẩm quyền giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng lần đầu của tổ chức đảng các cấp sau khi bị ủy ban kiểm tra thi hành kỷ luật được bổ sung tại khoản 2 Điều 22 Quy định số 22-QĐ/TW: “Ban thường vụ cấp ủy hoặc cấp ủy là cấp giải quyết khiếu nại kỷ luật lần đầu của tổ chức đảng đối với quyết định kỷ luật của ủy ban kiểm tra cùng cấp”.

- Về phạm vi, đối tượng giải quyết khiếu nại: Bổ sung trường hợp không giải quyết khiếu nại tại khoản 3 Điều 24 Quy định số 22-QĐ/TW: “Từ chối nhận quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật” để bảo đảm kỷ cương, kỷ luật của Đảng, nâng cao trách nhiệm của đảng viên trong việc chấp hành nghiêm quyết định kỷ luật, do thời gian qua, một số đảng viên từ chối nhận quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật nhưng vẫn khiếu nại.

- Bổ sung mới việc gia hạn giải quyết khiếu nại tại khoản 2 Điều 26 Quy định số 22-QĐ/TW: “Trường hợp hết thời hạn mà chưa giải quyết xong thì được gia hạn nhưng không quá 30 ngày,

đồng thời phải có văn bản thông báo cho người khiếu nại biết” để nâng cao trách nhiệm giải quyết khiếu nại kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên và có căn cứ, cơ sở thông báo cho người khiếu nại biết do trước đây chưa quy định về thời hạn gia hạn trong giải quyết khiếu nại.

6. Về xử lý kỷ luật đảng viên

Quy định số 69-QĐ/TW bổ sung 04 Điều mới được rút ra trong tổng kết thực hiện Quy định số 102-QĐ/TW, ngày 15/11/2017 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm và để đồng bộ, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan:

- *Điều 30: Vi phạm quy định về chống chạy chức, chạy quyền, để cụ thể hóa Quy định số 205-QĐ/TW của Bộ Chính trị và các quy định liên quan.*

- *Điều 44: Vi phạm quy định quản lý tài nguyên, theo Luật Khoáng sản và Luật Tài nguyên nước.*

- *Điều 45: Vi phạm quy định bảo vệ môi trường, theo Luật Bảo vệ môi trường.*

- *Điều 46. Vi phạm quy định khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ, theo Bộ luật Hình sự, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Chuyển giao công nghệ.*

II. CÁC VẤN ĐỀ CHUNG

Câu 1. Kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng là gì?

Trả lời:

- Khoản 3 Điều 3 Quy định số 22-QĐ/TW: *“Kiểm tra của Đảng là việc các tổ chức đảng xem xét, đánh giá, kết luận về ưu điểm, khuyết điểm hoặc vi phạm của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng và pháp luật của Nhà nước”.*

Công tác kiểm tra của Đảng là công tác của toàn Đảng, của các tổ chức đảng. Nhưng do chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức đảng khác nhau nên phạm vi, thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra của các tổ chức đảng cũng có những điểm khác nhau.

Tổ chức đảng và đảng viên phải thường xuyên tự kiểm tra. Tổ chức đảng cấp trên kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên.

- Khoản 4 Điều 3 Quy định số 22-QĐ/TW: *“Giám sát của Đảng là việc các tổ chức đảng quan sát, theo dõi, nắm bắt, xem xét, đánh giá, kết luận hoạt động nhằm kịp thời nhắc nhở để cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát*

chấp hành nghiêm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước và khắc phục, sửa chữa hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có). Hình thức giám sát có giám sát thường xuyên và giám sát theo chuyên đề; giám sát chuyên đề khi cần thiết thì thực hiện thẩm tra, xác minh”.

Tổ chức đảng cấp trên giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên. Tổ chức đảng và đảng viên thực hiện nhiệm vụ giám sát theo sự phân công. Giám sát của Đảng có giám sát thường xuyên và giám sát theo chuyên đề; giám sát trực tiếp, giám sát gián tiếp.

- Khoản 8 Điều 3 Quy định số 22-QĐ/TW: *“Thi hành kỷ luật trong Đảng là việc các tổ chức đảng có thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên có vi phạm đến mức phải xử lý bằng một trong những hình thức kỷ luật được quy định tại khoản 2 Điều 35 Điều lệ Đảng”.*

Câu 2. Ý nghĩa, tác dụng của công tác kiểm tra, giám sát của Đảng là gì?

Trả lời:

- Kiểm tra, giám sát là tất yếu khách quan, là biểu hiện nghiêm túc của hoạt động có ý thức của mọi tổ chức và cá nhân trong xã hội

Hoạt động của tổ chức và cá nhân trong xã hội là hoạt động có ý thức. Trước khi hành động, các tổ chức và cá nhân đều phải suy nghĩ, xác định rõ dự định, chủ trương, kế hoạch tiến hành và tổ chức thực hiện thắng lợi dự định, chủ trương, kế hoạch ấy trong thực tiễn. Song, thực tiễn luôn luôn vận động, biến đổi, phát triển không ngừng theo quy luật khách quan, nên dự định, chủ trương, kế hoạch đã xác định dù được nghiên cứu, tính toán, cân nhắc kỹ vẫn có thể có những thiếu sót, sơ hở, chưa sát với thực tế, thậm chí không có khả năng thực thi hoặc sai lầm nghiêm trọng.

Vì vậy, muốn đạt được kết quả trong thực tiễn, phải xem xét thực tế để nhận xét, đánh giá, có nghĩa là phải kiểm tra, giám sát; phải kiểm tra, giám sát toàn bộ từ dự định, chủ trương, kế hoạch, phương pháp tổ chức thực hiện đến kết quả đã đạt được, từ đó đánh giá đúng ưu, khuyết điểm, rút kinh nghiệm để bổ sung, điều chỉnh kịp thời những vấn đề thiếu sót, chưa đồng bộ, chưa phù hợp, uốn nắn sai lầm, lệch lạc nhằm bảo đảm dự định, chủ trương, kế hoạch, hành động được đúng đắn, kết quả đạt được đúng như mục tiêu đề ra.

Do đó, hoạt động kiểm tra, giám sát là hoạt động có ý thức; ý thức càng cao, tổ chức càng quan trọng, nhiệm vụ càng phát triển, càng khó khăn,

phức tạp thì càng đòi hỏi phải coi trọng và tiến hành tốt công tác kiểm tra, giám sát.

- *Kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng, bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng*

+ *Kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng*

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Chính sách đúng là nguồn gốc của thắng lợi... Khi đã có chính sách đúng, thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách đó là do nơi cách tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ, và do nơi kiểm tra. Nếu ba điều ấy sơ sài, thì chính sách đúng mấy cũng vô ích... Nếu tổ chức việc kiểm tra cho chu đáo thì cũng như có ngọn đèn “pha”. Bao nhiêu tình hình, bao nhiêu ưu điểm và khuyết điểm, bao nhiêu cán bộ chúng ta đều thấy rõ. Có thể nói rằng: chín phần mười khuyết điểm trong công việc của chúng ta là vì thiếu sự kiểm tra”¹.

Đảng ta khẳng định: “Công tác kiểm tra có vị trí cực kỳ quan trọng trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng”²; đó là vấn đề có tính nguyên tắc,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr.636-637.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, t.55, tr.424.

vừa là chức năng lãnh đạo, vừa là trách nhiệm, nội dung, phương thức, quy trình lãnh đạo của Đảng.

Thực tiễn lãnh đạo của Đảng ta từ khi thành lập đến nay đã khẳng định kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng; lãnh đạo phải có kiểm tra, giám sát; lãnh đạo mà không kiểm tra, giám sát thì coi như không có lãnh đạo.

+ *Kiểm tra, giám sát là bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng.*

Qua thực tiễn, Đảng ta kết luận: công tác kiểm tra là “... một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng”¹, là “... một khâu quan trọng của tổ chức thực hiện... biện pháp hiệu nghiệm để khắc phục bệnh quan liêu”². “Có giám sát tốt mới có thể đánh giá đúng, lựa chọn đúng và đặc biệt là kịp thời ngăn ngừa những sai phạm ngay từ khi mới có những dấu hiệu vi phạm; đó cũng là phương thức quan trọng để bảo vệ cán bộ, bảo đảm Đảng và Nhà nước ta có đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, được nhân dân tin yêu”³.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.43, tr.346.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.47, tr.472.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.61, tr. 688-689.

- Kiểm tra, giám sát là nhiệm vụ trực tiếp, thường xuyên của toàn Đảng, không kiểm tra, giám sát coi như không có lãnh đạo

Sự lãnh đạo của Đảng được tiến hành thông qua việc ban hành và tổ chức thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy chế, kết luận; thông qua tổ chức đảng và đảng viên đang hoạt động trong hệ thống chính trị và mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tổ chức đảng và đảng viên dù công tác ở lĩnh vực, cương vị nào đều phải tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đó là nhiệm vụ trực tiếp, thường xuyên của tổ chức đảng.

Khẳng định công tác kiểm tra, giám sát là nhiệm vụ trực tiếp, thường xuyên của mọi tổ chức đảng, là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng không chỉ để khắc phục những khuyết điểm, yếu kém về nhận thức và hành động trong thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát, mà còn làm cho Đảng thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, góp phần tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng, bảo đảm lãnh đạo thắng lợi sự nghiệp cách mạng.

- Trong lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng xã hội

dân chủ, công bằng, văn minh phải coi trọng và tiến hành tốt công tác kiểm tra, giám sát của Đảng

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi và thành tựu của cách mạng Việt Nam. Đảng ta là đảng cầm quyền, những thắng lợi và thành tựu, những thất bại và tổn thất của cách mạng đều gắn liền với vai trò, trách nhiệm lãnh đạo của Đảng. Trong giai đoạn hiện nay, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng với biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước. Do đó, Đảng ta phải đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, trong đó phải đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tập trung kiểm tra, giám sát việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Câu 3. Tổ chức, bộ máy của ủy ban kiểm tra và cơ quan uỷ ban kiểm tra được quy định như thế nào?

Trả lời:

- Khoản 1 Điều 3 Quy định số 22-QĐ/TW quy định về uỷ ban kiểm tra: *“Ủy ban kiểm tra các*

cấp được lập từ đảng uỷ cơ sở trở lên, do cấp uỷ cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp uỷ và một số đồng chí ngoài cấp uỷ. Các thành viên của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương hoạt động chuyên trách. Uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ khối trực thuộc Trung ương, quận uỷ, huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ (thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ) và tương đương có thành viên kiêm nhiệm là trưởng ban hoặc phó trưởng ban tổ chức cấp uỷ là cấp uỷ viên, chánh thanh tra cùng cấp (nếu có)”.

- Khoản 2 Điều 3 Quy định số 22-QĐ/TW quy định về cơ quan uỷ ban kiểm tra: *“Cơ quan uỷ ban kiểm tra là cơ quan tham mưu, giúp uỷ ban kiểm tra cùng cấp thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng và thực hiện các nhiệm vụ do cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp giao; đồng thời, là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của cấp uỷ”.*

Câu 4. Cấp uỷ nào được bầu uỷ ban kiểm tra?

Trả lời:

Tiết a điểm 1.1 khoản 1 Điều 8 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Uỷ ban kiểm tra được lập*

từ đảng ủy cơ sở trở lên, do cấp ủy cùng cấp bầu, bầu ủy viên ủy ban kiểm tra trước, sau đó bầu chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong số ủy viên ủy ban kiểm tra. Phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra do ủy ban kiểm tra bầu trong số ủy viên ủy ban kiểm tra. Việc bầu cử được thực hiện theo Quy chế bầu cử trong Đảng”.

Ở các đảng ủy bộ phận và chi bộ theo quy định không được bầu ủy ban kiểm tra thì tập thể cấp ủy đó có trách nhiệm tiến hành công tác kiểm tra và phân công một đồng chí cấp ủy viên, chi ủy viên phụ trách công tác kiểm tra. Đồng thời, đảng ủy bộ phận có thể phân công một số đảng viên có khả năng, điều kiện để giúp đồng chí cấp ủy viên được phân công làm công tác kiểm tra.

III. NGUYÊN TẮC, CHỦ THỂ, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VỀ KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ KỶ LUẬT ĐẢNG

Câu 5. Nguyên tắc tổ chức của ủy ban kiểm tra các cấp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Nguyên tắc tổ chức của ủy ban kiểm tra các cấp được quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều 8 Quy định số 22-QĐ/TW:

a) Ủy ban kiểm tra được lập từ đảng uỷ cơ sở trở lên, do cấp uỷ cùng cấp bầu, bầu uỷ viên uỷ ban kiểm tra trước, sau đó bầu chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra trong số uỷ viên uỷ ban kiểm tra. Phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra do uỷ ban kiểm tra bầu trong số uỷ viên uỷ ban kiểm tra. Việc bầu cử được thực hiện theo Quy chế bầu cử trong Đảng.

b) Nhiệm kỳ hoạt động của uỷ ban kiểm tra theo nhiệm kỳ của cấp uỷ cùng cấp. Uỷ ban kiểm tra khoá mới điều hành công việc ngay sau khi được bầu và nhận bàn giao từ uỷ ban kiểm tra khoá trước. Chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra được ký ban hành văn bản ngay sau khi được bầu.

c) Các thành viên uỷ ban kiểm tra và chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp chuẩn y, nếu điều động chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra sang công tác khác phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý.

d) Uỷ ban kiểm tra phối hợp với ban tổ chức của cấp uỷ cùng cấp và cấp uỷ cấp dưới chuẩn bị nhân sự uỷ ban kiểm tra cấp dưới; giúp cấp uỷ xây dựng, ban hành quy chế làm việc của uỷ ban kiểm tra; tham mưu kiện toàn cơ quan uỷ ban kiểm tra về tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra.

đ) Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham mưu Ban Bí thư quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của cơ quan ủy ban kiểm tra cấp dưới”.

Câu 6. Nguyên tắc trong kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 2 Quy định số 22-QĐ/TW quy định các nguyên tắc trong kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng:

“- Kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra, giám sát. Tổ chức đảng và đảng viên phải thường xuyên tự kiểm tra.

- Tổ chức đảng cấp trên kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên. Tổ chức đảng, đảng viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo sự phân công của tổ chức đảng có thẩm quyền.

- Công tác kiểm tra, giám sát phải kịp thời phát hiện nhân tố mới, tích cực để phát huy, phải bảo vệ cái đúng, bảo vệ người tốt, cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung; phải chủ động phát hiện sớm để phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên ngay từ khi còn mới manh nha, không để vi phạm

nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn, kéo dài và lan rộng. Khi các vụ việc vi phạm được phát hiện, phải cương quyết xử lý kỷ luật nghiêm minh, kịp thời để răn đe và giáo dục.

- Tuân thủ đúng nguyên tắc, quy trình, thủ tục, thẩm quyền, phương pháp công tác theo quy định của Đảng; chủ động, kịp thời, công khai, dân chủ, khách quan, công tâm, thận trọng, chặt chẽ, chính xác, nghiêm minh.

- Mọi tổ chức đảng và đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng và đều phải chịu sự kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, không có ngoại lệ.

- Nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng được quy định tại Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Mọi tổ chức đảng và đảng viên phải tuân thủ nhằm bảo đảm việc thi hành kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên được thống nhất, chặt chẽ, công minh, chính xác, kịp thời”.

Câu 7. Chế độ làm việc của ủy ban kiểm tra, thẩm quyền của tổ chức đảng cấp trên đối với ủy ban kiểm tra cấp dưới được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điểm 1.2 khoản 1 Điều 8 Quy định số 22-QĐ/TW

quy định: “Ủy ban kiểm tra thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp và sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của uỷ ban kiểm tra cấp trên”.

Việc bàn bạc tập thể của uỷ ban kiểm tra chủ yếu thông qua chế độ hội nghị. Trong hội nghị, mọi thành viên uỷ ban kiểm tra phát biểu thảo luận và tỏ rõ chính kiến của mình. Việc quyết định của uỷ ban kiểm tra chủ yếu là thông qua bỏ phiếu kín. Đối với những vấn đề quan trọng, nếu kết quả bỏ phiếu kín không quá bán, thì tập thể uỷ ban kiểm tra có thể tiếp tục thảo luận và bỏ phiếu biểu quyết quyết định lại. Việc tiếp tục thảo luận và bỏ phiếu biểu quyết quyết định lại do tập thể uỷ ban kiểm tra quyết định. Trường hợp bỏ phiếu biểu quyết quyết định lại mà vẫn không quá bán thì báo cáo cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp trên quyết định. Khi bỏ phiếu biểu quyết quyết định, phiếu của các thành viên uỷ ban kiểm tra đều có giá trị như nhau.

Câu 8. Chủ thể kiểm tra, giám sát là gì?

Trả lời:

Khoản 5 Điều 3 Quy định số 22-QĐ/TW quy định về chủ thể kiểm tra, giám sát:

“Chủ thể kiểm tra, giám sát gồm: Chi bộ, đảng uỷ bộ phận, ban thường vụ đảng uỷ cơ sở, đảng uỷ cơ sở; cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ từ cấp trên cơ sở trở lên; uỷ ban kiểm tra; các ban đảng, văn phòng cấp uỷ (gọi chung là các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ); ban cán sự đảng, đảng đoàn (là chủ thể kiểm tra).

Chủ thể kiểm tra, giám sát khi thực hiện nhiệm vụ phải thẩm tra, xác minh, phân tích, đánh giá, làm rõ kết quả đạt được, khuyết điểm, hạn chế, tồn tại, vi phạm (nếu có); nguyên nhân của khuyết điểm, tồn tại, hạn chế, vi phạm (nếu có) và kết luận đối với tổ chức đảng, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ, kể cả nhiệm vụ cấp trên giao”.

Câu 9. Quyền và trách nhiệm của đối tượng kiểm tra, giám sát là gì?

Trả lời:

Khoản 6 Điều 3 Quy định số 22-QĐ/TW quy định về đối tượng kiểm tra, giám sát, quyền và trách nhiệm của đối tượng kiểm tra, giám sát:

“Đối tượng kiểm tra, giám sát gồm: Chi uỷ, chi bộ, đảng uỷ bộ phận, ban thường vụ đảng uỷ cơ sở, đảng uỷ cơ sở; cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, thường trực cấp uỷ từ cấp trên cơ sở trở lên; uỷ ban kiểm tra; các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ; ban cán sự đảng, đảng đoàn; đảng viên.

Quyền và trách nhiệm của đối tượng kiểm tra, giám sát:

- Chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng về kiểm tra, giám sát, các quyết định, kết luận, yêu cầu của chủ thể kiểm tra, giám sát; báo cáo, giải trình đầy đủ, trung thực về các nội dung được yêu cầu.

- Không để lộ nội dung kiểm tra, giám sát cho tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm biết; không được sử dụng thiết bị ghi âm, ghi hình, thu phát sóng khi làm việc với chủ thể kiểm tra, giám sát.

- Được sử dụng bằng chứng có liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát để báo cáo, giải trình; bảo lưu ý kiến và đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét lại nhận xét, đánh giá, kết luận, quyết định đối với mình hoặc việc thực hiện nguyên tắc, quy trình, thủ tục, nội dung, yêu cầu, trách nhiệm, thẩm quyền của chủ thể kiểm tra, giám sát”.

Câu 10. Phạm vi và trách nhiệm của các tổ chức cơ sở đảng trong kiểm tra, giám sát được quy định như thế nào?

Trả lời:

- Các tổ chức đảng có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện, bảo đảm Cương lĩnh chính trị,

Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên, của cấp mình và pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh.

- Các tổ chức cơ sở đảng kiểm tra, giám sát bằng cách:

+ Thông qua chế độ hội ý, hội nghị phản ánh tình hình giữa đảng ủy (ban thường vụ) với các tổ chức đảng trực thuộc, giữa chi ủy với các tổ trưởng tổ đảng; qua sinh hoạt thường kỳ, qua tự phê bình và phê bình, phân tích chất lượng đảng viên, tổ chức đảng; qua bình xét chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh và kiểm tra, đánh giá ưu điểm, khuyết điểm về lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện của đảng ủy, chi ủy, chi bộ, tổ đảng và của cán bộ, đảng viên trong việc chấp hành Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

+ Cùng với việc kiểm tra, giám sát thường xuyên, đảng ủy, chi bộ cần có chương trình, kế hoạch kiểm tra định kỳ theo thời gian hoặc giám sát theo chuyên đề đối với tổ chức đảng và đảng viên sinh hoạt và hoạt động trong đảng bộ, chi bộ về những nội dung cần thiết.

+ Khi có tổ chức đảng hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm, bị tố cáo hoặc khi có yêu cầu kiểm tra của tổ chức đảng cấp trên thì có kế hoạch tiến

hành kiểm tra theo đúng mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, thẩm quyền, quy trình, thủ tục.

Câu 11. Đảng viên có trách nhiệm gì trong công tác kiểm tra, giám sát?

Trả lời:

- Đảng viên phải thường xuyên tự kiểm tra việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và nhiệm vụ đảng viên, đồng thời nhắc nhở, đôn đốc đảng viên khác trong chi bộ, đảng bộ chấp hành. Thực hiện tốt tự phê bình và kịp thời phát hiện, phê bình trung thực, chân thành, thẳng thắn đối với đảng viên và tổ chức đảng trong chi bộ, đảng bộ có khuyết điểm hoặc có dấu hiệu vi phạm. Tích cực tham gia công tác kiểm tra, giám sát theo chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát của chi bộ, đảng ủy hoặc theo yêu cầu của cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp trên.

- Mọi hoạt động của đảng viên đều phải chịu sự kiểm tra của chi bộ và các tổ chức đảng có thẩm quyền. Khi cấp ủy và ủy ban kiểm tra yêu cầu báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra, đảng viên phải thực hiện đầy đủ, không gây khó khăn, trở ngại cho công tác kiểm tra.

Câu 12. Phương pháp tiến hành công tác kiểm tra, giám sát của Đảng được quy định như thế nào?

Trả lời:

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng là công tác đảng, là sinh hoạt đảng. Vì vậy, tiến hành công tác kiểm tra, giám sát phải giữ đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, đúng tính chất công tác đảng.

Phương pháp tiến hành công tác kiểm tra, giám sát là hệ thống các cách thức tiến hành trong hoạt động kiểm tra, giám sát của Đảng mà mọi tổ chức đảng và đảng viên (chủ thể, đối tượng) phải tuân theo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát.

Phương pháp cơ bản tiến hành công tác kiểm tra, giám sát là: (1) dựa vào tổ chức đảng và đảng viên; (2) phát huy tinh thần tự giác của tổ chức đảng và đảng viên; (3) phát huy trách nhiệm xây dựng Đảng của quần chúng; (4) làm tốt công tác thẩm tra, xác minh đối với công tác kiểm tra, giám sát; (5) phối hợp chặt chẽ công tác kiểm tra của Đảng với công tác thanh tra, kiểm toán của Nhà nước, thanh tra nhân dân, công tác kiểm tra, giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Câu 13. Vì sao công tác kiểm tra, giám sát phải dựa vào tổ chức đảng và đảng viên?

Trả lời:

Công tác kiểm tra, giám sát phải dựa vào tổ chức đảng và đảng viên bởi đây vừa là phương pháp cơ bản vừa là vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng nói chung.

Tổ chức đảng là cơ quan lãnh đạo, quản lý, giám sát, giáo dục đảng viên và cán bộ cấp dưới; nơi nắm vững tình hình, đặc điểm của tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên; nơi tổ chức thực hiện và lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng, các kết luận kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng cấp trên; là nơi chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng cấp trên về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi quản lý của mình. Do đó, dựa vào tổ chức đảng quản lý đối tượng kiểm tra, giám sát vừa có tính nguyên tắc vừa tôn trọng hệ thống tổ chức đảng.

Cán bộ, đảng viên là thành viên của tổ chức đảng vừa có vai trò là người lãnh đạo, quản lý, giáo dục của tổ chức, là lực lượng tiến hành các mặt công tác xây dựng Đảng cũng như thực hiện nhiệm vụ chính trị, nắm bắt được tình hình công tác, tình hình nội bộ Đảng, đấu tranh phê bình và tự phê bình để xây dựng Đảng..., vừa là lực lượng

quan trọng trong việc kiểm tra, giám sát và tự kiểm tra của Đảng.

Dựa vào tổ chức đảng và đảng viên, chủ thể kiểm tra, giám sát mới hiểu được tình hình, điều kiện hoàn cảnh, khó khăn, thuận lợi, ưu điểm, khuyết điểm trong thực hiện chức năng, nghiệp vụ, quyền hạn của đối tượng kiểm tra, giám sát để có cơ sở nhận xét, đánh giá, xem xét, kết luận một cách chính xác.

Câu 14. Chi ủy có phải là tổ chức đảng không? Nếu là tổ chức đảng thì có phải là chủ thể và đối tượng kiểm tra, giám sát không?

Trả lời:

Khoản 22.1 Mục 22 Quy định số 24-QĐ/TW quy định: *“Chi bộ có 9 đảng viên chính thức trở lên bầu chi ủy; chi bộ đông đảng viên bầu không quá 7 chi ủy viên. Chi bộ trực tiếp bầu chi ủy trước, sau đó bầu bí thư, bầu một phó bí thư trong số chi ủy viên. Chi bộ có dưới 9 đảng viên chính thức bầu bí thư, nếu cần bầu một phó bí thư”.*

Khoản 6 Điều 3 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Đối tượng kiểm tra, giám sát gồm: Chi ủy, chi bộ, đảng ủy bộ phận, ban thường vụ đảng ủy cơ sở, đảng ủy cơ sở; cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên; ủy ban kiểm tra; các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy; ban cán sự đảng, đảng đoàn; đảng viên”.*

Căn cứ các quy định trên, chi ủy là tổ chức đảng, nhưng thực tế cho thấy mọi hoạt động của chi ủy đều do chi bộ lãnh đạo, quyết định và ra nghị quyết, chi ủy chỉ có trách nhiệm chuẩn bị nội dung sinh hoạt, hoạt động của chi bộ; chi ủy không có thẩm quyền ra nghị quyết, không có thẩm quyền thi hành kỷ luật.

Chi ủy là một trong những đối tượng kiểm tra, giám sát của Đảng.

Câu 15. Tổ đảng có phải là tổ chức đảng không? Tổ đảng có phải là đối tượng của công tác kiểm tra, giám sát của Đảng hay không?

Trả lời:

Điểm 19.3.2 khoản 19.3 Mục 19 Quy định số 24-QĐ/TW quy định: “Ở những đơn vị trực thuộc trường đại học, doanh nghiệp; một số thôn, xóm, ấp, bản, cụm dân cư ở xã, phường, thị trấn... có hơn 30 đảng viên, do tình hình thực tế và yêu cầu chỉ đạo không thể tách ra nhiều chi bộ, nếu được cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng đồng ý thì đảng uỷ cơ sở ra quyết định thành lập chi bộ trực thuộc. Chi bộ có từ 30 đảng viên trở lên chia thành nhiều tổ đảng.

Tổ đảng có nhiệm vụ quản lý, giáo dục, hướng dẫn và giúp đỡ đảng viên sản xuất, công tác và học tập, lãnh đạo quần chúng thực hiện nghị

quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị; tuyên truyền vận động quần chúng vào Đảng. Tổ đảng sinh hoạt ít nhất mỗi tháng một lần”.

Khoản 4 Mục I Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: “Đối tượng kiểm tra, giám sát: Ngoài các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 3, còn bao gồm các ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ đảng, tổ công tác, đoàn (tổ) kiểm tra, giám sát do cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra lập ra theo thẩm quyền”.

Căn cứ quy định và hướng dẫn trên, tổ đảng là tổ chức đảng và là đối tượng kiểm tra, giám sát của Đảng.

Câu 16. Vì sao công tác kiểm tra, giám sát phải phát huy tinh thần tự giác của đảng viên và tổ chức đảng?

Trả lời:

Tự giác là bản chất, mục đích của công tác xây dựng Đảng. Xây dựng tự giác trong Đảng là trách nhiệm của mọi tổ chức đảng và đảng viên, trong đó có công tác kiểm tra, giám sát. Kỷ luật của Đảng là kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc và tự giác, không có ngoại lệ, không có vùng cấm. Tổ chức đảng và đảng viên có tự giác tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật đảng thì mới bảo

đảm sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Do đó, tự giác là một tất yếu phải phấn đấu của Đảng Cộng sản và những người đảng viên cộng sản.

Phát huy tinh thần tự giác của tổ chức đảng và đảng viên cũng là vấn đề có tính nguyên tắc. Vì vậy, tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, chủ thể kiểm tra cần coi trọng và làm tốt công tác tư tưởng đối với đối tượng kiểm tra, giám sát dựa vào tính tự giác của đối tượng kiểm tra, giám sát, giúp cho việc xem xét, kết luận được chính xác. Đồng thời, không ngừng xây dựng, phát huy cao tinh thần tự giác, tự phê bình và phê bình, tính chiến đấu của đối tượng kiểm tra, giám sát là mục đích của công tác xây dựng Đảng. Đối với những trường hợp quanh co, giấu giếm sai lầm, khuyết điểm, cần kiên trì động viên, thuyết phục, kết hợp đấu tranh phê bình và tự phê bình và công tác kiểm tra, xác minh để làm rõ đúng sai, giúp việc kết luận và xử lý được chuẩn xác.

Câu 17. Vì sao công tác kiểm tra, giám sát phải phát huy tinh thần trách nhiệm xây dựng Đảng của quần chúng?

Trả lời:

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Một trong những phương

châm xây dựng Đảng là tổ chức cho quần chúng tham gia xây dựng Đảng, góp phần kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức đảng, kiểm tra, giám sát công tác và phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Quần chúng gắn bó với tổ chức đảng và đảng viên. Mọi hoạt động của tổ chức đảng, đảng viên, kể cả ưu điểm, thiếu sót, khuyết điểm, hạn chế, dấu hiệu vi phạm, quần chúng luôn luôn quan tâm và nhận biết. Vì vậy, công tác kiểm tra phải phát huy tinh thần trách nhiệm xây dựng Đảng của quần chúng. Những ý kiến đóng góp của quần chúng đối với tổ chức đảng và đảng viên sẽ giúp thêm cơ sở để tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, kết luận được khách quan, chuẩn xác.

Câu 18. Vì sao kiểm tra phải làm tốt công tác thẩm tra, xác minh?

Trả lời:

Yêu cầu cơ bản trong công tác kiểm tra là phải đánh giá, kết luận đúng ưu điểm, khuyết điểm, vi phạm (nếu có) của tổ chức đảng và đảng viên được kiểm tra để có quyết định chính xác. Muốn vậy, ngoài việc phải dựa vào tổ chức đảng, phải phát huy tinh thần tự giác tự phê bình của đảng viên và tổ chức đảng, phát huy trách nhiệm xây dựng Đảng của quần chúng, phải hết sức coi trọng và làm tốt công tác thẩm tra, xác minh. Chưa thẩm tra, xác minh thì chưa được kết luận.

Thực tiễn cho thấy có nhiều tổ chức đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm, khi được kiểm tra đã tự giác tự phê bình, kiểm điểm nghiêm túc trước tổ chức đảng có thẩm quyền nhưng cũng có không ít tổ chức đảng và đảng viên quanh co, giấu khuyết điểm, vi phạm, thậm chí tìm mọi cách đối phó, gây khó khăn, trở ngại đối với công tác kiểm tra hoặc khuyết điểm, vi phạm phát hiện đến đâu thì nhận đến đó. Tổ chức đảng quản lý đảng viên và tổ chức đảng được kiểm tra có nơi còn hữu khuynh, thiếu tinh thần chiến đấu, thậm chí dung túng, bao che cho đảng viên và tổ chức đảng vi phạm... Do đó, công tác thẩm tra, xác minh rất quan trọng, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên khi tiến hành kiểm tra phải coi trọng và làm tốt.

IV. NỘI DUNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ KỶ LUẬT ĐẢNG

1. Kiểm tra, giám sát

Câu 19. Đối tượng, nội dung, thẩm quyền và trách nhiệm của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cơ sở trong công tác kiểm tra được quy định như thế nào?

Trả lời:

Đối tượng, nội dung, thẩm quyền và trách nhiệm của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cơ sở

trong công tác kiểm tra được quy định chung tại khoản 2 Điều 4 Quy định số 22-QĐ/TW:

1. Đối tượng kiểm tra

1.1. Tổ chức đảng thuộc phạm vi quản lý, trước hết là tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp.

1.2. Đảng viên thuộc phạm vi quản lý, trước hết là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp mình quản lý hoặc được giao các nhiệm vụ quan trọng.

2. Nội dung kiểm tra

2.1. Đối với tổ chức đảng

- Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên.

- Việc tuyển dụng, tiếp nhận, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, nâng ngạch, bố trí, sử dụng, giới thiệu ứng cử, bầu cử, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2.2. Đối với đảng viên: Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

3. Thẩm quyền và trách nhiệm

3.1. Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và tình hình thực tế để xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, xác định rõ nội dung, đối tượng, thời gian, phương pháp tiến hành, tổ chức thành phần đoàn kiểm tra.

3.2. Yêu cầu các tổ chức đảng và đảng viên có liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu theo nội dung kiểm tra và phải giữ bí mật thông tin, tài liệu.

3.3. Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ trực tiếp kiểm tra hoặc giao uỷ ban kiểm tra tiến hành kiểm tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên; xem xét, xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật; quyết định bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị tổ chức đảng, cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thu hồi các văn bản trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3.4. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền giám định chuyên môn, kỹ thuật liên quan đến nội dung kiểm tra.

Câu 20. Đối tượng, nội dung, thẩm quyền và trách nhiệm của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cơ sở trong công tác giám sát được quy định như thế nào?

Trả lời:

Đối tượng, nội dung, thẩm quyền và trách nhiệm của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cơ sở trong công tác giám sát được quy định chung tại khoản 3 Điều 4 Quy định số 22-QĐ/TW:

1. Đối tượng giám sát: Tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi quản lý.

2. Nội dung giám sát

2.1. Đối với tổ chức đảng

- Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên.

- Việc tuyển dụng, tiếp nhận, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, luân chuyển, điều động,

bổ nhiệm, nâng ngạch, bố trí, sử dụng, giới thiệu ứng cử, bầu cử, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2.2. Đối với đảng viên: Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

3. Thẩm quyền và trách nhiệm

3.1. Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và tình hình thực tế để xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát, xác định rõ nội dung, đối tượng, thời gian, phương pháp tiến hành, tổ chức thành phần đoàn giám sát.

3.2. Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ phân công cấp uỷ viên, uỷ ban kiểm tra và các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ thực hiện việc giám sát.

3.3. Cấp uỷ viên khi thực hiện nhiệm vụ giám sát được yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu, văn bản theo nội dung giám sát và chịu trách nhiệm về các nội dung, thông tin, tài liệu giám sát; có trách nhiệm báo cáo kết quả giám sát bằng văn bản cho ban thường vụ hoặc cho cấp uỷ.

3.4. Qua giám sát, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ nhận xét, đánh giá về ưu điểm, khuyết điểm

và nguyên nhân; rút kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo, về tổ chức thực hiện; bổ sung, sửa đổi những vấn đề cần thiết; cử cấp uỷ viên trực tiếp chỉ đạo, giám sát tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên sửa chữa, khắc phục yếu kém, khuyết điểm, vi phạm.

3.5. Nếu phát hiện tổ chức đảng hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì kiểm tra hoặc giao uỷ ban kiểm tra tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

3.6. Nếu phát hiện đối tượng giám sát không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc ban hành các văn bản trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước thì quyết định bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị tổ chức đảng, cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thu hồi các văn bản trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Câu 21. Nội dung, đối tượng, thẩm quyền và trách nhiệm của uỷ ban kiểm tra cấp cơ sở trong công tác giám sát được quy định như thế nào?

Trả lời:

Nội dung, đối tượng, thẩm quyền và trách nhiệm của uỷ ban kiểm tra cấp cơ sở trong công tác giám sát được quy định chung tại khoản 3 Điều 8 Quy định số 22-QĐ/TW:

1. Nội dung giám sát

a) Đối với tổ chức đảng:

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp uỷ cấp trên và cấp mình, pháp luật của Nhà nước.

- Việc ban hành các văn bản có dấu hiệu trái với chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Việc thực hiện các kết luận, quyết định kiểm tra, giám sát và kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

b) Đối với đảng viên (kể cả cấp uỷ viên cùng cấp và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý):

- Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp uỷ cấp trên và cấp mình, pháp luật của Nhà nước.

- Thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, quy chế làm việc, chế độ công tác.

- Tư tưởng chính trị, giữ gìn đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương theo các quy định của Đảng.

- Về tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và trong thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

- Việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

2. Đối tượng giám sát

a) Đối với tổ chức đảng: Các tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp dưới trực tiếp.

b) Đối với đảng viên: Cấp uỷ viên cùng cấp (kể cả bí thư, phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ), cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý.

3. Thẩm quyền và trách nhiệm

- Uỷ ban kiểm tra phân công thành viên uỷ ban dự các cuộc họp của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp, cử cán bộ kiểm tra dự các hội nghị của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới.

- Thành viên uỷ ban kiểm tra, đoàn giám sát và cán bộ kiểm tra được yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên giải trình, cung cấp tài liệu, báo cáo về các nội dung giám sát; có trách nhiệm bảo mật thông tin, tài liệu và chịu trách nhiệm về việc giám sát trước uỷ ban kiểm tra.

2. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm

Câu 22. Dấu hiệu vi phạm và kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm là gì?

Trả lời:

1. Dấu hiệu vi phạm

- Dấu hiệu vi phạm là những hiện tượng cho thấy có sự không tuân theo, không làm hoặc làm trái một hoặc một số điều quy định.

- Khi có dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên là khi có những thông tin, tài liệu, phản ánh, đối chiếu cho thấy tổ chức đảng hoặc đảng viên không tuân theo, không làm hoặc làm trái với Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định, quy chế, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước (khoản 10 Điều 3 Quy định số 22-QĐ/TW).

- Việc phát hiện, xác định dấu hiệu vi phạm thông qua (tiết 3.2.1 điểm 3.2 khoản 3 Điều 8 Quy định số 22-QĐ/TW):

“+ Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra của các cấp uỷ, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế và giám sát của nhân dân.

+ Báo cáo, kiến nghị của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới.

+ Tự phê bình và phê bình của tổ chức đảng và đảng viên; việc bình xét, phân tích chất lượng đảng viên, tổ chức đảng.

+ Tố cáo, khiếu nại, phản ánh, kiến nghị của đảng viên và nhân dân.

+ Phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng đã được kiểm chứng”.

2. Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm

- Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm là việc tổ chức đảng có thẩm quyền kiểm tra khi tổ chức đảng có biểu hiện không tuân theo, không làm hoặc làm trái quy định để xem xét, đánh giá, kết luận có hay không có vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; quy định của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội...

- Kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm là việc tổ chức đảng có thẩm quyền kiểm tra khi đảng viên có biểu hiện không tuân theo, không làm hoặc làm trái quy định để xem xét, đánh giá, kết luận có hay không có vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

Câu 23. Nội dung, đối tượng và thẩm quyền quyết định kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên được quy định như thế nào?

Trả lời:

- Tiết 3.2.1 điểm 3.2 khoản 3 Điều 8 Quy định số 22-QĐ/TW quy định:

1. Nội dung kiểm tra

a) Đối với tổ chức đảng:

- Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng.

- Việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Việc quản lý, giáo dục, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

- Việc tuyển dụng, tiếp nhận, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, từ chức, miễn nhiệm, bố trí, sử dụng, giới thiệu ứng cử, bầu cử, nâng ngạch, khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

b) Đối với đảng viên: Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

2. Đối tượng kiểm tra

a) Đối với tổ chức đảng

- Các tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là cấp

dưới trực tiếp; cấp uỷ, tổ chức đảng thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý của cấp uỷ cùng cấp.

- Khi kiểm tra tổ chức đảng có thể kết hợp kiểm tra đảng viên.

b) Đối với đảng viên: Đảng viên, trước hết là cấp uỷ viên cùng cấp, đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý khi có dấu hiệu vi phạm; khi cần thiết thì kiểm tra đảng viên do tổ chức đảng cấp dưới quản lý.

3. Thẩm quyền quyết định kiểm tra

Ủy ban kiểm tra (nơi không có thường trực uỷ ban kiểm tra) hoặc thường trực uỷ ban kiểm tra có thẩm quyền quyết định kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên.

- Đối với cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ quy định tại tiết 2.4.3 điểm 2.4 khoản 2 Điều 4 của Quy định số 22-QĐ/TW: *“Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ trực tiếp kiểm tra hoặc giao uỷ ban kiểm tra tiến hành kiểm tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên...”*.

3. Kiểm tra tài chính đảng

Câu 24. Kiểm tra tài chính đảng là gì? Điều lệ Đảng quy định nhiệm vụ của uỷ ban kiểm tra các cấp là: “Kiểm tra tài chính của cấp uỷ cấp dưới và của cơ quan tài

chính cấp ủy cùng cấp”. Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở thực hiện kiểm tra tài chính đảng như thế nào?

Trả lời:

- Kiểm tra tài chính đảng được quy định tại khoản 11 Điều 3 Quy định số 22-QĐ/TW: *“là việc các tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, đánh giá, kết luận về ưu điểm, khuyết điểm hoặc vi phạm (nếu có) của đối tượng kiểm tra trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý tài chính, tài sản của Đảng”.*

- Tại điểm 3.2.6 khoản 3 Điều 8 của Quy định số 22-QĐ/TW quy định nội dung, đối tượng kiểm tra tài chính của ủy ban kiểm tra các cấp như sau:

“a) Nội dung kiểm tra

- Đối với cấp uỷ cấp dưới:

+ Việc ban hành các quy định, quyết định về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của cấp uỷ.

+ Việc thực hiện và chỉ đạo các cơ quan, tổ chức đảng cấp dưới (cơ quan tài chính của cấp uỷ, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp và cấp uỷ cấp dưới) chấp hành các quy định của Đảng, pháp luật về tài chính, tài sản.

+ Việc thực hiện các quy định về chế độ kế toán, chứng từ; về thanh quyết toán, chi tiêu tài

chính, quản lý tài sản của Đảng; việc kiểm tra tài chính đối với tổ chức đảng trực thuộc.

- Đối với cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp:

+ Việc tham mưu cho cấp uỷ ban hành các chính sách, quyết định, quy định về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản.

+ Việc thực hiện các quy định của Đảng và pháp luật về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản.

+ Việc thực hiện sự chỉ đạo, quy định, quyết định của cấp uỷ cấp mình và cơ quan tài chính cấp uỷ cấp trên.

+ Việc hướng dẫn và kiểm tra về nghiệp vụ công tác tài chính đối với cơ quan tài chính cấp uỷ cấp dưới.

- Đối với ngân sách do Nhà nước cấp: Uỷ ban kiểm tra và cơ quan tài chính cấp uỷ có thể phối hợp với cơ quan chức năng của Nhà nước tổ chức kiểm tra.

- Đối với kiểm tra thu, nộp đảng phí: Chủ yếu do đảng uỷ cơ sở và uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở tiến hành.

b) Đối tượng kiểm tra: Cấp uỷ cấp dưới và cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp. Khi cần thiết thì kiểm tra tài chính các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp trực thuộc cấp uỷ cùng cấp”.

Căn cứ quy định trên, ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở kiểm tra việc quản lý, thu và trích nộp đảng phí đối với cán bộ được cấp ủy phân công quản lý tài chính đảng; việc quản lý và sử dụng các nguồn thu khác.

Câu 25. Kiểm tra tài chính của Đảng ở cơ sở xã, phường, thị trấn và ở chi bộ về thu, nộp và sử dụng đảng phí gồm những nội dung gì?

Trả lời:

Nội dung kiểm tra tài chính của Đảng ở cơ sở xã, phường, thị trấn và ở chi bộ về thu, nộp và sử dụng đảng phí gồm:

- *Đối với đảng ủy cơ sở xã, phường, thị trấn:*

+ Kiểm tra việc thu, chi ngân sách (từ ủy ban nhân dân chuyển sang; từ đảng phí và các nguồn thu khác); việc chấp hành các nguyên tắc, chế độ thu, chi, việc chấp hành chế độ kế toán và quyết toán định kỳ.

+ Việc bảo đảm trợ cấp về tài chính cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở.

+ Việc chi tiêu, cấp phát sách báo.

+ Việc mở sổ, ghi chép, lưu trữ chứng từ thu, chi; việc quản lý, sử dụng tài sản được cấp.

+ Kiểm tra việc thu, nộp, sử dụng đảng phí.

- Đối với chi bộ:

+ Kiểm tra việc thu, nộp, sử dụng đảng phí của chi bộ.

+ Kiểm tra việc đảng viên thực hiện đóng đảng phí hàng tháng theo quy định.

+ Kiểm tra việc thực hiện quyết định miễn đóng đảng phí đối với đảng viên.

+ Kiểm tra việc trích nộp theo tỷ lệ lên đảng ủy cấp trên và sử dụng đảng phí được giữ lại của chi bộ.

+ Kiểm tra bàn giao đảng phí ở những chi bộ mới chia tách, sáp nhập, giải thể...

Đối với ngân sách do Nhà nước cấp: Ủy ban kiểm tra và cơ quan tài chính cấp ủy có thể phối hợp với cơ quan chức năng của Nhà nước tổ chức kiểm tra.

Đối với kiểm tra thu, nộp đảng phí: Chủ yếu do đảng ủy cơ sở và ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở tiến hành.

4. Giải quyết tố cáo

Câu 26. Tố cáo trong Đảng và thẩm quyền giải quyết tố cáo được quy định như thế nào?

Trả lời:

- Khoản 7, Điều 3 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Tố cáo trong Đảng là việc công dân, đảng viên báo cho tổ chức đảng hoặc cán bộ, đảng viên*

có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng và pháp luật của Nhà nước của tổ chức đảng hoặc đảng viên mà người tố cáo cho là gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Đảng, Nhà nước, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức hoặc cá nhân”.

- Thẩm quyền giải quyết tố cáo được quy định tại Điều 19 Quy định số 22-QĐ/TW: “Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi quản lý của cấp uỷ cùng cấp. Tổ chức đảng có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi phụ trách. Chi bộ có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với đảng viên thuộc phạm vi quản lý.

Trường hợp đảng viên là cấp uỷ viên các cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ các cấp quản lý đã nghỉ hưu, nếu bị tố cáo vi phạm khi đang công tác thì thẩm quyền giải quyết tố cáo được thực hiện như đang đương chức”.

Câu 27. Các nội dung nào tổ chức đảng ở cơ sở cần lưu ý khi giải quyết tố cáo?

Trả lời:

Theo Điều 20 Quy định số 22-QĐ/TW quy

định về nguyên tắc giải quyết tố cáo, tổ chức đảng ở cơ sở cần lưu ý:

- Khi nhận được tố cáo, phải phân loại, giải quyết các trường hợp thuộc phạm vi trách nhiệm hoặc phối hợp với các tổ chức đảng có thẩm quyền để giải quyết; nếu không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì chuyển đến các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giải quyết các đơn tố cáo.

- Thời hạn giải quyết tố cáo: Chậm nhất 90 ngày, kể từ ngày nhận được tố cáo (gửi, tố cáo trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện chuyển đến). Trường hợp vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo nhưng không quá 30 ngày, đồng thời phải thông báo cho người tố cáo, người bị tố cáo, tổ chức có liên quan biết. Sau khi giải quyết xong, phải thông báo cho người tố cáo biết kết quả giải quyết tố cáo bằng hình thức thích hợp.

- Trường hợp tố cáo có liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, uỷ ban kiểm tra báo cáo cấp uỷ cùng cấp chỉ đạo phối hợp giải quyết.

- Tổ chức đảng và đảng viên nhận được tố cáo phải bảo đảm bí mật cho người tố cáo, hướng dẫn người tố cáo thực hiện đúng quy định của Đảng, Nhà nước và có biện pháp bảo vệ người tố cáo. Không để người bị tố cáo chủ trì giải quyết tố cáo đối với mình. Không để người tố cáo hoặc người có liên quan đến tố cáo giải quyết tố cáo.

- Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra giải quyết tố cáo phải xử lý hoặc đề nghị xử lý nghiêm những trường hợp sau: Truy tìm, trù dập, trả thù người tố cáo; cản trở, không xem xét, giải quyết tố cáo; bao che những việc làm sai trái của đối tượng bị tố cáo; để lộ tên người tố cáo cho đối tượng bị tố cáo biết, để lộ tên người tố cáo, nội dung tố cáo cho người không có trách nhiệm biết; lợi dụng tố cáo để xuyên tạc sự thật, vu khống, tố cáo mang tính bịa đặt, đả kích, gây dư luận xấu đối với người khác.

Câu 28. Đơn tố cáo giấu tên, mạo tên có xem xét, giải quyết không?

Trả lời:

Khoản 7 Điều 20 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “*Không giải quyết đơn tố cáo nặc danh, giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ, không rõ nội dung và đơn tố cáo có tên đã được cấp có thẩm quyền xem xét, kết luận hoặc đã có thông báo không xem xét, giải quyết; đơn tố cáo do người tố cáo đã tự nguyện rút đơn nay tiếp tục tố cáo lại nhưng không có thêm nội dung, tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất sự việc; đơn tố cáo có tên nhưng nội dung không cụ thể, không có căn cứ để thẩm tra, xác minh; đơn tố cáo có tên nhưng trong nội dung của đơn không chứa đựng,*

phản ánh nội dung tố cáo đối với đảng viên, tổ chức đảng; đơn tố cáo không phải do người tố cáo trực tiếp ký tên; đơn tố cáo có từ hai người trở lên cùng ký tên; đơn tố cáo của người không có năng lực hành vi dân sự.

Nếu đơn tố cáo giấu tên, mạo tên nhưng rõ địa chỉ, đối tượng và nội dung tố cáo thì tổ chức đảng có thẩm quyền nắm tình hình để làm cơ sở kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo”.

Căn cứ quy định trên, tố cáo giấu tên, mạo tên không xem xét, giải quyết. Trường hợp đơn tố cáo giấu tên, mạo tên nhưng rõ địa chỉ, đối tượng và nội dung tố cáo thì tổ chức đảng có thẩm quyền nắm tình hình để làm cơ sở kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo.

Câu 29. Các nội dung tố cáo nào phải giải quyết?

Trả lời:

Điều 21 Quy định số 22-QĐ/TW quy định các nội dung tố cáo tổ chức đảng phải giải quyết theo thẩm quyền:

- Đối với tổ chức đảng: Những nội dung liên quan đến việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, pháp luật của

Nhà nước, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; đoàn kết nội bộ.

- Đối với đảng viên: Những nội dung liên quan đến tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên; việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng; về nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn và phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

- Những nội dung tố cáo mà uỷ ban kiểm tra chưa đủ điều kiện xem xét thì kiến nghị cấp uỷ hoặc phối hợp hay yêu cầu tổ chức đảng ở cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

5. Thi hành kỷ luật

Câu 30. Thi hành kỷ luật đảng là gì? Các hình thức kỷ luật của Đảng? Thi hành kỷ luật đảng có ý nghĩa, tác dụng như thế nào?

Trả lời:

- Khoản 8 Điều 3 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Thi hành kỷ luật trong Đảng là việc các tổ chức đảng có thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên có vi phạm đến mức phải xử lý bằng một trong những hình thức*

kỷ luật được quy định tại Khoản 2, Điều 35 Điều lệ Đảng”.

- Các hình thức kỷ luật gồm: Đối với tổ chức đảng: Khiển trách, cảnh cáo, giải tán; Đối với đảng viên chính thức: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức (nếu có chức vụ), khai trừ; Đối với đảng viên dự bị: Khiển trách, cảnh cáo.

Phê bình sâu sắc; nghiêm khắc kiểm điểm, rút kinh nghiệm; xóa tên trong danh sách đảng viên; chấp nhận đơn xin ra khỏi Đảng; cho thôi giữ chức, miễn nhiệm... không phải là hình thức kỷ luật đối với đảng viên. Giải thể không phải là hình thức kỷ luật đối với tổ chức đảng.

- Ý nghĩa, tác dụng của thi hành kỷ luật đảng:

+ Tăng cường kỷ luật đảng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mọi tổ chức đảng và đảng viên để nâng cao tính đảng, tính giai cấp, giữ vững kỷ cương của Đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo và xây dựng Đảng, nhất là trong giai đoạn hiện nay. Tăng cường kỷ luật đảng không có nghĩa là phải thi hành kỷ luật cho nhiều, cho nặng mà chủ yếu là phải thường xuyên giáo dục, nâng cao giác ngộ chính trị, giác ngộ giai cấp, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm để các tổ chức đảng và đảng viên nghiêm túc và tự giác chấp hành kỷ luật đảng. Nhưng nếu tổ chức đảng và đảng viên vi phạm tới mức phải thi hành

kỷ luật thì cần phải thi hành kỷ luật để giữ vững sự thống nhất ý chí và hành động, tăng cường sức chiến đấu của Đảng, giáo dục tổ chức đảng và đảng viên.

+ Thi hành kỷ luật đảng là công việc quan trọng và cần thiết, nhằm giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng, bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động, tăng cường sức chiến đấu của Đảng, giáo dục tổ chức đảng và đảng viên. Việc thi hành kỷ luật phải bảo đảm đúng phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục mà Điều lệ Đảng, nghị quyết của Đảng đã quy định, cần đấu tranh chống các khuynh hướng không công bằng, buông lỏng hoặc khắt khe và các khuynh hướng sai lầm khác trong việc thi hành kỷ luật đảng.

Câu 31. Kỷ luật đảng có những nội dung gì?

Trả lời:

- Kỷ luật đảng bao gồm những nội dung sau:

1. Kỷ luật nội bộ đảng

Cương lĩnh chính trị của Đảng định hướng về đường lối, quan điểm, chính sách, hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng để xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Mọi tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị của Đảng. Làm trái Cương lĩnh chính trị là vi phạm kỷ luật đảng.

Điều lệ Đảng là bộ luật chung của toàn Đảng, quy định mục đích của Đảng; các nguyên tắc cơ bản về xây dựng Đảng; nguyên tắc tổ chức và hệ thống tổ chức của Đảng; nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức đảng và đảng viên; sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội; việc khen thưởng và kỷ luật đảng... Toàn bộ công tác lãnh đạo của Đảng, công tác xây dựng Đảng phải được tiến hành trên cơ sở các quy định của Điều lệ Đảng. Vi phạm Điều lệ Đảng là vi phạm kỷ luật đảng.

Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng còn được thể hiện và quán triệt trong các nghị quyết đại hội đảng các cấp, được cụ thể hoá thành nghị quyết, chỉ thị, quy định của các tổ chức đảng. Mọi tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng; vi phạm trong việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng là vi phạm kỷ luật đảng.

2. Kỷ luật về mặt nhà nước

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, đường lối, quan điểm, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng được thể chế hóa thành Hiến pháp, pháp luật, pháp lệnh, nghị định... của Nhà nước. Theo quy định của Điều lệ Đảng, Đảng Cộng sản Việt Nam “hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và

pháp luật”¹. Do đó, mọi tổ chức đảng và đảng viên cũng phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Đảng viên vi phạm Hiến pháp và pháp luật cũng là vi phạm kỷ luật đảng, phải bị xem xét kỷ luật về mặt nhà nước.

3. Kỷ luật của tổ chức chính trị - xã hội

Các tổ chức chính trị - xã hội được lập ra dưới sự lãnh đạo của Đảng để thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng trong phạm vi tổ chức của mình. Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, mỗi tổ chức chính trị - xã hội đều có điều lệ, kỷ luật riêng; những quy định riêng này được hình thành từ sự cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng. Do vậy, “Mỗi đảng viên cần phải làm kiểu mẫu phục tùng kỷ luật, chẳng những kỷ luật của Đảng, mà cả kỷ luật của các đoàn thể nhân dân và của cơ quan chính quyền cách mạng”². Đảng viên hoạt động trong các tổ chức chính trị - xã hội phải chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật của tổ chức chính trị - xã hội mà mình tham gia. Vi phạm kỷ luật của các tổ chức chính trị - xã hội mà mình tham gia cũng là vi phạm kỷ luật đảng.

1. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.5.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.7, tr.33.

- Khoản 10 Điều 2 Quy định số 69-QĐ/TW quy định: “Kỷ luật đảng không thay thế kỷ luật hành chính, kỷ luật đoàn thể và các hình thức xử phạt của pháp luật. Đảng viên bị kỷ luật về đảng thì cấp uỷ quản lý đảng viên đó phải kịp thời chỉ đạo hoặc đề nghị cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có thẩm quyền, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật về Đảng, phải kỷ luật về hành chính, đoàn thể (nếu có) theo quy định của cơ quan nhà nước, đoàn thể.

Khi các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan bảo vệ pháp luật thi hành kỷ luật, khởi tố bị can hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cán bộ, công chức, viên chức, hội viên, đoàn viên, người lao động là đảng viên thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho tổ chức đảng quản lý đảng viên đó biết. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, tổ chức đảng quản lý đảng viên phải quyết định thi hành kỷ luật về Đảng”.

Câu 32. Kỷ luật đảng có mục đích, vai trò như thế nào?

Trả lời:

- Mục đích:

Kỷ luật đảng nhằm điều chỉnh hành vi của các tổ chức đảng và đảng viên bằng Điều lệ và các quy

định của Đảng; cũng như Nhà nước điều chỉnh hành vi của các thành viên trong xã hội bằng Hiến pháp, pháp luật; các tổ chức trong xã hội điều chỉnh hành vi của các thành viên trong tổ chức mình bằng điều lệ, kỷ luật của các tổ chức đó. Kỷ luật đảng chặt chẽ thì tổ chức đảng vững mạnh, kỷ luật đảng lỏng lẻo thì tổ chức đảng suy yếu; thiếu kỷ luật đảng thì tổ chức đảng khó tránh khỏi tan rã. Kỷ luật đảng gắn liền với tổ chức đảng, bảo đảm cho tổ chức đảng tồn tại, hoạt động và phát triển.

- *Vai trò:*

Kỷ luật đảng có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng đối với hoạt động xây dựng nội bộ Đảng và hoạt động lãnh đạo cách mạng của Đảng. Trong điều kiện lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, kỷ luật đảng đảm bảo cho Đảng hoạt động tốt trong điều kiện hoạt động bí mật, xây dựng, củng cố, phát triển đội ngũ đảng viên và các tổ chức đảng; tuyên truyền, giáo dục, xây dựng lực lượng cách mạng; lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền về tay nhân dân. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, kỷ luật đảng càng có vai trò to lớn, quyết định việc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, đảm bảo Đảng lãnh đạo các lĩnh vực của đời sống xã hội và lãnh đạo hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp một cách đúng đắn, hoàn thành thắng lợi

nhiệm vụ cách mạng. V.I. Lênin đã chỉ rõ, trong điều kiện Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, kỷ luật sắt của Đảng là cái cần thiết cho chiến thắng. Khi Đảng Bôn-sê-vích Nga giành được chính quyền, V.I. Lênin tiếp tục khẳng định: “những người bôn-sê-vích sẽ không giữ vững được chính quyền, tôi không nói được tới hai năm rưỡi, mà ngay cả đến hai tháng rưỡi cũng không được nữa, nếu đảng ta không có kỷ luật hết sức nghiêm minh, kỷ luật sắt thật sự, không được sự ủng hộ đầy đủ nhất và hết lòng của quảng đại quần chúng giai cấp công nhân”¹. Như vậy, kỷ luật đảng có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự tồn tại, phát triển của Đảng và với toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng cả trong điều kiện chưa nắm chính quyền và khi đã giành được chính quyền. Khi đã giành được chính quyền, để Đảng giữ vững chính quyền, phát huy vai trò của chính quyền trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng càng phải có kỷ luật sắt và phải được quần chúng ủng hộ.

Nhờ có kỷ luật nghiêm minh mà những người cộng sản Việt Nam gắn kết chặt chẽ với nhau thành một khối thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thống nhất ý chí và hành động, có sức

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1978, t.41, tr.6.

mạnh vô địch. Vì thế, Đảng luôn vững vàng vượt qua mọi thử thách hiểm nghèo, đưa cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Câu 33. Kỷ luật đảng có tính chất như thế nào?

Trả lời:

Bất nguồn từ bản chất giai cấp của Đảng, nên “Kỷ luật của ta (Đảng ta - T.G) là kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc và tự giác”¹.

Nghiêm túc là tất cả tổ chức đảng và đảng viên đều phải phục tùng kỷ luật của Đảng, chấp hành các nguyên tắc tổ chức của Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ. Toàn Đảng phải triệu người như một, tuyệt đối không ai được bằng bất cứ cách nào, dưới bất cứ hình thức gì truyền bá những quan điểm trái với quan điểm, đường lối của Đảng. Đảng tôn trọng quyền bảo lưu ý kiến của thiểu số, song mọi đảng viên đều phải nói và làm theo nghị quyết của Đảng, ai vi phạm đều phải được xem xét, nếu cần thiết, phải bị thi hành kỷ luật. Đảng yêu cầu mọi tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành kỷ luật đảng vô điều kiện. Đảng không giảm bớt yêu cầu đối với ai, không ai được coi là ngoại lệ.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.17.

Tự giác là đặc trưng cơ bản của kỷ luật đảng, vì Đảng ta bao gồm những người thừa nhận và tự nguyện phấn đấu thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, lấy việc phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân làm lẽ sống của mình. Mọi đảng viên đều ý thức sâu sắc rằng, giữ gìn kỷ luật của Đảng, giữ gìn sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng như giữ gìn con người của mắt mình, nên dù trong lĩnh vực hoạt động nào, trong điều kiện, hoàn cảnh nào, càng khó khăn, phức tạp, càng phải đề cao tinh thần tự giác chấp hành kỷ luật của Đảng.

Song, chỉ có tự giác thì chưa đủ mà còn phải có sự bắt buộc. Bắt buộc là nhân tố tất yếu phải có đối với bất kỳ kỷ luật của tổ chức nào. Nhưng, bắt buộc trong kỷ luật đảng được xây dựng trên cơ sở giác ngộ chính trị, giác ngộ giai cấp của tất cả đảng viên; giác ngộ càng cao, nhân tố bắt buộc càng trở thành tự giác.

Tính nghiêm túc và tự giác của kỷ luật đảng là sự thống nhất giữa tập trung và dân chủ, bắt buộc và tự giác. Nghiêm túc phải trên cơ sở tự giác, tự giác càng cao thì kỷ luật càng nghiêm túc. Sự thống nhất và kết hợp giữa nghiêm túc và tự giác là điều kiện bảo đảm cho kỷ luật đảng thực sự là kỷ luật sắt.

Câu 34. Thẩm quyền của chi bộ trong thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao).

- Sau khi chi bộ quyết định kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đối với cấp uỷ viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý, phải báo cáo lên các cấp uỷ mà đảng viên đó là thành viên và cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp uỷ quản lý cán bộ.

- Việc cách chức, khai trừ cấp uỷ viên của chi bộ cơ sở do chi bộ cơ sở đề nghị, ban thường vụ cấp uỷ huyện, quận hoặc tương đương quyết định.

- Đối với cấp uỷ viên các cấp sinh hoạt tại chi bộ (từ cấp uỷ viên đảng uỷ cơ sở trở lên) và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý, nếu vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ do cấp trên giao mà phải áp dụng hình thức kỷ luật thì chi bộ đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định”.

Câu 35. Thẩm quyền của đảng uỷ bộ phận trong thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điểm 1.2 khoản 1 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Đảng uỷ bộ phận có trách nhiệm thẩm tra việc đề nghị thi hành kỷ luật của chi bộ để đề nghị ban thường vụ đảng uỷ cơ sở, đảng uỷ cơ sở xem xét, quyết định theo thẩm quyền”.*

Câu 36. Thẩm quyền của ban thường vụ, uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở trong thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm được quy định như thế nào?

Trả lời:

- Điểm 1.3 khoản 1 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW quy định về thẩm quyền của ban thường vụ đảng uỷ cơ sở trong thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm: *“Ban thường vụ đảng uỷ cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ (kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý nhưng không phải cấp uỷ viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý)”.*

- Điểm 2.1 khoản 2 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW quy định về thẩm quyền của uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở trong thi hành kỷ luật

đảng viên vi phạm: “Ủy ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở quyết định hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ (kể cả cấp uỷ viên chi bộ, cấp uỷ viên đảng uỷ bộ phận, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp)”.

Câu 37. Thẩm quyền của đảng uỷ cơ sở trong thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điểm 1.4 khoản 1 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Đảng uỷ cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp uỷ viên cấp dưới (kể cả bí thư, phó bí thư, cấp uỷ viên của chi bộ hoặc đảng uỷ bộ phận trực thuộc nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý). Đối với cấp uỷ viên cấp trên trực tiếp trở lên và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý sinh hoạt tại đảng bộ, nếu vi phạm đến mức phải kỷ luật thì đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Trường hợp tất cả cấp uỷ viên của chi bộ và của đảng bộ cơ sở đều bị thi hành kỷ luật khiển trách, cảnh cáo thì báo cáo để tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên quyết định.

- Đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền khai trừ đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý”.

Câu 38. Ủy ban kiểm tra của đảng ủy cơ sở có thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng không?

Trả lời:

- Khoản 2 Điều 12 Quy định số 22-QĐ/TW quy định thẩm quyền của ủy ban kiểm tra trong việc thi hành kỷ luật tổ chức đảng vi phạm: “Ủy ban kiểm tra các cấp xem xét, kết luận, đề xuất với cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy trong việc xử lý kỷ luật tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp; quyết định hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng trực thuộc cấp ủy cấp dưới”.

- Điểm 3.2 khoản 3 Mục III Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: “Ủy ban kiểm tra các cấp quyết định thi hành kỷ luật khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng trực thuộc cấp ủy cấp dưới (tổ chức đảng cách một cấp trở xuống) khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, giải quyết khiếu nại kỷ luật, xem xét thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên hoặc qua kiểm tra việc thi hành

kỷ luật của tổ chức đảng cấp dưới, kiểm tra tài chính đảng”.

Câu 39. Thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng vi phạm của ban thường vụ, đảng uỷ cơ sở được quy định như thế nào?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 12 Quy định số 22-QĐ/TW quy định thẩm quyền của ban thường vụ, đảng uỷ cơ sở trong việc thi hành kỷ luật tổ chức đảng vi phạm:

“- Các tổ chức đảng có quyền quyết định thi hành kỷ luật theo quy định; nếu không thuộc thẩm quyền thì đề nghị tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định. Cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng cấp dưới.

- Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ từ cấp cơ sở trở lên có quyền kỷ luật tổ chức đảng cấp dưới theo quy định”.

Điểm 3.1 khoản 3 Mục III Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: *“Cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ cấp dưới. Ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định khiển trách, cảnh cáo ban thường vụ cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới”.*

Câu 40. Trình tự xem xét, quyết định thi hành kỷ luật trong Đảng gồm những vấn đề gì?

Trả lời:

Điều 13 Quy định số 22-QĐ/TW quy định trình tự xem xét, quyết định thi hành kỷ luật đảng:

“1. Trước khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định kỷ luật nghe đảng viên vi phạm hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm trình bày ý kiến và ý kiến này được báo cáo đầy đủ (kèm theo bản tự kiểm điểm) khi tổ chức đảng có thẩm quyền họp xem xét, quyết định kỷ luật. Hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm, đảng viên vi phạm có thể trình bày ý kiến trực tiếp với tổ chức đảng có thẩm quyền tại hội nghị xem xét, quyết định kỷ luật. Nếu đảng viên hoặc người đại diện tổ chức đảng vi phạm không trực tiếp trình bày ý kiến với đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền khi được yêu cầu thì báo cáo với tổ chức đảng đó bằng văn bản và phải nghiêm chỉnh chấp hành sau khi có quyết định kỷ luật.

2. Trình tự xem xét, quyết định kỷ luật đảng viên

2.1. Đảng viên vi phạm kỷ luật phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật.

2.2. Cấp uỷ hướng dẫn đảng viên vi phạm kỷ luật chuẩn bị bản tự kiểm điểm. Hội nghị chi bộ thảo luận, góp ý và kết luận rõ nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm, các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ và biểu quyết (đề nghị hoặc quyết định) kỷ luật. Đại diện cấp uỷ tham dự hội nghị chi bộ xem xét kỷ luật đảng viên là cấp uỷ viên hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ quản lý.

2.3. Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau thì cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra có thẩm quyền trực tiếp xem xét, quyết định kỷ luật, không cần yêu cầu đảng viên đó phải kiểm điểm trước chi bộ: Vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao; nội dung vi phạm liên quan đến bí mật của Đảng và Nhà nước mà chi bộ không biết; vi phạm trước khi chuyển đến sinh hoạt ở chi bộ.

2.4. Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời, nếu vi phạm kỷ luật thì cấp uỷ nơi đảng viên sinh hoạt tạm thời có trách nhiệm xem xét, xử lý kỷ luật tới mức cảnh cáo. Sau khi xử lý kỷ luật phải thông báo bằng văn bản cho cấp uỷ nơi đảng viên sinh hoạt chính thức biết.

2.5. Tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền khi phát hiện cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý có vi phạm phải chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là chi bộ xem xét,

xử lý kỷ luật theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xem xét, xử lý hoặc xử lý không đúng mức thì tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên xem xét, xử lý kỷ luật; đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng cấp dưới và người đứng đầu tổ chức đảng đó.

3. Trình tự xem xét, quyết định kỷ luật tổ chức đảng

3.1. Tổ chức đảng vi phạm phải tự kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật và báo cáo cấp uỷ cấp trên xem xét, quyết định.

3.2. Nếu tổ chức đảng sau khi chuyển giao, sáp nhập, chia tách hoặc kết thúc hoạt động mới phát hiện có vi phạm thì tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên của tổ chức đảng đó xem xét, xử lý”.

Câu 41. Thời hiệu kỷ luật là gì? Thời hiệu kỷ luật được tính như thế nào?

Trả lời:

Khoản 1, 2 Điều 4 Quy định số 69-QĐ/TW quy định:

“1. Thời hiệu kỷ luật là thời hạn được quy định trong Quy định này mà khi hết thời hạn đó thì tổ chức đảng, đảng viên vi phạm không bị kỷ luật.

2. Thời hiệu kỷ luật được tính từ thời điểm xảy ra hành vi vi phạm đến khi tổ chức đảng có thẩm

quyền kết luận vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật. Nếu tổ chức đảng hoặc đảng viên có hành vi vi phạm mới trong thời hạn được quy định tại Điểm a, b Khoản này thì thời hiệu kỷ luật đối với vi phạm cũ được tính lại kể từ thời điểm xảy ra hành vi vi phạm mới.

a) Thời hiệu kỷ luật tổ chức đảng vi phạm như sau:

- 5 năm (60 tháng) đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức khiển trách.

- 10 năm (120 tháng) đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức cảnh cáo.

b) Thời hiệu kỷ luật đảng viên vi phạm như sau:

- 5 năm (60 tháng) đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức khiển trách.

- 10 năm (120 tháng) đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức”.

Câu 42. Trường hợp nào thì không áp dụng thời hiệu kỷ luật đối với đảng viên, tổ chức đảng vi phạm?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 4 Quy định số 69-QĐ/TW quy định:

- Đối với tổ chức đảng vi phạm: “Không áp dụng thời hiệu kỷ luật đối với những vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức kỷ luật giải tán;

vi phạm về chính trị nội bộ; về quốc phòng, an ninh, đối ngoại xâm hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc”.

- Đối với đảng viên vi phạm: “Không áp dụng thời hiệu kỷ luật đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức khai trừ; vi phạm chính trị nội bộ; vi phạm quốc phòng, an ninh, đối ngoại có xâm hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc; việc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không hợp pháp”.

Câu 43. Những tình tiết nào được xem xét để giảm nhẹ mức kỷ luật đảng nếu đảng viên vi phạm?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 5 Quy định số 69-QĐ/TW quy định:

- Chủ động báo cáo vi phạm của mình với tổ chức đảng, tự giác nhận trách nhiệm cá nhân về khuyết điểm, vi phạm và tự nhận hình thức kỷ luật tương xứng với nội dung, tính chất, mức độ vi phạm trước và trong quá trình kiểm tra, giám sát.

- Chủ động cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu, phản ánh đầy đủ, trung thực về những người cùng vi phạm.

- Chủ động chấm dứt hành vi vi phạm, tích cực tham gia ngăn chặn hành vi vi phạm; tự giác nộp tài sản tham nhũng, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do mình gây ra.

- Vi phạm khi thực hiện chủ trương hoặc thí điểm đổi mới, sáng tạo được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định, không thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 14 Điều 2 Quy định số 69-QĐ/TW.

Câu 44. Những tình tiết nào được xem xét để tăng nặng mức kỷ luật đảng nếu đảng viên vi phạm?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 6 Quy định số 69-QĐ/TW quy định:

- Đã được tổ chức đảng yêu cầu kiểm điểm nhưng không thực hiện, không sửa chữa khuyết điểm, vi phạm. Không tự giác nhận khuyết điểm, vi phạm, hình thức kỷ luật tương xứng với nội dung, tính chất, mức độ vi phạm; gây thiệt hại về vật chất phải bồi hoàn nhưng không bồi hoàn, không khắc phục hậu quả hoặc khắc phục không đúng yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, không tự giác nộp lại tiền, tài sản do vi phạm mà có.

- Đối phó, quanh co, cản trở quá trình kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Bao che cho người vi phạm; đe dọa, trù dập, trả thù người đấu tranh, tố cáo, người làm chứng, người cung cấp tài liệu, chứng cứ vi phạm.

- Vi phạm có tổ chức, là người chủ mưu; cung cấp thông tin, báo cáo sai sự thật; ngăn cản người khác cung cấp chứng cứ vi phạm; che giấu, sửa chữa, tiêu huỷ chứng cứ, tạo lập tài liệu, hồ sơ, chứng cứ giả.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, lợi dụng tình trạng khẩn cấp, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, thực hiện chính sách an sinh xã hội và quốc phòng, an ninh để trục lợi. Ép buộc, vận động, tổ chức, tiếp tay cho người khác cùng vi phạm.

Câu 45. Những tình tiết nào được xem xét để giảm nhẹ mức kỷ luật đảng nếu tổ chức đảng vi phạm?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 5 Quy định số 69-QĐ/TW quy định:

- Chủ động, kịp thời báo cáo vi phạm với tổ chức đảng cấp trên, thái độ kiểm điểm nghiêm túc, tự giác nhận khuyết điểm, vi phạm và tự nhận hình thức kỷ luật tương xứng với vi phạm.

- Chủ động cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ phản ánh đầy đủ, trung thực về vi phạm.

- Chủ động chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục cơ bản, kịp thời hậu quả do vi phạm của tổ chức mình gây ra trước và trong quá trình kiểm tra, giám sát.

- Giúp tổ chức đảng có thẩm quyền kiểm tra, xem xét, xử lý chính xác, kịp thời các tổ chức, cá nhân vi phạm.

Câu 46. Những tình tiết nào được xem xét để tăng nặng mức kỷ luật đảng nếu tổ chức đảng vi phạm?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 6 Quy định số 69-QĐ/TW quy định:

- Không kịp thời khắc phục, sửa chữa khuyết điểm, vi phạm theo kết luận của tổ chức đảng, cơ quan có thẩm quyền; không tự giác nhận khuyết điểm, vi phạm.

- Trù dập người đấu tranh, tố cáo, làm chứng, cung cấp chứng cứ vi phạm; đối phó, cản trở, gây khó khăn, trở ngại quá trình thẩm tra, xác minh, thu thập chứng cứ vi phạm; bao che, che giấu vi phạm.

- Cung cấp thông tin, báo cáo sai sự thật; đe dọa, ép buộc không để người khác cung cấp chứng cứ, tài liệu; không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, tiêu huỷ tài liệu và chứng cứ liên quan đến vi phạm; lập hồ sơ, tài liệu, chứng cứ giả để đối phó.

- Lợi dụng tình trạng khẩn cấp, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, chính sách an sinh xã hội và quốc phòng, an ninh để trục lợi.

- Vi phạm từ lần 2 trở lên, có tính hệ thống hoặc đã bị kỷ luật nhưng tiếp tục vi phạm; cố tình trì hoãn, kéo dài thời gian xem xét xử lý, khắc phục, làm cho tình hình tổ chức, cơ quan, đơn vị ngày càng phức tạp.

- Biết mà không ngăn chặn hoặc để cán bộ, đảng viên thuộc tổ chức mình trực tiếp quản lý xảy ra tham nhũng, tiêu cực gây hậu quả nghiêm trọng.

Câu 47. Trong trường hợp nào đảng viên vi phạm nhưng chưa kỷ luật, không hoặc miễn kỷ luật?

Trả lời:

Khoản 14 Điều 2 Quy định số 69-QĐ/TW quy định trường hợp chưa kỷ luật, không hoặc miễn kỷ luật:

- Đảng viên là nữ giới đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi hoặc đảng viên là nam giới (trường hợp vợ chết hoặc vì lý do khách quan, bất khả kháng khác) đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi thì chưa xem xét kỷ luật.

- Đảng viên bị bệnh nặng đang điều trị nội trú tại bệnh viện thì chưa xem xét kỷ luật, khi sức khỏe ổn định (được ra viện) mới xem xét kỷ luật.

- Đảng viên vi phạm đã qua đời thì tổ chức đảng xem xét, kết luận nhưng không quyết định

kỷ luật, trừ trường hợp có vi phạm đặc biệt nghiêm trọng.

- Đảng viên bị tuyên bố mất tích nếu phát hiện vi phạm vẫn phải xem xét, kết luận nhưng chưa xử lý kỷ luật, khi phát hiện đảng viên đó còn sống thì thi hành kỷ luật theo quy định.

- Đảng viên thực hiện đề xuất về đổi mới, sáng tạo theo Kết luận số 14-KL/TW, ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị, được cơ quan có thẩm quyền cho phép nhưng xảy ra thiệt hại thì cơ quan có thẩm quyền xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, đánh giá khách quan, toàn diện; nếu đã thực hiện đúng chủ trương, có động cơ trong sáng, vì lợi ích chung thì miễn kỷ luật hoặc giảm nhẹ trách nhiệm.

- Vi phạm do chấp hành chủ trương, quyết định, mệnh lệnh sai trái của tổ chức, cấp trên hoặc do bị ép buộc nhưng đã chủ động, kịp thời báo cáo bằng văn bản với tổ chức, cơ quan có thẩm quyền biết ý kiến, đề xuất của mình trước khi thực hiện thì miễn kỷ luật.

Điểm 1.2 khoản 1 Mục III Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định cụ thể trường hợp được miễn, không xử lý hoặc chưa xem xét, xử lý kỷ luật:

- Đảng viên chấp hành quyết định của cấp trên nhưng đã kịp thời báo cáo bằng văn bản hoặc bảo lưu ý kiến trước tổ chức đảng có thẩm quyền,

cá nhân ra quyết định trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thì được xem xét miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm khi tổ chức đảng có thẩm quyền kết luận quyết định đó là vi phạm.

- Tổ chức đảng có thẩm quyền bỏ phiếu biểu quyết kỷ luật, đối chiếu kết quả với thời hiệu xử lý kỷ luật nếu đã quá thời hạn theo quy định thì tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm không bị xử lý kỷ luật (thời hiệu được tính từ thời điểm tổ chức đảng, đảng viên thực hiện hành vi vi phạm đến khi tổ chức đảng có thẩm quyền kết luận vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật).

- Đảng viên thực hiện đề xuất về đổi mới, sáng tạo được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định của Trung ương, mà không đạt hoặc chỉ đạt được một phần mục tiêu đề ra hoặc gặp rủi ro, xảy ra thiệt hại thì cấp có thẩm quyền phải kịp thời xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, đánh giá công tâm để xem xét, xử lý, nếu đã thực hiện đúng chủ trương, có động cơ trong sáng, vì lợi ích chung thì được xem xét miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm.

- Đảng viên được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự, khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, hạn chế về năng lực hành vi dân sự khi xảy ra hành vi vi

phạm thì không xử lý kỷ luật; tổ chức đảng có thẩm quyền phải làm thủ tục cho đảng viên ra khỏi Đảng.

- Đảng viên là nữ giới đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi hoặc đảng viên là nam giới (trong trường hợp vợ chết hoặc vì lý do khách quan, bất khả kháng khác) đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi thì chưa xem xét, xử lý kỷ luật.

- Đảng viên bị bệnh nặng đang phải điều trị nội trú tích cực ở bệnh viện để chữa bệnh, nếu có kết luận của cơ quan y tế có thẩm quyền thì được hoãn, chờ đến khi sức khỏe hồi phục mới xem xét, xử lý kỷ luật.

Câu 48. Trình tự, thủ tục, cách thức bỏ phiếu thi hành kỷ luật được quy định như thế nào? Trường hợp nào thì được cộng dồn phiếu biểu quyết?

Trả lời:

Điều 15 Quy định số 22-QĐ/TW quy định về trình tự, thủ tục, cách thức bỏ phiếu thi hành kỷ luật:

“1. Sau khi xem xét, kết luận tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì tổ chức đảng phải bỏ phiếu biểu quyết hình thức kỷ luật bằng phiếu kín.

2. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm không thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của cấp mình thì đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Cách tính số phiếu biểu quyết

3.1. Kết quả biểu quyết quyết định các hình thức kỷ luật cụ thể mà không có hình thức kỷ luật nào đủ số phiếu theo quy định, thì cộng dồn số phiếu từ hình thức kỷ luật cao nhất xuống đến hình thức kỷ luật liên kế thấp hơn, đến hình thức nào mà kết quả có đủ số phiếu theo quy định thì quyết định kỷ luật bằng hình thức đó.

3.2. Quyết định kỷ luật hoặc đề nghị kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức đối với đảng viên; khiển trách, cảnh cáo đối với tổ chức đảng phải được biểu quyết với sự đồng ý của trên một nửa số đảng viên chính thức hoặc thành viên của tổ chức đảng đó.

3.3. Trường hợp khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số đảng viên chính thức hoặc thành viên của tổ chức đảng đó nhất trí đề nghị và được sự nhất trí của trên một nửa số thành viên tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền quyết định.

3.4. Trường hợp giải tán tổ chức đảng phải được ít nhất hai phần ba số thành viên cấp uỷ cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp uỷ cấp trên cách một

cấp quyết định với sự đồng ý của trên một nửa số thành viên.

3.5. Một nửa hay hai phần ba quy định ở trên được tính trên tổng số đảng viên chính thức hoặc thành viên có quyền biểu quyết của tổ chức đảng, không tính trên số thành viên có mặt trong cuộc họp:

- Ở chi bộ là tổng số đảng viên chính thức (trừ số đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, đảng viên đã được giới thiệu sinh hoạt tạm thời ở đảng bộ khác và đảng viên đã được miễn công tác, sinh hoạt đảng không có mặt tại cuộc họp); nếu đảng viên được giới thiệu sinh hoạt tạm thời, đảng viên đã được miễn công tác, sinh hoạt đảng đó có mặt ở cuộc họp, tham gia biểu quyết thì vẫn tính.

- Ở cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra là tổng số cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ hoặc tổng số thành viên uỷ ban kiểm tra đương nhiệm (trừ số thành viên đã chuyển sinh hoạt đảng tạm thời không có mặt tại hội nghị, cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt)".

Điểm 6.3 khoản 6 Mục III Hướng dẫn số 02-HD/TW hướng dẫn trường hợp được cộng dồn phiếu biểu quyết như sau:

“Việc cộng dồn phiếu chỉ thực hiện đối với việc biểu quyết quyết định hình thức kỷ luật

khi phiếu biểu quyết phân tán, không có hình thức kỷ luật cụ thể nào có đủ số phiếu theo quy định; trường hợp đã cộng dồn phiếu nhưng vẫn không có đủ số phiếu để quyết định hình thức kỷ luật theo quy định thì báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên xem xét, quyết định (kèm theo hồ sơ liên quan đến việc xem xét, quyết định kỷ luật)”.

Căn cứ quy định và hướng dẫn trên, trường hợp tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì tổ chức đảng phải bỏ phiếu biểu quyết quyết định hình thức kỷ luật cụ thể bằng phiếu kín và chỉ thực hiện một lần. Việc đề nghị hình thức kỷ luật phải dựa đúng theo kết luận của tổ chức đảng cấp trên.

Việc cộng dồn phiếu biểu quyết chỉ áp dụng đối với việc biểu quyết quyết định hình thức kỷ luật (hoặc biểu quyết giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng), không áp dụng cho việc biểu quyết đề nghị hình thức kỷ luật, vì trường hợp đề nghị là thuộc thẩm quyền của cấp trên xem xét, quyết định.

Trường hợp bỏ phiếu biểu quyết quyết định hình thức kỷ luật nhưng không có hình thức kỷ luật nào đủ đa số phiếu, thì thực hiện cộng dồn phiếu của hình thức kỷ luật cao nhất xuống đến hình thức kỷ luật liền kề thấp hơn. Nếu việc cộng dồn

phiếu biểu quyết mà không đủ đa số phiếu theo quy định, thì tổ chức đảng báo cáo cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Câu 49. Hình thức kỷ luật đối với đảng viên chính thức và đảng viên dự bị khác nhau như thế nào? Xoá tên có được coi là hình thức kỷ luật đảng hay không?

Trả lời:

Khoản 2, 3 Điều 7 Quy định số 69-QĐ/TW quy định các hình thức kỷ luật:

“- Đối với đảng viên chính thức: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức (nếu có chức vụ), khai trừ.

- Đối với đảng viên dự bị: Khiển trách, cảnh cáo”.

Khoản 9, 10 Điều 9 Quy định số 22-QĐ/TW quy định:

“9. Đảng viên chính thức vi phạm nghiêm trọng đến mức phải khai trừ thì phải kỷ luật khai trừ, không áp dụng biện pháp xoá tên, không chấp nhận việc xin ra khỏi Đảng.

10. Đảng viên dự bị vi phạm đến mức phải kỷ luật thì kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo, khi hết thời hạn dự bị, chi bộ vẫn tiến hành xét công nhận đảng viên chính thức. Nếu vi phạm đến mức không còn đủ tư cách đảng viên thì xoá tên trong danh sách đảng viên”.

Như vậy, đảng viên chính thức có 04 hình thức kỷ luật, đảng viên dự bị có 02 hình thức kỷ luật. Xoá tên không phải là hình thức kỷ luật đảng.

6. Giải quyết khiếu nại

Câu 50. Khiếu nại kỷ luật đảng là gì? Thẩm quyền, trách nhiệm trong giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của tổ chức đảng cấp cơ sở?

Trả lời:

Khoản 9 Điều 3 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Khiếu nại kỷ luật đảng là việc tổ chức đảng, đảng viên bị thi hành kỷ luật thực hiện quyền của mình theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Đảng, đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét lại quyết định kỷ luật đảng khi có căn cứ, cơ sở cho rằng quá trình kiểm tra, xem xét, quyết định kỷ luật đối với mình chưa đúng với quy định của Đảng, xâm phạm quyền và lợi ích của tổ chức đảng hoặc đảng viên bị kỷ luật”*.

Thẩm quyền, trách nhiệm trong giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của tổ chức đảng cấp cơ sở được quy định tại khoản 1, 2 Điều 22 Quy định số 22-QĐ/TW:

“- Việc giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng được tiến hành từ uỷ ban kiểm tra, ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ từ cấp cơ sở trở lên.

- Ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ là cấp giải quyết khiếu nại kỷ luật lần đầu của tổ chức đảng đối với quyết định kỷ luật của uỷ ban kiểm tra cùng cấp”.

Câu 51. Những trường hợp khiếu nại nào không thuộc trách nhiệm giải quyết của tổ chức đảng cơ sở có thẩm quyền?

Trả lời:

Điểm 2.1, 2.6 khoản 2 Mục V Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định:

“2.1. Chỉ giải quyết khiếu nại về nội dung vi phạm, hình thức kỷ luật, về nguyên tắc, thủ tục, quy trình và thẩm quyền thi hành kỷ luật, giải quyết khiếu nại kỷ luật; các trường hợp khiếu nại không thuộc phạm vi, trách nhiệm, thẩm quyền giải quyết thì tổ chức đảng phải chuyển các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định”.

“2.6. Đơn khiếu nại về xử lý kỷ luật hành chính, lịch sử chính trị, xác định tuổi đảng, xoá tên trong danh sách đảng viên thì chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết và báo cho người khiếu nại biết bằng văn bản”.

Căn cứ quy định trên, tổ chức đảng cơ sở có thẩm quyền giải quyết những nội dung khiếu nại kỷ luật đảng nêu tại điểm 2.1; các nội dung khiếu

nại khác về xử lý kỷ luật hành chính, lịch sử chính trị, xác định tuổi đảng, xoá tên trong danh sách đảng viên thì chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết và báo cho người khiếu nại biết bằng văn bản.

Câu 52. Các nguyên tắc khiếu nại và giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 23 Quy định số 22-QĐ/TW quy định:

“Nghiêm cấm các hành vi cản trở, không xem xét, giải quyết khiếu nại. Không khiếu nại vượt cấp khi chưa giải quyết xong. Không gửi đơn khiếu nại đến nhiều cấp, đến các tổ chức và cá nhân không có thẩm quyền giải quyết. Không khiếu nại hộ.

- Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật. Khi tổ chức đảng cấp trên tiến hành giải quyết khiếu nại, các tổ chức đảng cấp dưới phải nghiêm túc xem xét lại quyết định của mình và chấp hành nghiêm quyết định giải quyết khiếu nại của tổ chức đảng cấp trên.

- Tổ chức đảng trực tiếp quản lý đảng viên khiếu nại phối hợp với uỷ ban kiểm tra, ban

thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ để giải quyết khiếu nại; giáo dục và tạo điều kiện để người khiếu nại thực hiện đầy đủ các yêu cầu của uỷ ban kiểm tra, ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ; chấp hành nghiêm yêu cầu, kết luận hoặc quyết định giải quyết khiếu nại của uỷ ban kiểm tra, ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ cấp trên”.

Câu 53. Không giải quyết những đơn khiếu nại kỷ luật đảng nào?

Trả lời:

Khoản 3 Điều 24 Quy định số 22-QĐ/TW quy định:

“Không giải quyết những trường hợp khiếu nại sau: Quá thời hạn khiếu nại theo quy định; đang được cấp trên có thẩm quyền giải quyết; đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận, quyết định; bị toà án quyết định hình phạt tù cải tạo không giam giữ trở lên chưa được toà án có thẩm quyền quyết định huỷ bỏ bản án; khiếu nại hộ, khiếu nại khi chưa nhận được quyết định kỷ luật bằng văn bản của tổ chức đảng có thẩm quyền; từ chối nhận quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng”.

Căn cứ quy định trên, các đơn khiếu nại về kỷ luật đảng thuộc các trường hợp nêu trên, tổ chức

đảng cơ sở có thẩm quyền sẽ không xem xét, giải quyết.

7. Đình chỉ sinh hoạt đảng

Câu 54. Những trường hợp nào đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng?

Trả lời:

Khoản 1, 2 Điều 28 Quy định số 22-QĐ/TW quy định:

“- Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng nhằm ngăn chặn hành vi gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận của tổ chức đảng có thẩm quyền hoặc hành vi làm cho vi phạm trở nên nghiêm trọng hơn.

- Đảng viên, cấp uỷ viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp uỷ và công tác kiểm tra của Đảng hoặc bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra quyết định truy tố, tạm giam thì phải đình chỉ sinh hoạt đảng; cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng đương nhiên bị đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ; cấp uỷ viên bị khởi tố thì phải đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ nhưng vẫn được sinh hoạt đảng”.

Câu 55. Thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên và đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng được quy định như thế nào? Thủ tục thực hiện các thẩm quyền này như thế nào?

Trả lời:

- Tại Điểm 1.1, 1.2 khoản 1 Điều 29 Quy định số 22-QĐ/TW quy định thẩm quyền đình chỉ hoạt động đối với tổ chức đảng:

“1.1. Tổ chức đảng quyết định đình chỉ hoạt động của một tổ chức đảng là tổ chức đảng có thẩm quyền giải tán tổ chức đó.

1.2. Khi có đủ căn cứ phải đình chỉ mà tổ chức đảng cấp dưới không đề nghị đình chỉ hoặc không đình chỉ thì tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên hoặc đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng. Quyết định đó được thông báo cho đảng viên, cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động và các tổ chức đảng có liên quan để chấp hành”.

- Điểm 2.1, 2.2 khoản 2 Điều 29 Quy định số 22-QĐ/TW quy định thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt đảng đối với đảng viên:

“2.1. Tổ chức đảng quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên là tổ chức đảng có thẩm quyền khai trừ đối với đảng viên đó.

2.2. Ủy ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên được quyền quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của cấp ủy viên cấp dưới trực tiếp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý (ở Trung ương là Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý) nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp khi bị tạm giam, truy tố; quyết định đình chỉ sinh hoạt cấp ủy viên cấp dưới trực tiếp khi bị khởi tố”.

- Điểm 3.1, 3.2 khoản 3 Điều 29 Quy định số 22-QĐ/TW quy định thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt đảng đối với cấp ủy viên:

“3.1. Tổ chức đảng quyết định đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên là tổ chức đảng có thẩm quyền cách chức cấp ủy viên đó.

3.2. Đình chỉ sinh hoạt đảng hoặc đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên do chi bộ hoặc cấp ủy cùng cấp đề nghị, cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định. Nếu đảng viên tham gia nhiều cấp ủy thì cấp ủy phát hiện đảng viên có dấu hiệu vi phạm đề nghị, cấp ủy có thẩm quyền cách chức cấp ủy viên, khai trừ đảng viên đó quyết định”.

- Điều 30 Quy định số 22-QĐ/TW quy định thủ tục đình chỉ sinh hoạt đảng:

“1. Trường hợp đặc biệt, đối với những vụ việc đang trong quá trình điều tra, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhận thấy đảng viên có dấu hiệu liên quan đến trách nhiệm cá nhân hoặc có những dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng, nếu để đương chức sẽ gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận, thì ngoài việc đã đình chỉ sinh hoạt đảng hoặc đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ, tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định đình chỉ chức vụ trong Đảng mà đảng viên đó đang đảm nhiệm; đồng thời, giao trách nhiệm cho ban cán sự đảng, đảng đoàn hoặc cấp uỷ quản lý đảng viên đó chỉ đạo tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội quyết định đình chỉ chức vụ về chính quyền, đoàn thể theo thẩm quyền.

2. Sau khi kết thúc điều tra, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nếu đảng viên đó vi phạm pháp luật thì xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời phải xem xét, thi hành kỷ luật về đảng. Nếu đảng viên đó không vi phạm hoặc vi phạm không đến mức cách chức thì khôi phục lại chức vụ đã đình chỉ hoặc bố trí công tác khác.

3. Trường hợp tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội đình chỉ chức vụ về chính quyền, đoàn thể đối với đảng viên thì thủ trưởng hoặc cấp uỷ, tổ chức đảng trong cơ quan của đảng viên đó phải kịp thời thông báo (chậm nhất là 5 ngày) cho uỷ ban kiểm tra cùng cấp để

đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định việc đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ hoặc đình chỉ chức vụ về đảng mà đảng viên đó đang đảm nhiệm.

4. Trong thời gian đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, chức vụ; cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động phải chấp hành nghiêm các yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền (tường trình sự việc, tự kiểm điểm về những vi phạm, thực hiện các nhiệm vụ được giao,...); được đề đạt ý kiến của mình nhưng không được lấy danh nghĩa tổ chức đảng hoặc danh nghĩa cấp uỷ viên, danh nghĩa chức vụ đã bị đình chỉ để điều hành công việc.

5. Uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện việc đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng thuộc phạm vi quản lý của cấp uỷ cùng cấp; giúp cấp uỷ làm các thủ tục đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng theo đúng quy định”.

Câu 56. Thời hạn đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng và sinh hoạt đảng của đảng viên được quy định như thế nào?

Trả lời:

Khoản 1, 2, 3 Điều 31 Quy định số 22-QĐ/TW quy định:

“1. Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng và đình chỉ sinh hoạt cấp ủy là 90 ngày. Trường hợp phải gia hạn thì thời hạn đình chỉ kể cả gia hạn không quá 180 ngày. Thời hạn đình chỉ hoạt động đối với tổ chức đảng không quá 90 ngày.

2. Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên (kể cả cấp ủy viên) bị truy tố, bị tạm giam và thời hạn đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên bị khởi tố được tính theo thời hạn quy định của pháp luật (kể cả gia hạn, nếu có).

3. Thủ trưởng của cơ quan pháp luật có thẩm quyền quyết định khởi tố, tạm giam, truy tố, xét xử đối với công dân là đảng viên, cấp ủy viên phải chỉ đạo thông báo ngay bằng văn bản (chậm nhất là 3 ngày) các quyết định trên (kể cả khi gia hạn) đến cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra của cấp ủy quản lý đảng viên, cấp ủy viên đó”.

Câu 57. Việc quyết định cho đảng viên, cấp ủy viên trở lại sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy và tổ chức đảng trở lại hoạt động được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 32 Quy định số 22-QĐ/TW quy định:

“1. Tổ chức đảng có thẩm quyền phải xem xét, kết luận rõ nội dung vi phạm của đảng viên, cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động để quyết

định cho đảng viên, cấp ủy viên trở lại sinh hoạt, tổ chức đảng trở lại hoạt động và xem xét, xử lý kỷ luật đảng bằng hình thức phù hợp; kịp thời chỉ đạo việc xem xét, xử lý kỷ luật về chính quyền, về đoàn thể. Trường hợp không thuộc thẩm quyền thì chỉ đạo hoặc kiến nghị các tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Khi đảng viên, kể cả cấp ủy viên không còn bị tạm giam và không bị truy tố, chậm nhất là 5 ngày, đảng viên là thủ trưởng của cơ quan pháp luật hoặc tổ chức đảng ở các cơ quan pháp luật có trách nhiệm chỉ đạo thông báo kịp thời bằng văn bản đến cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra của cấp ủy quản lý đảng viên, cấp ủy viên đó để xem xét việc quyết định cho đảng viên, cấp ủy viên trở lại sinh hoạt đảng và xem xét, xử lý kỷ luật đảng. Trường hợp đình chỉ điều tra thì quyết định cho cấp ủy viên trở lại sinh hoạt cấp ủy.

Trường hợp hết thời hạn tạm giam hoặc không bị tạm giam nhưng vẫn bị truy tố, xét xử thì tổ chức đảng chưa quyết định cho đảng viên, cấp ủy trở lại sinh hoạt đảng, cấp ủy”.

Câu 58. Thủ tục ra quyết định trở lại sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy, hoạt động của tổ chức đảng thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Điều 33 Quy định số 22-QĐ/TW quy định:

“Tổ chức đảng nào quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng thì tổ chức đảng đó quyết định cho đảng viên, cấp ủy viên, tổ chức đảng trở lại sinh hoạt, hoạt động. Ủy ban kiểm tra giúp cấp ủy chuẩn bị văn bản, quyết định các trường hợp thuộc thẩm quyền của cấp ủy”.

Phần thứ hai

MỘT SỐ TÌNH HUỐNG TRONG KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ KỶ LUẬT ĐẢNG

I. KIỂM TRA DẤU HIỆU VI PHẠM

Câu 59. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã A kiểm tra tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm đối với Chi ủy thôn B (thôn B thuộc xã A). Việc kiểm tra đó có đúng đối tượng không?

Trả lời:

Khoản 6 Điều 3 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “*Đối tượng kiểm tra, giám sát gồm: Chi ủy, chi bộ, đảng ủy bộ phận, ban thường vụ đảng ủy cơ sở, đảng ủy cơ sở; cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên; ủy ban kiểm tra; các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy; ban cán sự đảng, đảng đoàn; đảng viên*”.

Căn cứ quy định trên, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã A kiểm tra tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm đối với Chi ủy thôn B là đúng đối tượng.

Câu 60. Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tập thể ban chấp hành đảng bộ và một số đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ bộ phận đã hết nhiệm kỳ. Qua kiểm tra, đã phát hiện những dấu hiệu vi phạm. Hiện nay có hai loại ý kiến:

Ý kiến thứ nhất: Cho rằng khi đảng bộ bộ phận đã đại hội hết nhiệm kỳ thì việc ra quyết định kiểm tra trên là vô hiệu đối với cả tập thể ban chấp hành đảng bộ bộ phận và các cá nhân đồng chí đảng ủy viên khóa đó.

Ý kiến thứ hai: Cho rằng chỉ vô hiệu đối với tập thể ban chấp hành đảng bộ bộ phận, còn các đồng chí đảng ủy viên khóa trước vẫn là đảng ủy viên của đảng ủy bộ phận khóa này thì việc kiểm tra đảng viên không vô hiệu.

Ý kiến nào đúng?

Trả lời:

Điểm 3.2 khoản 3 Điều 13 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “*Nếu tổ chức đảng sau khi chuyển giao, sáp nhập, chia tách hoặc kết thúc hoạt động mới phát hiện có vi phạm thì tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên của tổ chức đảng đó xem xét, xử lý*”.

Điểm 4.11 khoản 4 Mục III Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: “*Tổ chức đảng sau khi chuyển giao, sáp nhập, chia tách hoặc kết thúc nhiệm kỳ, kết thúc hoạt động mới phát hiện có vi phạm thì người đứng đầu tổ chức đảng nhận chuyển giao, sáp nhập, chia tách, kết thúc hoạt động hoặc tổ chức đảng cấp trên của các tổ chức đảng đó chuẩn bị nội dung kiểm điểm và thực hiện các nội dung khác như nêu trên*”.

Căn cứ các quy định trên, việc ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở quyết định kiểm tra đối với tập thể ban chấp hành đảng bộ bộ phận và một số đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ bộ phận đã hết nhiệm kỳ là thực hiện đúng quy định. Đảng ủy bộ phận đã hết nhiệm kỳ mới phát hiện có vi phạm vẫn phải tiến hành kiểm tra, xem xét, kết luận. Nếu vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì báo cáo đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định. Do đó, cả hai ý kiến trên đều chưa đúng.

Câu 61. Đồng chí C hết thời gian là đảng viên dự bị, do có vi phạm nên chi bộ ra nghị quyết đề nghị xoá tên trong danh sách đảng viên. Từ khi chi bộ đề nghị (tháng 8/2020) đến khi ban thường vụ huyện uỷ quyết định là một năm và sáu tháng sau đảng viên C mới nhận được quyết định.

Vậy, quyết định đó còn có hiệu lực thi hành nữa không?

Trả lời:

Khoản 10 Điều 9 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “*Đảng viên dự bị vi phạm đến mức phải kỷ luật thì kỷ luật khiến trách hoặc cảnh cáo, khi hết thời hạn dự bị, chi bộ vẫn tiến hành xét công nhận đảng viên chính thức. Nếu vi phạm đến mức không còn đủ tư cách đảng viên thì xoá tên trong danh sách đảng viên*”.

Về nguyên tắc, quyết định của ban thường vụ huyện uỷ về việc xoá tên trong danh sách đảng viên đối với đồng chí C có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, dù thời gian đảng viên C nhận được quyết định như đã nêu trong câu hỏi là quá dài. Ban thường vụ huyện uỷ, chi bộ và đảng uỷ (nếu có) phải nghiêm túc kiểm tra lại sự việc, làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân có liên quan trong từng khâu của quá trình xem xét, xử lý vi phạm và việc xoá tên đồng chí C trong danh sách đảng viên.

Câu 62. Ủy ban kiểm tra đảng uỷ xã kiểm tra dấu hiệu vi phạm đối với đồng chí phó bí thư chi bộ. Quyết định kiểm tra ghi: Căn cứ Điều 32 Điều lệ Đảng, uỷ ban kiểm tra đảng uỷ kiểm tra đảng viên theo Điều 32 Điều lệ Đảng đối với đồng chí phó bí thư chi bộ.

Có ý kiến cho rằng quyết định kiểm tra của ủy ban kiểm tra đảng ủy xã ghi như vậy là đúng, nhưng cũng có ý kiến còn băn khoăn ghi như vậy có đúng không?

Trả lời:

Một trong những nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp được nêu tại khoản 1 Điều 32 Điều lệ Đảng là: *“Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên”*.

Như vậy, quyết định kiểm tra của ủy ban kiểm tra đảng ủy xã ghi như trên là đúng về nội dung nhưng thiếu cụ thể, chưa đúng thể thức văn bản về mẫu quyết định kiểm tra đối với tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm đã được ban hành: *“Quyết định kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với... (tên tổ chức đảng; họ và tên, chức vụ, nơi công tác của đảng viên được kiểm tra)”*.

Câu 63. Ủy ban kiểm tra tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với đảng viên A. Sau khi kết thúc kiểm tra, đoàn kiểm tra báo cáo ủy ban kiểm tra xem xét, quyết định và ban hành kết luận kiểm tra.

Có 2 loại ý kiến như sau:

Ý kiến thứ nhất: Ủy ban kiểm tra mới có thẩm quyền ban hành kết luận kiểm tra và triển khai đối với đảng viên A theo quy định.

Ý kiến thứ hai: Đoàn kiểm tra trực tiếp ban hành kết luận kiểm tra và triển khai đến đối tượng kiểm tra.

Vậy, ý kiến nào đúng?

Trả lời:

Khoản 5 Điều 3 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “*Chủ thể kiểm tra, giám sát gồm: Chi bộ, đảng ủy bộ phận, ban thường vụ đảng ủy cơ sở, đảng ủy cơ sở; cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên; ủy ban kiểm tra; các ban đảng, văn phòng cấp ủy (gọi chung là các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy); ban cán sự đảng, đảng đoàn (là chủ thể kiểm tra)*”.

Căn cứ quy định trên, ủy ban kiểm tra là chủ thể kiểm tra; đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm do ủy ban kiểm tra thành lập, thực hiện nhiệm vụ được ủy ban giao, không phải là chủ thể kiểm tra. Do đó, đoàn kiểm tra có trách nhiệm trực tiếp thực hiện các bước trong quy trình kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm và báo cáo kết quả kiểm tra để ủy ban kiểm tra xem xét, quyết định và ban hành thông báo kết luận kiểm tra theo thẩm quyền.

Vậy, ý kiến thứ nhất đúng.

II. GIẢI QUYẾT TỔ CÁO

Câu 64. Có ba đảng viên cùng nhau viết đơn nhưng không ký tên, tổ cáo lãnh đạo đơn vị mình công tác, chi bộ phát hiện ra ba đồng chí này qua bản thảo viết tay. Vậy, xử lý trường hợp này như thế nào?

Trả lời:

- Điều 6 Quy định số 37-QĐ/TW quy định đảng viên không được:

“Tổ cáo có nội dung mang tính bịa đặt; cùng người khác viết, ký tên trong đơn tố cáo; viết đơn tố cáo giấu tên, mạo tên. Gửi hoặc tán phát đơn khiếu nại, tố cáo dưới mọi hình thức đến nơi không có thẩm quyền giải quyết...”

- Khoản 1 Điều 6 Mục I Hướng dẫn số 02-HD/UBKTTW quy định đảng viên không được:

“Tổ cáo có nội dung mang tính bịa đặt làm mất, ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của tổ chức, cá nhân, như: Tạo dựng sự việc không có thật hoặc xuyên tạc sự việc; tố cáo dưới dạng tò rôi, sử dụng mạng xã hội để nói xấu, bình luận, đăng tải thông tin, hình ảnh sai sự thật, lan truyền tin nhắn làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của tổ chức, cá nhân. Viết đơn khiếu nại, tố cáo giấu tên, mạo tên (ký tên người khác hoặc ký tên người không có hoặc không đúng với địa chỉ), viết đơn đưa cho người khác ký tên”

- Khoản 7 Điều 20 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “*Không giải quyết đơn tố cáo nặc danh, giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ, không rõ nội dung...*”

Nếu đơn tố cáo giấu tên, mạo tên nhưng rõ địa chỉ, đối tượng và nội dung tố cáo thì tổ chức đảng có thẩm quyền nắm tình hình để làm cơ sở kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo”.

Căn cứ các quy định trên, sau khi chi bộ phát hiện ra ba đảng viên cùng nhau viết đơn tố cáo lãnh đạo đơn vị mình nhưng không ký tên thì trực tiếp xem xét, kiểm tra hoặc báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, kiểm tra làm rõ trách nhiệm của ba đảng viên nói trên, nếu kết luận có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định. Nếu đơn rõ địa chỉ, đối tượng và nội dung tố cáo thì báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

Câu 65. Một đảng viên có đơn tố cáo gửi đảng ủy cấp trên trực tiếp của chi bộ về những việc làm vi phạm Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước của đồng chí bí thư chi bộ, thủ trưởng đơn vị. Sau đó, đảng viên này nhận được công văn của đảng ủy do đồng chí phó bí thư đảng ủy ký, với nội dung: Yêu cầu phải có tài liệu, bằng chứng

để chứng minh những nội dung tố cáo mới xem xét, giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng.

Những điều đảng ủy yêu cầu như trên có đúng với quy định của Điều lệ Đảng và hướng dẫn của Trung ương không?

Trả lời:

- Khoản 7 Điều 3 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Tố cáo trong Đảng là việc công dân, đảng viên báo cho tổ chức đảng hoặc cán bộ, đảng viên có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng và pháp luật của Nhà nước của tổ chức đảng hoặc đảng viên mà người tố cáo cho là gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Đảng, Nhà nước, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức hoặc cá nhân”.*

- Khoản 1 Điều 19 Quy định số 22-QĐ/TW quy định về thẩm quyền giải quyết tố cáo: *“Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi quản lý của cấp ủy cùng cấp. Tổ chức đảng có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi phụ trách. Chi bộ có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với đảng viên thuộc phạm vi quản lý”.*

- Điểm 2.2 khoản 2 Mục IV Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: *“Đơn tố cáo của công dân (kể cả đảng viên) phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, ký tên hoặc điểm chỉ, trình bày trung thực sự việc, chịu trách nhiệm về nội dung tố cáo và bằng chứng (nếu có) của mình. Nếu tố cáo trực tiếp thì phải được ghi lại thành văn bản, người tố cáo phải ký tên hoặc điểm chỉ chịu trách nhiệm về nội dung tố cáo”*.

Căn cứ các quy định trên, việc đảng ủy yêu cầu đảng viên tố cáo phải có tài liệu, bằng chứng để chứng minh những nội dung tố cáo mới xem xét, giải quyết là không đúng quy định của Đảng.

Câu 66. Đảng viên đã có đơn đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét xử lý một số cán bộ cơ sở thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý vi phạm Điều lệ Đảng. Sau khi nhận được đơn của đảng viên, cấp ủy có thẩm quyền lại cho rằng đây là đơn tố cáo và giao cho một đồng chí trong số cán bộ nêu trên chủ trì giải quyết. Việc làm đó đúng hay sai?

Trả lời:

- Khoản 7 Điều 3 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Tố cáo trong Đảng là việc công dân, đảng viên báo cho tổ chức đảng hoặc cán bộ, đảng viên có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm Cương lĩnh*

chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng và pháp luật của Nhà nước của tổ chức đảng hoặc đảng viên mà người tố cáo cho là gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Đảng, Nhà nước, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức hoặc cá nhân”.

- Khoản 8 Điều 20 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Tổ chức đảng và đảng viên nhận được tố cáo phải bảo đảm bí mật cho người tố cáo, hướng dẫn người tố cáo thực hiện đúng quy định của Đảng, Nhà nước và có biện pháp bảo vệ người tố cáo. Không để người bị tố cáo chủ trì giải quyết tố cáo đối với mình. Không để người tố cáo hoặc người có liên quan đến tố cáo giải quyết tố cáo”.*

- Khoản 2 Điều 21 Quy định số 22-QĐ/TW quy định nội dung tố cáo phải giải quyết:

“Đối với đảng viên: Những nội dung liên quan đến tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên; việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng; về nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn và phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên”.

- Khoản 3 Điều 2 Quy định số 210-QĐ/TW ngày 08/11/2013 của Bộ Chính trị về giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý quy định:

“Các trường hợp không phải là tố cáo: Khi cơ quan, tổ chức cung cấp các thông tin, báo cáo cho tổ chức đảng, đảng viên có trách nhiệm về hành vi được cho là vi phạm của tổ chức đảng hoặc đảng viên; khi đảng viên báo cáo tổ chức đảng những thông tin, dư luận nhưng chưa được kiểm chứng; khi đảng viên, cấp uỷ viên phát biểu trong hội nghị cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, tổ chức đảng, chi bộ phản ánh những thông tin có liên quan đến khuyết điểm, sai phạm của đảng viên, nhưng không yêu cầu tổ chức đảng, đảng viên có trách nhiệm ghi âm, ghi hình hoặc ghi lại thành văn bản, có chữ ký xác nhận hoặc điểm chỉ của người phát biểu”.

Căn cứ các quy định trên, đơn kiến nghị đảng viên viết gửi lên cấp có thẩm quyền biết để xem xét không phải là đơn tố cáo nên không giải quyết theo quy trình giải quyết tố cáo. Tổ chức đảng có thẩm quyền phải nghiên cứu đơn, nếu thấy đơn rõ địa chỉ, đối tượng và nội dung thì cho nắm tình hình để xem xét, quyết định kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Việc cấp uỷ có thẩm quyền sau khi nhận được đơn kiến nghị của đảng viên lại giao cho đối tượng bị phản ánh trong đơn

đúng ra chủ trì giải quyết là chưa đúng quy định của Đảng.

Câu 67. Đảng viên viết thư tố cáo những hành vi vi phạm của tổ chức đảng hoặc đảng viên ở cơ sở với cấp trên, nhưng không thông qua lãnh đạo cơ sở, như vậy có đúng không?

Trả lời:

- Khoản 7 Điều 3 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “*Tố cáo trong Đảng là việc công dân, đảng viên báo cho tổ chức đảng hoặc cán bộ, đảng viên có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng và pháp luật của Nhà nước của tổ chức đảng hoặc đảng viên mà người tố cáo cho là gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Đảng, Nhà nước, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức hoặc cá nhân*”.

- Khoản 5 Điều 20 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “*Tổ chức đảng quản lý đối tượng bị tố cáo phải bảo đảm quyền dân chủ của đảng viên và quần chúng trong việc giám sát, tố cáo, phản ánh về tổ chức đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm. Phối hợp và thực hiện yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết tố cáo. Trong thời gian đang giải quyết, chưa kết luận thì tổ chức đảng quản lý đảng viên phải bảo đảm các quyền của*

đảng viên, của tổ chức đảng bị tố cáo; giáo dục và tạo điều kiện để đảng viên, tổ chức đảng thực hiện nghiêm các yêu cầu của tổ chức đảng giải quyết tố cáo”.

- Điểm 2.2 khoản 2 Mục IV Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: *“Đơn tố cáo của công dân (kể cả đảng viên) phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, ký tên hoặc điểm chỉ, trình bày trung thực sự việc, chịu trách nhiệm về nội dung tố cáo và bằng chứng (nếu có) của mình. Nếu tố cáo trực tiếp thì phải được ghi lại thành văn bản, người tố cáo phải ký tên hoặc điểm chỉ chịu trách nhiệm về nội dung tố cáo”.*

Căn cứ các quy định trên, tổ chức đảng quản lý đảng viên phải bảo đảm quyền dân chủ của đảng viên, đảng viên có quyền viết đơn tố cáo những hành vi vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên nơi mình công tác và sinh hoạt với cơ quan lãnh đạo cấp trên, không phải thông qua lãnh đạo cơ sở. Tuy nhiên, để nêu cao tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình nhằm xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh thì những vấn đề liên quan đến trách nhiệm giải quyết của cấp ủy cơ sở nơi mình sinh hoạt, đảng viên đó nên báo cáo, đề xuất ý kiến của mình với cấp ủy cơ sở trước để đề nghị xem xét, giải quyết. Nếu thấy cấp ủy cơ sở không giải quyết, giải quyết không có hiệu quả hoặc có biểu hiện bao che thì mới gửi đơn lên cấp trên để đề nghị giải quyết.

Câu 68. Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở giải quyết tố cáo đối với đảng viên thì ủy ban kiểm tra kết luận hay đảng ủy cơ sở xem xét, kết luận đối với đảng viên đó?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 19 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi quản lý của cấp ủy cùng cấp. Tổ chức đảng có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi phụ trách. Chi bộ có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với đảng viên thuộc phạm vi quản lý”.

Căn cứ quy định trên, ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở có trách nhiệm giải quyết tố cáo trong Đảng. Việc giải quyết tố cáo của ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở đối với đảng viên được thực hiện theo đúng quy trình, quy định của Đảng. Qua giải quyết tố cáo, ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở phải xem xét, kết luận làm rõ đúng, sai đối với đảng viên bị tố cáo. Nếu thấy đảng viên bị tố cáo có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở xem xét, quyết định kỷ luật theo thẩm quyền hoặc đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền kỷ luật đảng viên bị tố cáo theo quy định.

III. THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG

Câu 69. Chi bộ đề nghị khai trừ đối với đảng viên vi phạm, ủy ban kiểm tra quận ủy xem xét và ra quyết định cảnh cáo. Quyết định này bí thư chi bộ giữ lại, không phổ biến cho đảng viên và chi bộ chấp hành vì không nhất trí với quyết định của ủy ban kiểm tra quận ủy.

Sau đó, ban thường vụ quận ủy xem xét ra quyết định hủy quyết định kỷ luật của ủy ban kiểm tra quận ủy và nâng hình thức kỷ luật là khai trừ. Việc làm đó có sai phạm quyền và nguyên tắc không?

Trả lời:

- Điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Ủy ban kiểm tra huyện ủy, quận ủy và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên (kể cả bí thư, phó bí thư, cấp ủy viên của chi bộ, đảng ủy bộ phận trực thuộc đảng bộ cơ sở hoặc cán bộ thuộc diện đảng ủy cơ sở quản lý nhưng không phải là đảng ủy viên đảng ủy cơ sở hay cán bộ do cấp ủy huyện, quận và cấp tương đương cùng cấp quản lý). Quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cơ sở và cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp”.

- Điểm 2.5 khoản 2 Điều 13 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “... Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xem xét, xử lý hoặc xử lý không đúng mức thì tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên xem xét, xử lý kỷ luật; đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng cấp dưới và người đứng đầu tổ chức đảng đó”.

Căn cứ quy định trên, chi bộ sau khi bỏ phiếu đề nghị hình thức kỷ luật khai trừ đối với đảng viên vi phạm, ủy ban kiểm tra quận ủy xem xét, quyết định kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo là đúng quy định; đảng viên và chi bộ phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định của ủy ban kiểm tra quận ủy. Bí thư chi bộ vì không nhất trí với quyết định kỷ luật của ủy ban kiểm tra đã không phổ biến cho đảng viên và chi bộ chấp hành là vi phạm quy định của Đảng, tổ chức đảng có thẩm quyền phải xem xét làm rõ trách nhiệm của bí thư chi bộ.

Trường hợp nhận thấy ủy ban kiểm tra quận ủy xem xét, kỷ luật không đúng mức, ban thường vụ quận ủy có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật do ủy ban kiểm tra quận ủy quyết định. Trước khi quyết định thay đổi hình thức kỷ luật, ban thường vụ quận ủy cần thẩm tra, xác minh, nghe ủy ban kiểm tra quận ủy trình bày về nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân của vi phạm và các tình tiết tăng nặng hoặc

giảm nhẹ, nghe đảng viên vi phạm trình bày ý kiến, nếu ban thường vụ chỉ nghe ý kiến của chi bộ và bí thư chi bộ mà quyết định là không đúng quy định của Đảng.

Câu 70. Đảng chí A là đảng ủy viên đảng ủy cơ sở kiêm bí thư chi bộ có vi phạm kỷ luật đến mức phải thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức chi ủy viên. Đảng ủy cơ sở có thẩm quyền ra quyết định kỷ luật không?

Nếu không, phải giải quyết như thế nào?

Trả lời:

Điểm 1.4, 1.5 khoản 1 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW quy định:

“1.4. Đảng ủy cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp ủy viên cấp dưới (kể cả bí thư, phó bí thư, cấp ủy viên của chi bộ hoặc đảng ủy bộ phận trực thuộc nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý). Đối với cấp ủy viên cấp trên trực tiếp trở lên và cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý sinh hoạt tại đảng bộ, nếu vi phạm đến mức phải kỷ luật thì đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định”;

“1.5. Ban thường vụ tỉnh, thành, huyện, quận ủy và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên (kể cả bí thư, phó bí thư, ủy viên

ban thường vụ, cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp); quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cùng cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên; cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm nhiệm vụ được giao. Trường hợp cách chức, khai trừ thì báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định”.

Căn cứ quy định trên, đồng chí A là bí thư chi bộ, đảng uỷ viên đảng uỷ cơ sở vi phạm kỷ luật đến mức phải thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức chi uỷ viên, đảng uỷ cơ sở không có thẩm quyền quyết định kỷ luật cách chức chi uỷ viên của đồng chí A vì đồng chí A là bí thư chi bộ, nhưng lại là đảng uỷ viên đảng uỷ cơ sở (là cấp uỷ viên cùng cấp) mà phải đề nghị ban thường vụ quận, huyện uỷ hoặc tương đương xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Câu 71. Đồng chí X là đảng viên có dấu hiệu vi phạm kỷ luật đảng, chi bộ tiến hành kiểm tra, kết luận có vi phạm và biểu quyết quyết định đề nghị xử lý kỷ luật, kết quả: Hơn 1/2 tổng số đảng viên trong chi bộ đồng ý thi hành kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo.

Chi bộ báo cáo lên đảng ủy cơ sở (được ủy quyền quyết định kết nạp đảng viên). Đảng ủy cơ sở đã xem xét và quyết định kỷ luật khai trừ đồng chí X ra khỏi Đảng.

Việc làm trên của chi bộ có đúng quy định không? Sau khi bỏ phiếu, chi bộ quyết định thi hành kỷ luật đồng chí X bằng hình thức cảnh cáo có đúng không? Trường hợp đồng chí X vi phạm đến mức phải kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng, nhưng kết quả bỏ phiếu không quá bán thì thực hiện như thế nào?

Trả lời:

- Điểm 1.1, 1.4 khoản 1 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW quy định:

“1.1. Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao)”.

“1.4. ... Đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền khai trừ đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý”.

- Khoản 2 Điều 15 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “*Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm không thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của cấp mình thì đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định*”.

- Điểm 3.2, 3.3 khoản 3 Điều 15 Quy định số 22-QĐ/TW quy định:

“3.2. Quyết định kỷ luật hoặc đề nghị kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức đối với đảng viên; khiển trách, cảnh cáo đối với tổ chức đảng phải được biểu quyết với sự đồng ý của trên một nửa số đảng viên chính thức hoặc thành viên của tổ chức đảng đó.

3.3. Trường hợp khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số đảng viên chính thức hoặc thành viên của tổ chức đảng đó nhất trí đề nghị và được sự nhất trí của trên một nửa số thành viên tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền quyết định”.

Căn cứ quy định trên, đồng chí X có dấu hiệu vi phạm kỷ luật đảng, chi bộ đã kiểm tra, kết luận và bỏ phiếu với hơn một nửa đảng viên trong chi bộ đồng ý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo là đúng thẩm quyền. Song chi bộ lại không thực hiện thẩm quyền thi hành kỷ luật của mình mà báo cáo, đề nghị lên đảng ủy cấp trên thi hành kỷ luật là không đúng quy định của Đảng. Sau khi bỏ phiếu kỷ luật, có trên 1/2 đảng viên sinh hoạt

trong chi bộ đồng ý thi hành kỷ luật đồng chí X bằng hình thức cảnh cáo, thì đó là quyết định kỷ luật của chi bộ và quyết định đó có hiệu lực ngay, sau đó chi bộ mới báo cáo lên đảng ủy cơ sở theo quy định.

Trường hợp phát hiện đảng viên X bị chi bộ quyết định thi hành kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo là chưa đúng mức và vi phạm của đảng viên X đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng thì đảng ủy cơ sở yêu cầu chi bộ chuyển toàn bộ hồ sơ lên xem xét, xử lý theo thẩm quyền và xem xét, xử lý trách nhiệm của chi bộ.

Câu 72. Chi bộ có ba đảng viên nhiều tháng trong năm không tham gia sinh hoạt. Cuối năm, các đảng viên đó không những không bị xem xét kỷ luật mà còn được chi bộ phân loại công nhận là đảng viên hoàn thành nhiệm vụ như những đảng viên đang công tác và sinh hoạt thường xuyên tại đơn vị.

Việc làm đó đúng hay sai? Nếu sai thì xử lý như thế nào?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 8 Điều lệ Đảng khoá XI quy định: *“Đảng viên bỏ sinh hoạt chi bộ hoặc không đóng đảng phí ba tháng trong năm mà không có lý do chính đáng; đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu,*

không làm nhiệm vụ đảng viên, đã được chi bộ giáo dục mà không tiến bộ thì chi bộ xem xét, đề nghị lên cấp có thẩm quyền xóa tên trong danh sách đảng viên”.

Căn cứ quy định trên, việc ba đảng viên không sinh hoạt chi bộ nhiều tháng trong năm mà không có lý do chính đáng là vi phạm quy định của Đảng, chi bộ phải báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, xóa tên các đảng viên đó trong danh sách đảng viên.

Việc chi bộ phân loại ba đảng viên này hoàn thành nhiệm vụ là vi phạm quy định của Đảng và có dấu hiệu buông lỏng quản lý, bao che cho đảng viên vi phạm. Do vậy, tổ chức đảng có thẩm quyền cần phải xem xét trách nhiệm, trước hết là trách nhiệm của chi ủy và đồng chí bí thư chi bộ để giữ nghiêm kỷ luật của Đảng.

Câu 73. Một đảng viên là phó bí thư chi bộ thuộc đảng bộ cơ sở có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật, ủy ban kiểm tra của đảng ủy cơ sở đã quyết định thi hành kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo. Quyết định đó đúng hay sai?

Trả lời:

Điểm 2.1 khoản 2 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “*Ủy ban kiểm tra đảng ủy*

cơ sở quyết định hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ (kể cả cấp ủy viên chi bộ, cấp ủy viên đảng ủy bộ phận, cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp)”.

Căn cứ quy định trên, ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở quyết định thi hành kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo đối với đồng chí phó bí thư chi bộ là đúng quy định.

Câu 74. Đồng chí A là ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy xã, nhưng không phải là đảng ủy viên, vi phạm đến mức phải cách chức ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy xã.

Trường hợp này tổ chức đảng nào có quyền quyết định cách chức?

Trả lời:

- Khoản 4 Điều 14 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Việc kỷ luật đối với ủy viên ủy ban kiểm tra là cấp ủy viên tiến hành như đối với cấp ủy viên. Nếu ủy viên ủy ban kiểm tra không phải là cấp ủy viên thì việc kỷ luật khiển trách, cảnh cáo tiến hành như đối với cán bộ do cấp ủy cùng cấp quản lý; trường hợp kỷ luật cách chức, khai trừ do cấp ủy cùng cấp quyết định”.

- Điểm 1.4 khoản 1 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Đảng ủy cơ sở quyết định

khiến trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp ủy viên cấp dưới (kể cả bí thư, phó bí thư, cấp ủy viên của chi bộ hoặc đảng ủy bộ phận trực thuộc nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý). Đối với cấp ủy viên cấp trên trực tiếp trở lên và cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý sinh hoạt tại đảng bộ, nếu vi phạm đến mức phải kỷ luật thì đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định”.

Căn cứ quy định trên, đồng chí A là ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy xã (không phải là cấp ủy viên) và là cán bộ do đảng ủy xã quản lý, nếu vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức ủy viên ủy ban kiểm tra thì do đảng ủy xã quyết định.

Câu 75. Một đảng viên vi phạm tới mức phải xử lý kỷ luật, cấp ủy nhiều lần yêu cầu kiểm điểm, nhưng đảng viên không chịu kiểm điểm. Trường hợp này, tổ chức đảng có quyết định kỷ luật đối với đảng viên đó được không?

Trả lời:

Điểm 2.1, 2.3 khoản 2 Điều 13 Quy định số 22-QĐ/TW quy định:

“2.1. Đảng viên vi phạm kỷ luật phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng

vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật”.

“2.3. Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau thì cấp ủy và ủy ban kiểm tra có thẩm quyền trực tiếp xem xét, quyết định kỷ luật, không cần yêu cầu đảng viên đó phải kiểm điểm trước chi bộ: Vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao; nội dung vi phạm liên quan đến bí mật của Đảng và Nhà nước mà chi bộ không biết; vi phạm trước khi chuyển đến sinh hoạt ở chi bộ”.

Căn cứ quy định trên, đảng viên vi phạm tới mức phải xử lý kỷ luật, cấp ủy nhiều lần yêu cầu kiểm điểm, nhưng đảng viên không chịu kiểm điểm mà không có lý do chính đáng, tổ chức đảng có thẩm quyền vẫn tiến hành xem xét kỷ luật đối với đảng viên đó theo quy định.

Câu 76. Ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở do ban thường vụ huyện ủy chuẩn y, nhưng khi bị cách chức lại do đảng ủy cơ sở quyết định. Như vậy có đúng không?

Trả lời:

- Khoản 2 Điều 31 Điều lệ Đảng quy định: “Các thành viên ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y, nếu điều

động chủ nhiệm ủy ban kiểm tra sang công tác khác phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý”.

- Khoản 5 Điều 5 Quy định số 80-QĐ/TW, ngày 18/8/2022 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử quy định: *“Cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát, lấy phiếu tín nhiệm theo quy định; xem xét, quyết định hoặc đề nghị khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; cho từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ được phân cấp quản lý hoặc trong phạm vi được phân công phụ trách”.*

Như vậy, việc tổ chức đảng có thẩm quyền chuẩn y kết quả bầu ủy ban kiểm tra với quản lý cán bộ và xử lý kỷ luật cán bộ là hai nội dung khác nhau, không mâu thuẫn với nhau. Cấp ủy cấp trên chuẩn y cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp dưới. Việc xử lý kỷ luật cán bộ theo phân cấp quản lý cán bộ. Cấp nào quản lý cán bộ thì cấp đó xem xét, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền.

- Khoản 4 Điều 14 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Việc kỷ luật đối với ủy viên ủy ban kiểm tra là cấp ủy viên tiến hành như đối với cấp ủy viên. Nếu ủy viên ủy ban kiểm tra không phải là*

cấp ủy viên thì việc kỷ luật khiến trách, cảnh cáo tiến hành như đối với cán bộ do cấp ủy cùng cấp quản lý; trường hợp kỷ luật cách chức, khai trừ do cấp ủy cùng cấp quyết định”.

Căn cứ các quy định trên, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở khi bị cách chức do đảng ủy cơ sở quyết định là đúng theo quy định của Đảng.

Câu 77. Chi bộ biểu quyết hình thức kỷ luật đối với đảng viên vi phạm, đảng viên đang bị xem xét, xử lý kỷ luật có được biểu quyết kỷ luật đối với mình không?

Trả lời:

Điểm 3.2 và 3.5 khoản 3 Điều 15 Quy định số 22-QĐ/TW quy định:

“3.2. Quyết định kỷ luật hoặc đề nghị kỷ luật khiến trách, cảnh cáo, cách chức đối với đảng viên; khiến trách, cảnh cáo đối với tổ chức đảng phải được biểu quyết với sự đồng ý của trên một nửa số đảng viên chính thức hoặc thành viên của tổ chức đảng đó”.

“3.5. Một nửa hay hai phần ba quy định ở trên được tính trên tổng số đảng viên chính thức hoặc thành viên có quyền biểu quyết của tổ chức đảng, không tính trên số thành viên có mặt trong cuộc họp:

- Ở chi bộ là tổng số đảng viên chính thức (trừ số đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, đảng viên

đã được giới thiệu sinh hoạt tạm thời ở đảng bộ khác và đảng viên đã được miễn công tác, sinh hoạt đảng không có mặt tại cuộc họp); nếu đảng viên được giới thiệu sinh hoạt tạm thời, đảng viên đã được miễn công tác, sinh hoạt đảng đó có mặt ở cuộc họp, tham gia biểu quyết thì vẫn tính”.

Căn cứ quy định trên, đảng viên đang bị xem xét, xử lý kỷ luật là đảng viên chính thức của chi bộ. Do vậy, đảng viên đó vẫn được bỏ phiếu biểu quyết kỷ luật đối với mình nếu không thuộc diện bị đình chỉ sinh hoạt đảng.

Câu 78. Bí thư chi bộ, đảng ủy viên đảng ủy xã bị kỷ luật bị cách các chức vụ chi ủy viên, đảng ủy viên. Đảng ủy xã đã tiến hành xử lý cách chức chi ủy viên của đồng chí đó; sau đó làm thủ tục gửi lên ban thường vụ huyện ủy đề nghị cách chức đảng ủy viên đảng ủy xã. Ban thường vụ huyện ủy căn cứ vào hồ sơ vụ việc và quyết định khai trừ đồng chí đó ra khỏi đảng.

Về thủ tục, nguyên tắc và thẩm quyền xử lý kỷ luật như vậy đối với đảng viên đó có đúng không?

Trả lời:

- Điểm 1.4 khoản 1 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW quy định về thẩm quyền của đảng ủy

cơ sở: “Đảng uỷ cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp uỷ viên cấp dưới (kể cả bí thư, phó bí thư, cấp uỷ viên của chi bộ hoặc đảng uỷ bộ phận trực thuộc nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý). Đối với cấp uỷ viên cấp trên trực tiếp trở lên và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý sinh hoạt tại đảng bộ, nếu vi phạm đến mức phải kỷ luật thì đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định”.

- Khoản 4 Điều 2 Quy định số 69-QĐ/TW quy định: “Một hành vi vi phạm chỉ bị kỷ luật một lần bằng một hình thức kỷ luật. Khi cùng một thời điểm xem xét kỷ luật nếu có từ hai hành vi vi phạm trở lên thì xem xét, kết luận từng hành vi vi phạm và quyết định chung bằng một hình thức kỷ luật cao nhất; không tách riêng từng hành vi vi phạm để thi hành các hình thức kỷ luật khác nhau và kỷ luật nhiều lần”.

Căn cứ quy định trên, đảng viên là bí thư chi bộ, đảng uỷ viên đảng uỷ xã là cán bộ thuộc diện ban thường vụ huyện uỷ quản lý có vi phạm đến mức phải cách chức thì đảng uỷ xã phải đề nghị ban thường vụ huyện uỷ xem xét, quyết định.

Ban thường vụ huyện uỷ khi nhận được hồ sơ đề nghị thi hành kỷ luật đảng viên của đảng uỷ xã, phải căn cứ vào nội dung, động cơ, tính chất, mức độ,

hậu quả, nguyên nhân vi phạm,... của đảng viên để xem xét, kỷ luật, nếu thấy việc đề nghị hình thức kỷ luật cách chức chưa tương xứng với lỗi vi phạm thì quyết định kỷ luật theo thẩm quyền là đúng quy định; đồng thời yêu cầu đảng ủy xã kiểm điểm việc xem xét, quyết định thi hành kỷ luật cách chức chi ủy viên đối với đồng chí đó.

Câu 79. Đảng viên vi phạm phải xử lý kỷ luật khiển trách và thuộc thẩm quyền của chi bộ. Vậy, trước khi họp để xem xét, quyết định kỷ luật, đại diện chi bộ có phải nghe đảng viên đó trình bày ý kiến hay không, hay chỉ nghe chung trong cuộc họp chi bộ để xem xét quyết định kỷ luật?

Trả lời:

Điểm 4.1, 4.2 khoản 4 Mục III Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: “4.1. Đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền gặp, nghe đại diện tổ chức đảng, đảng viên vi phạm trình bày ý kiến phải có từ 2 người, ghi biên bản và được báo cáo đầy đủ tại hội nghị xem xét, xử lý kỷ luật.

4.2. Trường hợp đại diện tổ chức đảng, đảng viên vi phạm khi được tổ chức đảng có thẩm quyền mời gặp nhưng không đến mà không có lý do chính đáng thì tổ chức đảng vẫn xem xét, quyết định thi hành kỷ luật theo quy định”.

Căn cứ quy định trên, trước khi xem xét, quyết định kỷ luật, chi ủy hoặc chi bộ cử đảng viên đại diện chi bộ gặp nghe đảng viên có vi phạm trình bày ý kiến trước khi tiến hành họp chi bộ là đúng quy định.

Câu 80. Đảng viên A có hành vi tổ chức đánh bạc, bị cơ quan chức năng khởi tố bị can, bắt tạm giam thì việc xem xét, kỷ luật và công bố quyết định kỷ luật đảng được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

- Khoản 2 Điều 17 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Đảng viên bị khởi tố, truy tố hoặc bị tạm giam hoặc do cơ quan thanh tra, kiểm toán cung cấp nội dung vi phạm pháp luật thì tổ chức đảng có thẩm quyền chủ động, kịp thời kiểm tra, kết luận và xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên có vi phạm đến mức phải xử lý, không chờ kết luận hoặc tuyên án của tòa án hoặc kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán”.

- Điểm 2.1 khoản 2 Điều 13 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Đảng viên vi phạm kỷ luật phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật”.

Căn cứ các quy định trên, đảng viên A hiện đang bị cơ quan chức năng khởi tố và bắt tạm giam thì không thực hiện việc kiểm điểm tại chi bộ và dự công bố quyết định kỷ luật; tổ chức đảng có thẩm quyền vẫn chủ động xem xét, ban hành quyết định kỷ luật và công bố quyết định hoặc ủy quyền cho tổ chức đảng quản lý đảng viên đã sinh hoạt trước khi bị tạm giam công bố quyết định.

Câu 81. Đảng viên tham gia đánh bạc bị công an bắt và lập biên bản. Quá trình xem xét kỷ luật có 2 ý kiến khác nhau:

Ý kiến thứ nhất cho rằng: Những đảng viên tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức bị bắt đều phải khai trừ ra khỏi Đảng.

Ý kiến thứ hai cho rằng: Có thể áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để xem xét đảng viên tham gia đánh bạc bị bắt.

Vậy, khi đảng viên tham gia đánh bạc bị công an bắt lập biên bản có nhất thiết phải xử lý bằng hình thức khai trừ không?

Trả lời:

- Khoản 1, 4 Điều 9 Quy định số 22-QĐ/TW quy định về nguyên tắc thi hành kỷ luật trong Đảng:

“1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải được xử lý công minh, chính xác, kịp thời;

tất cả đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng, nếu vi phạm đến mức phải kỷ luật đều phải xử lý kỷ luật nghiêm minh”.

“4. Việc thi hành kỷ luật phải căn cứ nội dung, mức độ, tính chất, tác hại, ảnh hưởng, nguyên nhân vi phạm, hoàn cảnh cụ thể và các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ để xem xét, quyết định cho phù hợp và phải chịu trách nhiệm về quyết định đó. Nếu hết thời hiệu thì không xem xét, xử lý kỷ luật”.

- Điểm a khoản 2 Điều 49 Quy định số 69-QĐ/TW quy định: “2. Trường hợp đã kỷ luật theo Khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Đánh bạc hoặc sử dụng các chất ma túy hoặc tham gia các tệ nạn xã hội khác”.

Căn cứ các quy định trên, đảng viên có hành vi đánh bạc sẽ bị kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo. Tuy nhiên, khi xem xét, xử lý kỷ luật, tổ chức đảng có thẩm quyền phải căn cứ nội dung, mức độ, tính chất, tác hại, ảnh hưởng, nguyên nhân vi phạm và các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ hoặc trường hợp đảng viên bị khởi tố để xem xét, quyết định cho phù hợp.

Câu 82. Đảng viên A sử dụng bằng không hợp pháp để thi tuyển công chức và đã công tác được 20 năm kể từ ngày được tuyển dụng, đến nay mới bị phát hiện có vi phạm về sử dụng văn bằng không hợp pháp. Hiện có 2 ý kiến:

Ý kiến thứ nhất: Không kiểm tra, xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên A vì vi phạm đã quá lâu, đã hết thời hiệu xử lý kỷ luật đảng.

Ý kiến thứ hai: Vẫn xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

Vậy ý kiến nào đúng?

Trả lời:

Điểm b khoản 2 Điều 4 Quy định số 69-QĐ/TW quy định: “*Không áp dụng thời hiệu kỷ luật đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức khai trừ; vi phạm chính trị nội bộ; vi phạm quốc phòng, an ninh, đối ngoại có xâm hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc; việc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không hợp pháp*”.

Căn cứ quy định trên, đảng viên A có vi phạm về sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp, không áp dụng thời hiệu kỷ luật, nên tổ chức đảng có thẩm quyền vẫn phải kiểm tra, xem xét, kết luận và xử lý kỷ luật theo quy định. Vậy, ý kiến thứ hai đúng.

Câu 83. Một đảng viên sinh hoạt tại chi bộ quân sự xã vi phạm trong việc mua và sử dụng bằng tốt nghiệp trung học phổ thông để đăng ký học lớp trung cấp luật. Chi bộ quân sự xã đã họp kiểm điểm và quyết định kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo. Có ý kiến cho rằng thẩm quyền ban hành quyết định kỷ luật trong trường hợp này là của ban chấp hành đảng bộ xã.

Vậy, trường hợp vi phạm về mua bán, sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuộc thẩm quyền thi hành kỷ luật của chi bộ quân sự xã hay của ban chấp hành đảng bộ xã?

Trả lời:

- Điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao)”.

- Điều 9 Quy định số 37-QĐ/TW quy định đảng viên không được: “Báo cáo, lập hồ sơ, kê khai lý lịch, kê khai tài sản, thu nhập không trung thực. Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận giả, không hợp pháp; nhập quốc tịch, chuyển tiên,

tài sản ra nước ngoài, mở tài khoản và mua bán tài sản ở nước ngoài trái quy định”.

Căn cứ các quy định trên, đảng viên mua và sử dụng bằng tốt nghiệp trung học phổ thông không hợp pháp là vi phạm những điều đảng viên không được làm, vi phạm thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nên việc chi bộ quân sự xã quyết định kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo là đúng quy định.

Câu 84. Chi bộ cơ sở P ra quyết định kỷ luật khiển trách đối với đảng viên K (đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý) và báo cáo Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy B. Sau khi xem xét, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy B nhận thấy chi bộ P xử lý không đúng mức với mức độ vi phạm của đảng viên K. Vậy, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy B phải thực hiện như thế nào?

Trả lời:

- Điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “*Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao).*”

- Sau khi chi bộ quyết định kỷ luật khiến trách, cảnh cáo đối với cấp uỷ viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý, phải báo cáo lên các cấp uỷ mà đảng viên đó là thành viên và cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp uỷ quản lý cán bộ.

- Việc cách chức, khai trừ cấp uỷ viên của chi bộ cơ sở do chi bộ cơ sở đề nghị, ban thường vụ cấp uỷ huyện, quận hoặc tương đương quyết định.

- Đối với cấp uỷ viên các cấp sinh hoạt tại chi bộ (từ cấp uỷ viên đảng uỷ cơ sở trở lên) và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý, nếu vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ do cấp trên giao mà phải áp dụng hình thức kỷ luật thì chi bộ đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định”.

- Điểm 2.5 khoản 2 Điều 13 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền khi phát hiện cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý có vi phạm phải chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là chi bộ xem xét, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xem xét, xử lý hoặc xử lý không đúng mức thì tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên xem xét, xử lý kỷ luật; đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng cấp dưới và người đứng đầu tổ chức đảng đó”.

- Điểm 4.7 khoản 4 Mục III Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: “Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xem xét, xử lý hoặc xử lý không đúng

mức thì tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên căn cứ nội dung vi phạm để thực hiện quy trình, thủ tục bỏ phiếu và quyết định thi hành kỷ luật mà không phải làm quy trình, thủ tục từ dưới lên”.

Căn cứ các quy định trên, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy B qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc thi hành kỷ luật đảng viên K nếu thấy hình thức kỷ luật không tương xứng với mức độ vi phạm thì yêu cầu chi bộ P chuyển hồ sơ thi hành kỷ luật đảng viên K để Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy B xem xét, xử lý kỷ luật, không phải làm quy trình, thủ tục từ dưới lên; đồng thời xem xét trách nhiệm của chi ủy, chi bộ cơ sở P.

Câu 85. Bí thư chi bộ B (chi bộ không có chi ủy) bị xử lý kỷ luật. Chi bộ cho rằng, nếu để bí thư chi bộ làm báo cáo gửi cấp trên sẽ không đảm bảo tính khách quan và kịp thời nên đã phân công một đảng viên làm báo cáo, ký, gửi lên cấp trên. Vậy, việc làm của chi bộ B là đúng hay sai?

Trả lời:

- Điểm 4.3 khoản 4 Mục III Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: “*Trường hợp tổ chức đảng hoặc bí thư cấp ủy vi phạm đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật thì bí thư cấp ủy hoặc đại diện tổ chức đảng đó báo cáo để cấp ủy cấp trên quản lý trực tiếp cử đại diện chủ trì hội nghị xem xét, kỷ luật”.*

- Điểm 7.1 khoản 7 Mục III Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: “Chi bộ chỉ có bí thư chi bộ, nếu bí thư chi bộ bị xử lý kỷ luật thuộc thẩm quyền của chi bộ thì bí thư chi bộ báo cáo cấp ủy cấp trên quản lý trực tiếp để cử đại diện chủ trì hội nghị xem xét, kỷ luật. Sau khi biểu quyết quyết định kỷ luật, chậm nhất 5 ngày chi bộ phải gửi báo cáo kết quả hội nghị (biên bản họp, bản tự kiểm điểm, phiếu biểu quyết quyết định hình thức kỷ luật, biên bản kiểm phiếu của bí thư chi bộ) đến tổ chức đảng có thẩm quyền để ban hành quyết định kỷ luật”.

Căn cứ quy định trên, việc xem xét, xử lý kỷ luật đối với bí thư chi bộ do tổ chức đảng cấp trên chỉ đạo thực hiện; bí thư chi bộ hoặc chi bộ phân công đảng viên làm báo cáo với tổ chức đảng cấp trên trực tiếp quản lý là đúng quy định.

Câu 86. Đảng viên A vi phạm tới mức phải xử lý kỷ luật, chi ủy chi bộ nơi đảng viên A đang sinh hoạt yêu cầu kiểm điểm, nhưng đảng viên A không chấp hành. Trường hợp này, chi bộ và cấp ủy có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên A như thế nào?

Trả lời:

Điểm 2.1 khoản 2 Điều 13 Quy định số 22-QĐ/TW quy định về trình tự xem xét, quyết định

kỷ luật đảng viên: “Đảng viên vi phạm kỷ luật phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật”.

Căn cứ quy định trên, việc đảng viên A không chấp hành yêu cầu của chi ủy, chi bộ, từ chối kiểm điểm thì chi bộ nơi đảng viên A đang sinh hoạt và cấp ủy có thẩm quyền vẫn tiến hành xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định. Trong biên bản hội nghị chi bộ xét đề nghị kỷ luật phải ghi rõ lý do đảng viên A không chấp hành kiểm điểm theo yêu cầu của chi ủy, chi bộ.

Câu 87. Đảng viên A vi phạm nhiệm vụ cấp trên giao đã được cấp ủy có thẩm quyền trực tiếp xem xét, xử lý kỷ luật, chi bộ nơi đảng viên A sinh hoạt không yêu cầu đảng viên A kiểm điểm. Vậy, trường hợp này đúng hay sai?

Trả lời:

Điểm 2.3 khoản 2 Điều 13 Quy định số 22-QĐ/TW quy định về trình tự xem xét, quyết định kỷ luật đảng viên: “Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau thì cấp ủy và ủy ban kiểm tra có thẩm quyền trực tiếp xem xét, quyết định kỷ luật, không cần yêu cầu đảng viên đó

phải kiểm điểm trước chi bộ: Vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao; nội dung vi phạm liên quan đến bí mật của Đảng và Nhà nước mà chi bộ không biết; vi phạm trước khi chuyển đến sinh hoạt ở chi bộ”.

Căn cứ quy định trên, trường hợp đảng viên A vi phạm nhiệm vụ cấp trên giao thì cấp ủy có thẩm quyền xem xét, quyết định thi hành kỷ luật, không cần yêu cầu đảng viên đó phải kiểm điểm trước chi bộ. Do đó, việc đảng viên A không kiểm điểm tại chi bộ là đúng quy định của Đảng.

Câu 88. Đảng viên A là bí thư chi bộ thuộc Đảng ủy xã B, vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên. Đảng viên A đã tự nguyện có đơn xin được thôi giữ chức bí thư chi bộ và được Đảng ủy xã B xem xét, đồng ý. Có ý kiến cho rằng, Đảng ủy xã B phải xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên A theo quy định. Vậy, ý kiến này đúng hay sai?

Trả lời:

- Khoản 1 Điều 9 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải được xử lý công minh, chính xác, kịp thời; tất cả đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng, nếu vi phạm đến mức phải kỷ luật đều phải xử lý kỷ luật nghiêm minh”.*

- Khoản 5 Điều 14 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Cấp ủy viên vi phạm đến mức cách chức thì phải kỷ luật cách chức, không để thôi giữ chức, không chấp nhận cho rút khỏi cấp ủy”*.

Căn cứ quy định trên, trường hợp này, Đảng ủy xã B phải thực hiện việc xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên A theo quy định. Việc Đảng ủy xã B xem xét, đồng ý cho đảng viên A đang có vi phạm nghiêm trọng trong thực hiện nhiệm vụ đảng viên được thôi giữ chức bí thư chi bộ là không đúng quy định của Đảng.

Câu 89. Đảng viên A là cấp ủy viên xã B vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật. Quá trình thực hiện quy trình kỷ luật, đảng viên A đã kiểm điểm tại chi bộ nhưng Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy vẫn yêu cầu kiểm điểm tại Ban Chấp hành Đảng bộ xã B. Có ý kiến cho rằng, đảng viên A chỉ phải kiểm điểm tại chi bộ, không phải kiểm điểm tại Ban Chấp hành Đảng bộ xã B. Vậy, ý kiến trên đúng hay sai?

Trả lời:

- Điểm 2.1 khoản 2 Điều 13 Quy định số 22-QĐ/TW quy định về trình tự xem xét, quyết định kỷ luật đảng viên: *“Đảng viên vi phạm kỷ luật phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình*

thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật”.

- Điều 4.4 khoản 4 Mục III Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: *“Đảng viên vi phạm là cấp uỷ viên hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ quản lý, khi xem xét xử lý kỷ luật phải kiểm điểm ở chi bộ và ở tổ chức đảng nơi đảng viên đó có vi phạm; trường hợp đã chuyển công tác, nghỉ việc, nghỉ hưu hoặc chuyển sinh hoạt đảng sang tổ chức đảng khác thì do trưởng đoàn kiểm tra hoặc tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định”.*

Căn cứ các quy định trên, đảng viên A là cấp uỷ viên xã B vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật đã kiểm điểm tại chi bộ và phải kiểm điểm tại Ban Chấp hành Đảng bộ xã B, nơi đảng viên đó là thành viên theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm tra Huyện uỷ là đúng quy định.

Câu 90. Đảng viên C là công chức nhà nước đang công tác bị thi hành kỷ luật về Đảng nhưng không tự viết bản kiểm điểm, không tham dự kiểm điểm tại chi bộ và vắng mặt trong buổi triển khai quyết định kỷ luật đảng viên (chi bộ đã gửi thư mời nhiều lần

nhưng đảng viên C vẫn không đến và không có thông tin liên lạc với chi bộ). Vậy, chi bộ vẫn tiến hành xử lý kỷ luật và triển khai quyết định kỷ luật đảng viên khi vắng mặt có đúng quy định của Đảng không?

Trả lời:

- Điểm 2.1 khoản 2 Điều 13 Quy định số 22-QĐ/TW quy định về trình tự xem xét, quyết định kỷ luật đảng viên: *“Đảng viên vi phạm kỷ luật phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật”*.

- Điểm 4.2 khoản 4 Mục III Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: *“Trường hợp đại diện tổ chức đảng, đảng viên vi phạm khi được tổ chức đảng có thẩm quyền mời gặp nhưng không đến mà không có lý do chính đáng thì tổ chức đảng vẫn xem xét, quyết định thi hành kỷ luật theo quy định”*.

Căn cứ các quy định trên, đảng viên C từ chối kiểm điểm trước chi bộ, cố tình không đến dự họp chi bộ mà không có lý do chính đáng thì tổ chức đảng vẫn xem xét, quyết định thi hành kỷ luật theo quy định của Đảng.

Câu 91. Đảng viên A đang đi học cao cấp lý luận chính trị nên chuyển sinh hoạt đảng tạm thời đến chi bộ lớp học thuộc đảng ủy nhà trường. Trong quá trình học, đảng viên A vi phạm đến mức phải kỷ luật khai trừ. Vậy, trong trường hợp này, thẩm quyền kỷ luật là của cơ quan nào?

Trả lời:

- Điểm 2.4 khoản 2 Điều 13 Quy định số 22-QĐ/TW quy định về trình tự xem xét, quyết định kỷ luật đảng viên: “Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời, nếu vi phạm kỷ luật thì cấp uỷ nơi đảng viên sinh hoạt tạm thời có trách nhiệm xem xét, xử lý kỷ luật tới mức cảnh cáo. Sau khi xử lý kỷ luật phải thông báo bằng văn bản cho cấp uỷ nơi đảng viên sinh hoạt chính thức biết”.

- Điểm 4.5 khoản 4 Mục III Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: “Trường hợp phải xử lý kỷ luật ở mức cao hơn hình thức cảnh cáo thì cấp uỷ nơi đảng viên sinh hoạt tạm thời phải thông báo bằng văn bản nội dung, tính chất, mức độ, tác hại và nguyên nhân vi phạm, đề xuất hình thức kỷ luật để cấp uỷ quản lý đảng viên đó xem xét, quyết định xử lý kỷ luật; đồng thời báo cáo với cấp uỷ cấp trên có thẩm quyền của tổ chức đảng nơi quản lý chính thức đảng viên đó biết và chỉ đạo”.

Căn cứ các quy định nêu trên, đảng viên A vi phạm đến mức phải kỷ luật khai trừ thì đảng ủy nhà trường nơi đảng viên A sinh hoạt tạm thời phải thông báo bằng văn bản về nội dung, tính chất, mức độ, tác hại và nguyên nhân vi phạm, đề xuất hình thức kỷ luật để cấp ủy quản lý đảng viên sinh hoạt chính thức đó (theo giấy giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng tạm thời) xem xét, quyết định xử lý kỷ luật; đồng thời báo cáo với cấp ủy cấp trên có thẩm quyền của tổ chức đảng nơi quản lý chính thức đảng viên đó (theo quyết định cử đi học) biết để chỉ đạo.

Câu 92. Chi bộ cơ sở thi hành kỷ luật đảng viên X bằng hình thức cảnh cáo. Ban thường vụ huyện ủy xem xét thấy việc xử lý kỷ luật của chi bộ là chưa tương xứng với mức độ của lỗi vi phạm và quyết định kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng. Vậy, ban thường vụ huyện ủy xử lý kỷ luật như trên có đúng thẩm quyền không? Trước khi ra quyết định kỷ luật khai trừ đảng viên X ra khỏi Đảng thì có phải ra quyết định hủy bỏ quyết định kỷ luật cảnh cáo của chi bộ cơ sở đối với đảng viên X không?

Trả lời:

- Điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “*Chi bộ quyết định khiển*

trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao).

+ Sau khi chi bộ quyết định kỷ luật khiến trách, cảnh cáo đối với cấp uỷ viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý, phải báo cáo lên các cấp uỷ mà đảng viên đó là thành viên và cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp uỷ quản lý cán bộ.

- Điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Uỷ ban kiểm tra huyện uỷ, quận uỷ và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên (kể cả bí thư, phó bí thư, cấp uỷ viên của chi bộ, đảng uỷ bộ phận trực thuộc đảng bộ cơ sở hoặc cán bộ thuộc diện đảng uỷ cơ sở quản lý nhưng không phải là đảng uỷ viên đảng uỷ cơ sở hay cán bộ do cấp uỷ huyện, quận và cấp tương đương cùng cấp quản lý). Quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cơ sở và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp”.

- Điểm 1.5 khoản 1 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Ban thường vụ tỉnh, thành, huyện, quận uỷ và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên (kể cả bí thư, phó bí

thư, uỷ viên ban thường vụ, cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp); quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cùng cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên; cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm nhiệm vụ được giao. Trường hợp cách chức, khai trừ thì báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định”.

- Điểm 2.5 khoản 2 Điều 13 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “... Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xem xét, xử lý hoặc xử lý không đúng mức thì tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên xem xét, xử lý kỷ luật; đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng cấp dưới và người đứng đầu tổ chức đảng đó”.

Căn cứ các quy định trên, ban thường vụ huyện uỷ có thẩm quyền xem xét, thay đổi quyết định kỷ luật từ hình thức cảnh cáo lên khai trừ đối với đảng viên X mà không cần phải ban hành quyết định hủy bỏ quyết định cảnh cáo của chi bộ cơ sở đối với đảng viên X. Tuy nhiên, theo phân cấp về thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với đảng viên vi phạm thì uỷ ban kiểm tra huyện uỷ cũng có thẩm quyền kỷ luật đảng viên theo quy định,

do đó ban thường vụ huyện ủy nên giao ủy ban kiểm tra huyện ủy xem xét, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền.

Câu 93. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với đảng viên A là cán bộ thuộc diện ban thường vụ huyện ủy quản lý, đảng ủy xã đã họp để nghe đảng viên A giải trình bằng văn bản về những dấu hiệu vi phạm và đã đóng góp ý kiến; ủy ban kiểm tra huyện ủy đã kết luận đảng viên A có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật. Vậy, bước tiếp theo phải làm gì?

Trả lời:

- Tại Điểm 2.3 khoản 2 Điều 13 Quy định số 22-QĐ/TW quy định về trình tự xem xét, quyết định kỷ luật đảng viên: “Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau thì cấp ủy và ủy ban kiểm tra có thẩm quyền trực tiếp xem xét, quyết định kỷ luật, không cần yêu cầu đảng viên đó phải kiểm điểm trước chi bộ: Vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao; nội dung vi phạm liên quan đến bí mật của Đảng và Nhà nước mà chi bộ không biết; vi phạm trước khi chuyển đến sinh hoạt ở chi bộ”.

- Điểm 1.5 khoản 1 và điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW quy định:

“1.5. Ban thường vụ tỉnh, thành, huyện, quận ủy và tương đương quyết định các hình thức kỷ

luật đảng viên (kể cả bí thư, phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ, cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp); quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cùng cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên; cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm nhiệm vụ được giao. Trường hợp cách chức, khai trừ thì báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định”.

“2.2. Uỷ ban kiểm tra huyện uỷ, quận uỷ và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên (kể cả bí thư, phó bí thư, cấp uỷ viên của chi bộ, đảng uỷ bộ phận trực thuộc đảng bộ cơ sở hoặc cán bộ thuộc diện đảng uỷ cơ sở quản lý nhưng không phải là đảng uỷ viên đảng uỷ cơ sở hay cán bộ do cấp uỷ huyện, quận và cấp tương đương cùng cấp quản lý). Quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cơ sở và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp”.

Như vậy, trường hợp đảng viên A mà vi phạm nhiệm vụ cấp trên giao hoặc nội dung vi phạm liên quan đến bí mật của Đảng và Nhà nước mà chi bộ nơi đảng viên A sinh hoạt không biết; vi phạm trước khi chuyển đến sinh hoạt ở chi bộ

hiện nay thì huyện ủy, ban thường vụ huyện ủy hoặc ủy ban kiểm tra huyện ủy có thẩm quyền xem xét, quyết định thi hành kỷ luật, không cần yêu cầu đảng viên A phải kiểm điểm trước chi bộ.

Nếu vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo thì ủy ban kiểm tra huyện ủy sẽ xem xét, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền; nếu phải kỷ luật bằng hình thức cao hơn thì ủy ban kiểm tra huyện ủy đề nghị ban thường vụ huyện ủy kỷ luật theo quy định.

Câu 94. Qua kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, tổ chức đảng có thẩm quyền kết luận đảng viên A có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật và đã nhiều lần mời đến làm việc nhưng đảng viên A không có mặt và không có lý do chính đáng. Trường hợp này, tổ chức đảng có thẩm quyền có xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên A hay không?

Trả lời:

- Điểm 2.1 khoản 2 Điều 13 Quy định số 22-QĐ/TW quy định về trình tự xem xét, quyết định kỷ luật đảng viên: “Đảng viên vi phạm kỷ luật phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật”.

- Điểm 4.2 khoản 4 Mục III Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: “*Trường hợp đại diện tổ chức đảng, đảng viên vi phạm khi được tổ chức đảng có thẩm quyền mời gặp nhưng không đến mà không có lý do chính đáng thì tổ chức đảng vẫn xem xét, quyết định thi hành kỷ luật theo quy định*”.

Căn cứ các quy định trên, đảng viên A từ chối làm việc với tổ chức đảng có thẩm quyền khi xem xét, xử lý kỷ luật đối với mình mà không có lý do chính đáng thì tổ chức đảng vẫn xem xét, quyết định thi hành kỷ luật theo quy định của Đảng.

Câu 95. Đảng viên A vi phạm kỷ luật đến mức phải kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng. Biểu quyết đề nghị hình thức kỷ luật tại chi bộ có kết quả như sau: Khiển trách: 02/13/13 phiếu; cảnh cáo 04/13/13 phiếu; khai trừ 07/13/13 phiếu. Sau khi tổ chức đảng có thẩm quyền ra quyết định khai trừ đảng viên A thì có ý kiến đảng viên đề nghị phải thực hiện việc bỏ phiếu lại ở chi bộ vì kết quả bỏ phiếu đề nghị hình thức kỷ luật không quá hai phần ba tổng số đảng viên theo quy định. Vậy, tổ chức đảng ra quyết định kỷ luật khai trừ đảng viên A như trên là đúng hay sai?

Trả lời:

- Điểm 3.1, 3.3 khoản 3 Điều 15 Quy định số 22-QĐ/TW quy định:

“3.1. Kết quả biểu quyết quyết định các hình thức kỷ luật cụ thể mà không có hình thức kỷ luật nào đủ số phiếu theo quy định, thì cộng dồn số phiếu từ hình thức kỷ luật cao nhất xuống đến hình thức kỷ luật liền kề thấp hơn, đến hình thức nào mà kết quả có đủ số phiếu theo quy định thì quyết định kỷ luật bằng hình thức đó”.

“3.3. Trường hợp khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số đảng viên chính thức hoặc thành viên của tổ chức đảng đó nhất trí đề nghị và được sự nhất trí của trên một nửa số thành viên tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền quyết định”.

- Điểm 6.5 khoản 6 Mục III Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: *“Đảng viên vi phạm đến mức phải khai trừ hoặc tổ chức đảng vi phạm đến mức phải giải tán nhưng chưa đủ hai phần ba số đảng viên chính thức của chi bộ hoặc thành viên của tổ chức đảng bỏ phiếu đề nghị thì báo cáo và chuyển hồ sơ để tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định”.*

Căn cứ các quy định trên, chi bộ bỏ phiếu đề nghị hình thức kỷ luật khai trừ nhưng chưa đủ số phiếu theo quy định thì không phải thực hiện bỏ phiếu lại; nhưng phải báo cáo và chuyển hồ sơ để tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định. Tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền

xem xét, quyết định kỷ luật khai trừ đảng viên A như trên là đúng quy định.

Câu 96. Đảng viên C không phải là cấp ủy viên, được cấp ủy bổ nhiệm giữ chức vụ phó trưởng ban tham mưu, giúp việc của cấp ủy, nếu vi phạm kỷ luật tới mức phải cách chức chức vụ đó thì có thuộc phạm vi, thẩm quyền kỷ luật của Đảng không? Tổ chức đảng nào có thẩm quyền thi hành kỷ luật?

Trả lời:

- Khoản 1 Điều 14 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Đảng viên giữ nhiều chức vụ (kể cả chức vụ đương nhiệm hoặc chức vụ ở các nhiệm kỳ trước đó) vi phạm kỷ luật phải cách chức thì tùy mức độ, tính chất vi phạm mà cách một, một số hay tất cả các chức vụ hoặc phải khai trừ thì tổ chức đảng quản lý đảng viên đó quyết định”.

- Khoản 3 Mục I Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: “Chức vụ trong Đảng bao gồm chức vụ do tổ chức đảng bầu, chỉ định hoặc bổ nhiệm đối với đảng viên theo quy định của Đảng (kể cả chức vụ kiêm nhiệm)”.

Căn cứ các quy định trên, việc thi hành kỷ luật đảng viên bằng hình thức cách chức do tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định. Tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định kỷ luật là tổ chức đảng quản lý cán bộ đó theo quy định về

phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Chính trị và của cấp ủy các cấp.

Chức vụ phó trưởng ban tham mưu, giúp việc của cấp ủy do cấp ủy bổ nhiệm; nếu đảng viên C giữ chức vụ phó trưởng ban tham mưu, giúp việc của cấp ủy có vi phạm kỷ luật đến mức phải cách chức thì ban thường vụ cấp ủy quản lý cán bộ đó quyết định.

Câu 97. Đồng chí A là cấp ủy viên vi phạm bị thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức cấp ủy viên (khi này đồng chí A không giữ chức vụ nào). Sau đó đồng chí A lại vi phạm tiếp đến mức phải thi hành kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng. Trường hợp này do cấp ủy hay ủy ban kiểm tra quyết định?

Trả lời:

- Điểm 1.4 khoản 1 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Đảng uỷ cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp ủy viên cấp dưới (kể cả bí thư, phó bí thư, cấp ủy viên của chi bộ hoặc đảng uỷ bộ phận trực thuộc nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý). Đối với cấp uỷ viên cấp trên trực tiếp trở lên và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý sinh hoạt tại đảng bộ, nếu vi phạm đến mức phải

kỷ luật thì đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định...

Đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền khai trừ đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý”.

- Điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “*Ủy ban kiểm tra huyện ủy, quận ủy và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên (kể cả bí thư, phó bí thư, cấp ủy viên của chi bộ, đảng ủy bộ phận trực thuộc đảng bộ cơ sở hoặc cán bộ thuộc diện đảng ủy cơ sở quản lý nhưng không phải là đảng ủy viên đảng ủy cơ sở hay cán bộ do cấp ủy huyện, quận và cấp tương đương cùng cấp quản lý). Quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cơ sở và cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp”.*

Căn cứ các quy định trên, đồng chí A đã bị kỷ luật cách chức cấp ủy viên, khi đó chỉ còn là đảng viên. Nếu sau đó đồng chí A lại tiếp tục có vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng thì thẩm quyền xem xét, quyết định kỷ luật là của đảng ủy cơ sở được ủy quyền kết nạp đảng viên hoặc của ủy ban kiểm tra cấp huyện ủy, quận ủy và tương đương.

Câu 98. Đồng chí B là huyện ủy viên, bí thư đảng ủy xã, có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức bí thư đảng ủy xã. Trường hợp này, tổ chức đảng nào có thẩm quyền xử lý kỷ luật đồng chí B?

Trả lời:

Khoản 2, 3 Điều 14 Quy định số 22-QĐ/TW quy định:

“2. Đảng viên tham gia nhiều cấp ủy (trừ Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương) vi phạm đến mức phải cách chức cấp ủy viên cao nhất hoặc khai trừ thì do ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của cấp ủy cấp cao nhất mà đảng viên đó là thành viên quyết định. Nếu phải cách chức cấp ủy viên ở một cấp ủy cấp dưới thì do ban thường vụ cấp ủy quản lý đảng viên đó quyết định.

3. Đảng viên tham gia nhiều cấp ủy, giữ nhiều chức vụ, bị kỷ luật cách chức một chức vụ đương nhiệm hoặc chức vụ trước đó, thì cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy có thẩm quyền phải xem xét các chức vụ khác, có thể cách chức hoặc cho thôi giữ một, một số hoặc tất cả các chức vụ khác”.

Căn cứ các quy định trên, trường hợp đồng chí B là huyện ủy viên, bí thư đảng ủy xã nếu có vi phạm đến mức phải kỷ luật cách chức bí thư đảng ủy xã thì thẩm quyền do ban thường vụ huyện ủy

xem xét, quyết định. Trường hợp này đồng chí B vẫn còn chức vụ là huyện ủy viên.

Câu 99. Đảng viên vi phạm trước ngày 06/7/2022 đến nay mới bị phát hiện và bị xem xét, thi hành kỷ luật. Vậy, việc xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm được thực hiện theo Quy định số 102-QĐ/TW hay Quy định số 69-QĐ/TW của Bộ Chính trị?

Trả lời:

Điều 58 Quy định số 69-QĐ/TW quy định: “*Quy định này thay thế Quy định số 07-QĐi/TW, ngày 28/8/2018 của Bộ Chính trị khoá XII về xử lý kỷ luật tổ chức đảng vi phạm và Quy định số 102-QĐ/TW, ngày 15/11/2017 của Bộ Chính trị khoá XII về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm; có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến đến chi bộ*”.

Căn cứ quy định trên, thì từ ngày 06/7/2022, Quy định số 69-QĐ/TW có hiệu lực thực hiện và thay thế Quy định số 07-QĐi/TW, ngày 28/8/2018 của Bộ Chính trị khoá XII về xử lý kỷ luật tổ chức đảng vi phạm và Quy định số 102-QĐ/TW, ngày 15/11/2017 của Bộ Chính trị khoá XII về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm; nên việc xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm được thực hiện theo Quy định số 69-QĐ/TW.

Câu 100. Đảng viên A đang có vợ mà sống chung như vợ chồng với người phụ nữ khác, vi phạm quy định về những điều đảng viên không được làm. Vấn đề này xử lý thế nào?

Trả lời:

- Điều 18 Quy định số 37-QĐ/TW quy định đảng viên không được: “*sống chung với người khác như vợ chồng*”.

- Khoản 8 Điều 18 Mục I Hướng dẫn số 02-HD/UBKTTW quy định: “... *sống chung với người khác (không phải vợ, chồng mình) như vợ chồng*”.

- Điểm e khoản 1 Điều 51 của Quy định số 69-QĐ/TW quy định: “*Không đăng ký kết hôn hoặc đang có vợ (chồng) nhưng vẫn sống chung với người khác như vợ, chồng*”.

Như vậy, đảng viên A đã vi phạm quy định về những điều đảng viên không được làm và quy định về xử lý kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm nên cần phải được xem xét, xử lý nghiêm minh. Tổ chức đảng có thẩm quyền sau khi kiểm tra, kết luận, xem xét, xử lý kỷ luật thì căn cứ bản tự kiểm điểm của đảng viên A, nội dung, tính chất, mức độ vi phạm, hậu quả đã xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để quyết định hình thức kỷ luật cụ thể theo thẩm quyền.

Câu 101. Ủy ban kiểm tra đảng ủy xã triển khai quyết định, kế hoạch giải quyết đơn tố cáo đối với đảng viên X. Tuy nhiên đảng viên X là người bị tố cáo, đã không viết báo cáo giải trình, không hợp tác làm việc, ủy ban kiểm tra đảng ủy xã đã nhiều lần mời và trực tiếp gặp gỡ nhưng đảng viên X cố tình không viết báo cáo giải trình, không hợp tác và bỏ đi làm ăn xa. Vậy, trường hợp này xử lý như thế nào?

Trả lời:

- Khoản 5 Điều 20 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “*Tổ chức đảng quản lý đối tượng bị tố cáo phải bảo đảm quyền dân chủ của đảng viên và quần chúng trong việc giám sát, tố cáo, phản ánh về tổ chức đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm. Phối hợp và thực hiện yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết tố cáo. Trong thời gian đang giải quyết, chưa kết luận thì tổ chức đảng quản lý đảng viên phải bảo đảm các quyền của đảng viên, của tổ chức đảng bị tố cáo; giáo dục và tạo điều kiện để đảng viên, tổ chức đảng thực hiện nghiêm các yêu cầu của tổ chức đảng giải quyết tố cáo*”.

- Điểm 2.3 khoản 2 Mục IV Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: “*Tổ chức đảng hoặc đảng viên bị tố cáo phải trình bày trung thực, đầy đủ, kịp thời những vấn đề bị tố cáo, cung cấp đầy đủ*

hồ sơ, tài liệu, hiện vật có liên quan cho đoàn giải quyết tố cáo; tự giác nhận khuyết điểm, vi phạm (nếu có) và có quyền sử dụng bằng chứng để chứng minh nội dung tố cáo không đúng hoặc vu khống; không được đối phó, gây khó khăn, trở ngại cho đoàn giải quyết tố cáo, không được truy tìm, trấn áp, trù dập, trả thù người tố cáo”.

Căn cứ các quy định trên, nếu đảng viên X bị tố cáo nhưng cố tình không viết báo cáo giải trình, không hợp tác với tổ (đoàn) giải quyết tố cáo là vi phạm quy định của Đảng. Tổ (đoàn) giải quyết tố cáo căn cứ nội dung tố cáo vẫn tiến hành giải quyết theo quy trình, thẩm tra, xác minh và yêu cầu tổ chức đảng quản lý đảng viên bị tố cáo phối hợp trong quá trình giải quyết tố cáo. Tổ (đoàn) giải quyết tố cáo xây dựng dự thảo và hoàn chỉnh báo cáo kết quả giải quyết tố cáo, trình ủy ban kiểm tra đảng ủy xã xem xét, kết luận và xử lý kỷ luật theo thẩm quyền hoặc báo cáo, đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

Câu 102. Đảng viên dự bị vi phạm kỷ luật trong thời gian dự bị thì có thi hành kỷ luật không?

Trả lời:

- Khoản 10 Điều 9 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Đảng viên dự bị vi phạm đến mức phải kỷ*

luật thi kỷ luật khiến trách hoặc cảnh cáo, khi hết thời hạn dự bị, chi bộ vẫn tiến hành xét công nhận đảng viên chính thức. Nếu vi phạm đến mức không còn đủ tư cách đảng viên thì xoá tên trong danh sách đảng viên”.

- Khoản 3 Điều 17 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Đảng viên có vi phạm bị truy nã hoặc bị toà án tuyên phạt tù hình phạt cải tạo không giam giữ trở lên thì tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định khai trừ hoặc xoá tên trong danh sách đảng viên (đối với đảng viên dự bị), không phải theo quy trình thi hành kỷ luật. Tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định khai trừ hoặc xoá tên đảng viên thông báo bằng văn bản cho chi bộ nơi đảng viên sinh hoạt và các tổ chức đảng nơi đảng viên đó là thành viên. Đảng viên, cấp uỷ viên bị toà án tuyên phạt hình phạt thấp hơn hình phạt cải tạo không giam giữ, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tổ chức đảng có thẩm quyền phải quyết định cho đảng viên trở lại sinh hoạt đảng, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt cấp uỷ và xem xét để quyết định xử lý kỷ luật theo đúng quy trình”.*

Như vậy, đảng viên dự bị vi phạm kỷ luật trong thời gian dự bị (không thuộc trường hợp bị truy nã hoặc bị toà án tuyên phạt tù hình phạt cải tạo không giam giữ trở lên) vẫn thực hiện xử lý kỷ luật theo quy định.

Câu 103. Kỷ luật của Đảng gồm những hình thức nào? Đảng viên dự bị vi phạm rất nghiêm trọng kỷ luật đảng có kỷ luật bằng hình thức khai trừ không? Đảng viên chính thức vi phạm rất nghiêm trọng kỷ luật đảng có áp dụng biện pháp xóa tên không?

Trả lời:

1. Hình thức kỷ luật Đảng được quy định tại Điều 7 Quy định số 69-QĐ/TW:

- Đối với tổ chức đảng: Khiển trách, cảnh cáo, giải tán.

- Đối với đảng viên chính thức: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức (nếu có chức vụ), khai trừ.

- Đối với đảng viên dự bị: Khiển trách, cảnh cáo.

2. Theo quy định trên, đảng viên dự bị có hai hình thức kỷ luật là khiển trách và cảnh cáo, do vậy nếu vi phạm rất nghiêm trọng kỷ luật đảng cũng không kỷ luật bằng hình thức khai trừ. Nếu vi phạm đến mức không còn đủ tư cách đảng viên thì xóa tên trong danh sách đảng viên (khoản 10 Điều 9 Quy định số 22-QĐ/TW).

3. Theo quy định trên, đảng viên chính thức có các hình thức kỷ luật là: khiển trách, cảnh cáo, cách chức (nếu có chức vụ), khai trừ. Đảng viên chính thức vi phạm rất nghiêm trọng đến mức phải khai trừ thì phải kỷ luật khai trừ,

không áp dụng biện pháp xoá tên, không chấp nhận việc xin ra khỏi Đảng (khoản 9 Điều 9 Quy định số 22-QĐ/TW).

Câu 104. Đảng viên được miễn sinh hoạt đảng vi phạm kỷ luật thì thực hiện kỷ luật hay xoá tên đảng viên đó?

Trả lời:

Tiết 7.2.4 khoản 7.2 Mục 7 Quy định số 24-QĐ/TW quy định đảng viên xin miễn công tác và sinh hoạt đảng như sau: *“Bản thân phải gương mẫu và vận động gia đình chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương, nếu vi phạm kỷ luật đảng thì xử lý kỷ luật như đối với đảng viên đang sinh hoạt theo quy định của Điều lệ Đảng”*.

Căn cứ quy định trên, đảng viên được miễn sinh hoạt đảng, nếu vi phạm kỷ luật thì xử lý kỷ luật theo quy định như đối với đảng viên đang sinh hoạt.

Câu 105. Chi bộ có quyền thi hành kỷ luật khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cấp trên sinh hoạt tại chi bộ hay không?

Trả lời:

Điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW quy định thẩm quyền của chi bộ thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm: *“Chi bộ quyết định khiển*

trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao).

- Sau khi chi bộ quyết định kỷ luật khiến trách, cảnh cáo đối với cấp uỷ viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý, phải báo cáo lên các cấp uỷ mà đảng viên đó là thành viên và cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp uỷ quản lý cán bộ.

- Việc cách chức, khai trừ cấp uỷ viên của chi bộ cơ sở do chi bộ cơ sở đề nghị, ban thường vụ cấp uỷ huyện, quận hoặc tương đương quyết định.

- Đối với cấp uỷ viên các cấp sinh hoạt tại chi bộ (từ cấp uỷ viên đảng uỷ cơ sở trở lên) và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý, nếu vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ do cấp trên giao mà phải áp dụng hình thức kỷ luật thì chi bộ đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định”.

Căn cứ quy định trên, chi bộ có quyền thi hành kỷ luật khiến trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cấp trên sinh hoạt tại chi bộ vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên, trừ nhiệm vụ do cấp trên giao.

IV. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI KỶ LUẬT ĐẢNG

Câu 106. Đảng viên D bị thi hành kỷ luật cảnh cáo, có khiếu nại và đã được ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở giải quyết. Tuy nhiên, khi chưa nhận được quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật của ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở thì đảng viên D nghe dư luận và cho rằng ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở làm việc không khách quan và đã gửi đơn khiếu nại kỷ luật lên đảng ủy cơ sở. Vậy, đảng ủy cơ sở có giải quyết hay không?

Trả lời:

- Khoản 1 Điều 26 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “*Tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật không đồng ý với quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật có quyền khiếu nại lên các tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền giải quyết (nêu tại Điều 22 của Quy định này). Thời hạn khiếu nại trong vòng 30 ngày, tính từ ngày nhận quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật (căn cứ biên bản công bố) đến ngày đảng viên bị kỷ luật gửi đơn khiếu nại trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện chuyển đến*”.

- Khoản 3 Điều 24 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “*Không giải quyết những trường hợp khiếu nại sau: Quá thời hạn khiếu nại theo quy định;*

đang được cấp trên có thẩm quyền giải quyết; đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận, quyết định; bị toà án quyết định hình phạt từ cải tạo không giam giữ trở lên chưa được toà án có thẩm quyền quyết định huỷ bỏ bản án; khiếu nại hộ, khiếu nại khi chưa nhận được quyết định kỷ luật bằng văn bản của tổ chức đảng có thẩm quyền; từ chối nhận quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng”.

Căn cứ các quy định trên, đảng viên D phải chờ ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở giải quyết xong khiếu nại kỷ luật của mình, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở thì tiếp tục khiếu nại lên ban thường vụ đảng ủy cơ sở để được giải quyết theo quy định. Trường hợp này, đảng ủy cơ sở không giải quyết đơn khiếu nại của đảng viên D.

Câu 107. Đồng chí A là đảng viên, bị kỷ luật bằng hình thức khai trừ. Mặc dù cho rằng hình thức kỷ luật như vậy là quá nặng, nhưng đồng chí A không khiếu nại. Tuy nhiên, một số đảng viên đã làm đơn hộ đồng chí A gửi lên cấp có thẩm quyền, nhưng không được giải quyết. Vậy, việc không giải quyết đó đúng hay sai?

Trả lời:

Khoản 3 Điều 24 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Không giải quyết những trường hợp khiếu*

nại sau: Quá thời hạn khiếu nại theo quy định; đang được cấp trên có thẩm quyền giải quyết; đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận, quyết định; bị toà án quyết định hình phạt từ cải tạo không giam giữ trở lên chưa được toà án có thẩm quyền quyết định huỷ bỏ bản án; khiếu nại hộ, khiếu nại khi chưa nhận được quyết định kỷ luật bằng văn bản của tổ chức đảng có thẩm quyền; từ chối nhận quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng”.

Căn cứ quy định trên, đồng chí A bị kỷ luật nhưng không làm đơn khiếu nại mà một số đảng viên trong chi bộ làm đơn khiếu nại hộ đồng chí A gửi lên cấp có thẩm quyền đề nghị giải quyết thì việc tổ chức đảng có thẩm quyền không giải quyết khiếu nại trong trường hợp trên là đúng quy định của Đảng.

Câu 108. Chi bộ kỷ luật bằng hình thức khiển trách đối với đảng viên A. Đảng viên A không đồng ý với quyết định kỷ luật của chi bộ đã làm đơn khiếu nại gửi chi bộ, vậy chi bộ có thẩm quyền giải quyết khiếu nại của đảng viên đó không?

Trả lời:

- Khoản 1 Điều 22 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Việc giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng

được tiến hành từ uỷ ban kiểm tra, ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ từ cấp cơ sở trở lên”.

- Khoản 1 Điều 26 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật không đồng ý với quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật có quyền khiếu nại lên các tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền giải quyết (nêu tại Điều 22 của Quy định này). Thời hạn khiếu nại trong vòng 30 ngày, tính từ ngày nhận quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật (căn cứ biên bản công bố) đến ngày đảng viên bị kỷ luật gửi đơn khiếu nại trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện chuyển đến”.

- Khoản 3 Điều 26 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Tổ chức đảng khi nhận được khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết thì chậm nhất 5 ngày phải chuyển cho tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết, đồng thời báo cho người khiếu nại biết”.

Căn cứ các quy định trên, trường hợp đảng viên A bị chi bộ kỷ luật bằng hình thức khiển trách, nếu không đồng ý với quyết định kỷ luật của chi bộ thì có quyền khiếu nại lên tổ chức đảng cấp trên. Chi bộ không có thẩm quyền giải quyết khiếu nại của đảng viên A, chi bộ sau khi nhận được đơn khiếu nại kỷ luật của đảng viên A, phải

chuyển cho tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết, đồng thời báo cho đảng viên A biết.

Câu 109. Đảng viên A bị kỷ luật có đơn khiếu nại. Trong thời gian tổ chức đảng có thẩm quyền đang giải quyết, đảng viên A nộp đơn khởi kiện hành chính đối với lãnh đạo của tổ chức nhà nước ban hành quyết định có liên quan nội dung trong đơn khiếu nại kỷ luật đảng của đảng viên A (tòa án đã thụ lý và mời hòa giải nhưng chưa có kết quả cuối cùng). Như vậy, việc giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng vẫn thực hiện theo quy định hay tạm ngừng, chờ kết luận của tòa án? Nếu vẫn giải quyết khiếu nại thì theo quy định nào? Nếu ngừng giải quyết khiếu nại thì thời gian ngừng là bao lâu?

Trả lời:

- Khoản 9 Điều 3 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “*Khiếu nại kỷ luật đảng là việc tổ chức đảng, đảng viên bị thi hành kỷ luật thực hiện quyền của mình theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Đảng, đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét lại quyết định kỷ luật đảng khi có căn cứ, cơ sở cho rằng quá trình kiểm tra, xem xét, quyết định kỷ luật đối với mình chưa đúng với quy định của Đảng, xâm*

phạm quyền và lợi ích của tổ chức đảng hoặc đảng viên bị kỷ luật”.

- Khoản 5 Điều 9 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Kỷ luật đảng không thay thế kỷ luật hành chính, kỷ luật đoàn thể hoặc việc xử lý bằng pháp luật và ngược lại (trừ trường hợp có quy định khác)...”.*

- Khoản 3 Điều 23 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Tổ chức đảng trực tiếp quản lý đảng viên khiếu nại phối hợp với uỷ ban kiểm tra, ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ để giải quyết khiếu nại; giáo dục và tạo điều kiện để người khiếu nại thực hiện đầy đủ các yêu cầu của uỷ ban kiểm tra, ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ; chấp hành nghiêm yêu cầu, kết luận hoặc quyết định giải quyết khiếu nại của uỷ ban kiểm tra, ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ cấp trên”.*

Căn cứ các quy định của Đảng cũng như quy định của pháp luật hiện hành thì không cấm đảng viên thực hiện quyền khiếu nại đồng thời nộp đơn khởi kiện ra tòa hành chính như trường hợp nêu trên, nên tổ chức đảng có thẩm quyền vẫn xem xét, giải quyết khiếu nại của đảng viên A theo quy định.

Trong trường hợp nếu được tòa hành chính thụ lý giải quyết, kết luận hoặc có bản án có liên quan nội dung quyết định kỷ luật đảng của đảng viên A,

thì các tổ chức đảng có thẩm quyền phải kịp thời xem xét lại quyết định kỷ luật đối với đảng viên A được quy định tại khoản 12 Điều 9 Quy định số 22-QĐ/TW: “Đảng viên bị kỷ luật oan, sai phải được xin lỗi và phục hồi quyền lợi...”.

Câu 110. Đảng ủy cơ sở quyết định kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo một cấp ủy viên cùng cấp, đảng viên đó khiếu nại lên ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp. Xét nội dung, tính chất, mức độ, tác hại và nguyên nhân vi phạm, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp đã quyết định thay đổi hình thức kỷ luật cảnh cáo bằng hình thức kỷ luật cách chức cấp ủy viên. Việc quyết định thay đổi hình thức kỷ luật đó của ủy ban kiểm tra có đúng thẩm quyền không?

Trả lời:

- Điều 25 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Ủy ban kiểm tra đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy hoặc đảng ủy từ cấp cơ sở trở lên có thẩm quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật đối với đảng viên, tổ chức đảng do tổ chức đảng cấp dưới quyết định. Trường hợp phải thay đổi bằng hình thức kỷ luật cao hơn, vượt quá thẩm quyền phải báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên xem xét, quyết định”.

- Điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Ủy ban kiểm tra huyện ủy, quận ủy và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên (kể cả bí thư, phó bí thư, cấp ủy viên của chi bộ, đảng ủy bộ phận trực thuộc đảng bộ cơ sở hoặc cán bộ thuộc diện đảng ủy cơ sở quản lý nhưng không phải là đảng ủy viên đảng ủy cơ sở hay cán bộ do cấp ủy huyện, quận và cấp tương đương cùng cấp quản lý). Quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cơ sở và cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp”.

Căn cứ các quy định trên, ủy ban kiểm tra huyện ủy và tương đương có thẩm quyền giải quyết chuẩn y, thay đổi (từ khiển trách bằng cảnh cáo hoặc ngược lại) hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật đối với đảng viên do đảng ủy cơ sở đã quyết định. Trường hợp phải thay đổi bằng hình thức kỷ luật cao hơn (cách chức, khai trừ) thì ủy ban kiểm tra huyện ủy và tương đương phải báo cáo đề cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Như vậy, qua giải quyết khiếu nại, ủy ban kiểm tra cấp trên quyết định thay đổi hình thức kỷ luật từ cảnh cáo lên cách chức cấp ủy viên là không đúng thẩm quyền theo quy định của Đảng.

Câu 111. Đảng viên A bị kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo, đảng viên có khiếu nại về hình thức kỷ luật đối với mình. Tuy nhiên, trong quá trình xem xét, giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng nhận được đơn tố cáo có nội dung vi phạm khác ngoài các nội dung đã bị kỷ luật trước đây. Vậy, tổ chức đảng phải làm gì?

Trả lời:

- Khoản 1 Điều 24 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Giải quyết khiếu nại về nội dung vi phạm, hình thức kỷ luật trong quyết định kỷ luật và về nguyên tắc, thủ tục, quy trình, thẩm quyền thi hành kỷ luật mà đảng viên bị kỷ luật có khiếu nại. Trong quá trình giải quyết, nếu phát hiện đảng viên khiếu nại có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn tố cáo thì cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại xem xét, quyết định”*.

- Điểm 2.1 khoản 2 Mục V Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: *“Chỉ giải quyết khiếu nại về nội dung vi phạm, hình thức kỷ luật, về nguyên tắc, thủ tục, quy trình và thẩm quyền thi hành kỷ luật, giải quyết khiếu nại kỷ luật; các trường hợp khiếu nại không thuộc phạm vi, trách nhiệm, thẩm quyền giải quyết thì tổ chức đảng phải chuyển các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định”*.

Căn cứ các quy định trên, tổ chức đảng có thẩm quyền phải căn cứ nguyên tắc giải quyết khiếu nại để xem xét cụ thể nội dung vi phạm mới, có thể kết hợp giải quyết khiếu nại với xem xét những vi phạm mới được phát hiện của đảng viên A hoặc tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Nội dung này do tổ chức đảng đang giải quyết khiếu nại đối với đảng viên A xem xét, quyết định.

Câu 112. Đồng chí A bị khai trừ ra khỏi Đảng, có khiếu nại lên cấp trên. Khi xem xét, giải quyết, cấp trên phát hiện đồng chí này còn có một số vi phạm nữa nhưng chưa được xem xét, xử lý. Vậy, có xem xét những vi phạm mới phát hiện này cùng với việc xem xét lại những vi phạm đã bị thi hành kỷ luật trong quy trình xem xét khiếu nại kỷ luật của đồng chí A hay không?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 24 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Giải quyết khiếu nại về nội dung vi phạm, hình thức kỷ luật trong quyết định kỷ luật và về nguyên tắc, thủ tục, quy trình, thẩm quyền thi hành kỷ luật mà đảng viên bị kỷ luật có khiếu nại. Trong quá trình giải quyết, nếu phát hiện đảng viên khiếu nại có dấu hiệu vi phạm hoặc có*

đơn tố cáo thì cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại xem xét, quyết định”.

Căn cứ quy định trên, khi giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, nói chung chỉ giải quyết những nội dung của kỷ luật đảng mà đối tượng bị kỷ luật có khiếu nại. Nếu qua xem xét những vi phạm đã nêu trong quyết định kỷ luật nhận thấy việc áp dụng hình thức kỷ luật khai trừ là thỏa đáng, thì không cần phải đi sâu xem xét những vấn đề mới phát hiện.

Trường hợp xét thấy việc vi phạm của đảng viên A (nêu trong quyết định kỷ luật) chưa đến mức phải khai trừ, thì có thể xem xét cả những vi phạm mới được phát hiện và việc giữ gìn tư cách từ sau khi bị thi hành kỷ luật khai trừ của đồng chí A đến thời điểm phải giải quyết khiếu nại kỷ luật để làm rõ nội dung, tính chất, mức độ, tác hại và nguyên nhân vi phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để có căn cứ, cơ sở quyết định giảm hay không giảm hình thức kỷ luật cho đồng chí A.

Câu 113. Đồng chí H bị chi bộ kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo, đã khiếu nại vượt cấp lên đảng ủy cấp trên. Đảng ủy cơ sở mời đồng chí H đến làm việc, có đồng chí phó bí thư đảng ủy khối dự để bàn việc giải quyết khiếu nại, nhưng đồng chí H không đến vì

cho rằng mình không khiếu nại với đảng ủy cơ sở. Sau đó, lại đề nghị đảng ủy khối giải quyết khiếu nại.

Vậy đảng ủy khối có giải quyết khiếu nại không?

Trả lời:

- Khoản 1 Điều 22 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Việc giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng được tiến hành từ ủy ban kiểm tra, ban thường vụ cấp ủy hoặc cấp ủy từ cấp cơ sở trở lên”.*

- Khoản 3 Điều 22 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Ủy ban Kiểm tra Trung ương là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với các hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức; Ban Bí thư là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với hình thức kỷ luật khai trừ do cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương trở xuống quyết định”.*

- Điểm 2.1 khoản 2 Mục V Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: *“Chỉ giải quyết khiếu nại về nội dung vi phạm, hình thức kỷ luật, về nguyên tắc, thủ tục, quy trình và thẩm quyền thi hành kỷ luật, giải quyết khiếu nại kỷ luật; các trường hợp khiếu nại không thuộc phạm vi, trách nhiệm, thẩm quyền giải quyết thì tổ chức đảng phải chuyển các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định”.*

Căn cứ các quy định trên, đảng ủy khối khi nhận được khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết thì phải chuyển đơn khiếu nại để đảng ủy cơ sở xem xét, giải quyết theo quy định, yêu cầu đảng ủy cơ sở và đảng viên chấp hành đúng quy định của Đảng về khiếu nại và giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

Câu 114. Đảng viên A bị kỷ luật mới nhận quyết định được 10 ngày, đã viết đơn khiếu nại kỷ luật đảng nhưng chưa gửi thì đột ngột qua đời vì bị tai nạn. Gia đình làm đơn đề nghị và gửi cả đơn khiếu nại kỷ luật đảng của đồng chí đó. Trường hợp này xử lý như thế nào?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 24 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Đảng viên bị kỷ luật có khiếu nại chưa được giải quyết hoặc đang giải quyết đã qua đời thì tổ chức đảng vẫn xem xét, giải quyết; nếu thân nhân (cha, mẹ; vợ hoặc chồng; con; anh, chị, em ruột) đề nghị cho biết kết quả thì thông báo kết quả giải quyết khiếu nại bằng văn bản cho tổ chức đảng nơi cư trú và thân nhân người đó biết”.

Căn cứ quy định trên, tuy đơn khiếu nại của đảng viên A chưa được gửi đến các tổ chức đảng có thẩm quyền, mà đảng viên đó đột ngột qua đời

nhưng vẫn thể hiện ý chí và quyền yêu cầu được giải quyết khiếu nại của đảng viên đó; do vậy, tổ chức đảng có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện giải quyết khiếu nại đúng theo quy định và thông báo cho thân nhân của đảng viên A biết kết quả giải quyết.

Câu 115. Đảng viên X bị đảng ủy xã kỷ luật bằng hình thức khiển trách, có khiếu nại và được ủy ban kiểm tra huyện ủy quyết định xóa bỏ hình thức kỷ luật đó. Đảng ủy xã không đồng tình với quyết định này của ủy ban kiểm tra huyện ủy thì làm thế nào? Có được báo cáo ban thường vụ huyện ủy không?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 23 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật. Khi tổ chức đảng cấp trên tiến hành giải quyết khiếu nại, các tổ chức đảng cấp dưới phải nghiêm túc xem xét lại quyết định của mình và chấp hành nghiêm quyết định giải quyết khiếu nại của tổ chức đảng cấp trên”.*

Mặt khác, theo quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra do cấp ủy các cấp quyết định ban hành

cũng nêu rõ trong trường hợp tổ chức đảng cấp dưới còn có ý kiến khác với ủy ban kiểm tra cấp trên thì được quyền báo cáo với ban thường vụ cấp ủy cấp trên xem xét, quyết định.

Như vậy, trước hết đảng ủy xã phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại của ủy ban kiểm tra huyện ủy. Nếu thấy cần thiết, đảng ủy xã được quyền báo cáo để ban thường vụ huyện ủy xem xét, quyết định. Trong thời gian ban thường vụ huyện ủy chưa có ý kiến thì đảng ủy xã phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật của ủy ban kiểm tra huyện ủy.

Câu 116. Sau khi nhận được quyết định kỷ luật cảnh cáo của đảng ủy xã, đồng chí B đã làm đơn khiếu nại gửi đảng ủy xã đề nghị xem xét lại hình thức kỷ luật đối với mình. Đảng ủy xã đã xem xét và quyết định giảm hình thức kỷ luật xuống khiển trách đối với đồng chí B.

Trong trường hợp này, đảng ủy xã có phải ban hành thêm quyết định nữa không?

Trả lời:

- Khoản 8 Điều 9 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Tổ chức đảng quyết định kỷ luật oan, sai đối với đảng viên phải thay đổi hoặc hủy bỏ quyết*

định đó, đồng thời tự phê bình, kiểm điểm, rút kinh nghiệm; nếu vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên xem xét, quyết định”.

- Khoản 2 Điều 23 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật. Khi tổ chức đảng cấp trên tiến hành giải quyết khiếu nại, các tổ chức đảng cấp dưới phải nghiêm túc xem xét lại quyết định của mình và chấp hành nghiêm quyết định giải quyết khiếu nại của tổ chức đảng cấp trên”.

Căn cứ các quy định trên, khi nhận được đơn khiếu nại của đảng viên B thì đảng uỷ xã phải xem xét lại toàn bộ quy trình thẩm tra, xác minh, các tình tiết có liên quan (phải căn cứ vào nội dung, động cơ, tính chất, mức độ, hậu quả, nguyên nhân vi phạm, hoàn cảnh cụ thể, các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ, ý thức, thái độ tự phê bình, tiếp thu phê bình và kết quả sửa chữa, khắc phục khuyết điểm, vi phạm, hậu quả đã gây ra) để ban hành quyết định thay đổi hình thức kỷ luật cảnh cáo bằng khiển trách đối với đồng chí B (thay thế quyết định cũ); đồng thời báo cáo tổ chức đảng cấp trên bằng văn bản.

Câu 117. Ủy ban kiểm tra nhận được một số đơn khiếu nại kỷ luật do các cơ quan nhà nước quyết định và khiếu nại về đảng tịch, đề bạt... Những trường hợp khiếu nại này, ủy ban kiểm tra có giải quyết không?

Nếu không giải quyết thì phải làm gì?

Trả lời:

- Điểm 2.6 khoản 2 Mục V Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: *“Đơn khiếu nại về xử lý kỷ luật hành chính, lịch sử chính trị, xác định tuổi đảng, xóa tên trong danh sách đảng viên thì chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết và báo cho người khiếu nại biết bằng văn bản”*.

- Khoản 3 Điều 26 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Tổ chức đảng khi nhận được khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết thì chậm nhất 5 ngày phải chuyển cho tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết, đồng thời báo cho người khiếu nại biết”*.

Ủy ban kiểm tra là cơ quan tham mưu, giúp việc cho cấp ủy, thực hiện các nhiệm vụ do cấp ủy quy định. Ủy ban kiểm tra có nhiệm vụ giải quyết khiếu nại kỷ luật theo quy định của Điều lệ Đảng, còn những khiếu nại kỷ luật do cơ quan nhà nước quyết định hoặc khiếu nại về xử lý đảng tịch, đề bạt... thì ủy ban kiểm tra chuyển cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét về kỷ luật chính quyền;

chuyển ban tổ chức có thẩm quyền xem xét về đảng tịch, đề bạt,... đồng thời báo cho người khiếu nại biết. Cơ quan chức năng sau khi giải quyết khiếu nại nói trên phải có trách nhiệm trả lời kết quả giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, đồng thời thông báo kết quả cho ủy ban kiểm tra biết.

Câu 118. Đồng chí M là bí thư chi bộ bị đảng ủy xã kỷ luật bằng hình thức cách chức. Đồng chí M yêu cầu đảng ủy xã sao gửi cho mình toàn bộ hồ sơ kỷ luật nhưng không được giải quyết nên đồng chí khiếu nại và đề nghị các cấp giải quyết yêu cầu của mình và tố cáo đảng ủy xã vi phạm quyền dân chủ của đảng viên.

Việc làm đó của đồng chí M đúng hay sai?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 26 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật không đồng ý với quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật có quyền khiếu nại lên các tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền giải quyết (nêu tại Điều 22 của Quy định này). Thời hạn khiếu nại trong vòng 30 ngày, tính từ ngày nhận quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật (căn cứ biên bản công bố)*

đến ngày đảng viên bị kỷ luật gửi đơn khiếu nại trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện chuyển đến”.

Đồng chí M bị thi hành kỷ luật cách chức, nhưng không khiếu nại về kỷ luật đảng mà lại yêu cầu tổ chức đảng đã quyết định kỷ luật phải sao gửi hồ sơ kỷ luật cho mình là không đúng quy định của Đảng. Mặt khác, hồ sơ kỷ luật của Đảng là tài liệu mật, được bảo quản và sử dụng theo quy định của Đảng, không được sao chụp để gửi cho tổ chức, cá nhân không có thẩm quyền quản lý.

Việc làm của đồng chí M là sai, đảng ủy xã không vi phạm quyền dân chủ của đảng viên. Các tổ chức đảng có thẩm quyền cần giải thích rõ để đồng chí M hiểu đúng các quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và chấp hành nghiêm chỉnh.

Câu 119. Đảng viên X bị kỷ luật và có khiếu nại, đã được Ủy ban Kiểm tra Trung ương giải quyết. Chi bộ có quyền phản ánh, báo cáo những nội dung khác so với kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương lên Ban Bí thư để Ban Bí thư giải quyết hay không?

Trả lời:

- Khoản 3 Điều 22 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Ủy ban Kiểm tra Trung ương là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với các hình thức*

kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức; Ban Bí thư là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với hình thức kỷ luật khai trừ do cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương trở xuống quyết định”.

- Khoản 3 Điều 24 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Không giải quyết những trường hợp khiếu nại sau: Quá thời hạn khiếu nại theo quy định; đang được cấp trên có thẩm quyền giải quyết; đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận, quyết định; bị toà án quyết định hình phạt tù cải tạo không giam giữ trở lên chưa được toà án có thẩm quyền quyết định huỷ bỏ bản án; khiếu nại hộ, khiếu nại khi chưa nhận được quyết định kỷ luật bằng văn bản của tổ chức đảng có thẩm quyền; từ chối nhận quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng”.*

Như vậy, Ủy ban Kiểm tra Trung ương là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với các hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức; đối với trường hợp khai trừ, Ban Bí thư là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng.

Trường hợp sau khi Ủy ban Kiểm tra Trung ương có quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật mà quyết định một trong ba hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức và chi bộ có thêm những thông tin, tài liệu có nội dung khác so với kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương thì chi

bộ gửi báo cáo và tài liệu đến Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Trường hợp quyết định kỷ luật bằng hình thức khai trừ, đảng viên X khiếu nại lên Ban Bí thư, thì khi làm việc với Đoàn giải quyết khiếu nại của Ban Bí thư, chi bộ có quyền phản ánh, báo cáo những nội dung khác so với kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương để Đoàn xem xét.

Câu 120. Đảng viên A sinh hoạt tại Chi bộ B, vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật. Qua xem xét, Đảng ủy Q (được ủy quyền quyết định kết nạp đảng viên) đã kỷ luật đảng viên A bằng hình thức khai trừ. Đảng viên A khiếu nại lên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy T. Trong báo cáo giải quyết khiếu nại, Đoàn kiểm tra ghi: Báo cáo giải quyết khiếu nại kỷ luật đối với đồng chí A, nguyên đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ B. Như vậy, việc dùng cụm từ “nguyên đảng viên” là đúng hay sai, nếu sai thì sửa lại thế nào?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 23 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “*Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật. Khi tổ chức đảng cấp trên tiến hành giải quyết khiếu nại, các tổ chức đảng cấp dưới phải nghiêm túc*

xem xét lại quyết định của mình và chấp hành nghiêm quyết định giải quyết khiếu nại của tổ chức đảng cấp trên”.

Như vậy, đảng viên A bị kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng và phải chấp hành quyết định kỷ luật, về nguyên tắc khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết khiếu nại quyết định thay đổi hình thức kỷ luật thì không còn là đảng viên của Đảng. Do vậy, khi giải quyết khiếu nại, đoàn kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy T dùng cụm từ “nguyên đảng viên” trong báo cáo giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với đồng chí A là đúng.

Câu 121. Một đảng viên vi phạm bị kỷ luật cảnh cáo, sau đó đảng viên có khiếu nại. Tổ chức đảng có thẩm quyền đã giải quyết khiếu nại, quyết định giảm hình thức kỷ luật từ cảnh cáo xuống khiển trách.

Vậy, thời gian chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật tính từ khi đảng viên đó bị xử lý kỷ luật cảnh cáo hay tính từ khi có quyết định giảm từ hình thức kỷ luật cảnh cáo xuống khiển trách?

Trả lời:

Khoản 11 Điều 16 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “*Trường hợp quyết định thay đổi hình thức*

kỷ luật thì thời hạn chấp hành kỷ luật được tính từ ngày quyết định kỷ luật đầu tiên có hiệu lực”.

Căn cứ quy định trên, thời gian chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật là sau một năm và được tính từ ngày quyết định kỷ luật cảnh cáo có hiệu lực.

Câu 122. Đảng ủy cơ sở kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với đồng chí Q, trưởng tiểu khu. Qua kiểm tra đã kết luận đồng chí Q có vi phạm trong quản lý và sử dụng quỹ của tiểu khu đến mức phải thi hành kỷ luật.

Đảng ủy cơ sở đã tiến hành xem xét, xử lý kỷ luật đồng chí Q bằng hình thức cảnh cáo. Trong buổi công bố quyết định kỷ luật, đồng chí Q không nhận quyết định kỷ luật của đảng ủy (có lập biên bản). Sau đó ít ngày, đồng chí Q làm đơn khiếu nại kỷ luật đảng lên tổ chức đảng cấp trên.

Trường hợp này có giải quyết đơn khiếu nại hay không?

Trả lời:

- Khoản 3 Điều 24 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“Không giải quyết những trường hợp khiếu nại sau: Quá thời hạn khiếu nại theo quy định; đang được cấp trên có thẩm quyền giải quyết; đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem*

xét, kết luận, quyết định; bị toà án quyết định hình phạt tù cải tạo không giam giữ trở lên chưa được toà án có thẩm quyền quyết định huỷ bỏ bản án; khiếu nại hộ, khiếu nại khi chưa nhận được quyết định kỷ luật bằng văn bản của tổ chức đảng có thẩm quyền; từ chối nhận quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng”.

- Điểm 7.2 khoản 7 Mục III Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: *“Hội nghị công bố quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật phải có đại diện tổ chức đảng ban hành quyết định (hoặc được uỷ quyền công bố quyết định), đại diện tổ chức đảng quản lý tổ chức đảng hoặc đảng viên bị kỷ luật, đại diện tổ chức đảng bị kỷ luật hoặc đảng viên bị kỷ luật và lập biên bản lưu hồ sơ. Trường hợp đại diện tổ chức đảng hoặc đảng viên bị kỷ luật đã nhận được văn bản mời họp nhưng không đến hoặc có mặt tại hội nghị nhưng không nhận quyết định kỷ luật thì ghi vào biên bản, quyết định kỷ luật vẫn được công bố và có hiệu lực thi hành”.*

Căn cứ các quy định trên, đảng viên Q không nhận quyết định kỷ luật của đảng uỷ cơ sở thì quyết định vẫn có hiệu lực thi hành; đảng viên Q có khiếu nại quyết định kỷ luật thì tổ chức đảng có thẩm quyền không giải quyết theo quy định.

Câu 123. Đảng viên hoặc tổ chức đảng bị xử lý kỷ luật thực hiện quyền khiếu nại kỷ luật như thế nào và trong thời gian giải quyết khiếu nại có phải chấp hành quyết định kỷ luật đã ban hành không?

Trả lời:

- Khoản 2 Điều 23 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật. Khi tổ chức đảng cấp trên tiến hành giải quyết khiếu nại, các tổ chức đảng cấp dưới phải nghiêm túc xem xét lại quyết định của mình và chấp hành nghiêm quyết định giải quyết khiếu nại của tổ chức đảng cấp trên”.

- Khoản 1 Điều 26 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật không đồng ý với quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật có quyền khiếu nại lên các tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền giải quyết (nêu tại Điều 22 của Quy định này). Thời hạn khiếu nại trong vòng 30 ngày, tính từ ngày nhận quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật (căn cứ biên bản công bố) đến ngày đảng viên bị kỷ luật gửi đơn khiếu nại trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện chuyển đến”.

Như vậy, theo các quy định trên, đảng viên hoặc tổ chức đảng bị xử lý kỷ luật không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận quyết định, có quyền khiếu nại với cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương.

Trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng hoặc đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật đã ban hành.

Câu 124. Đảng viên và tổ chức đảng không đồng ý với quyết định kỷ luật “có quyền khiếu nại với cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương”. Vậy đảng viên hoặc chi bộ, đảng ủy cơ sở bị thi hành kỷ luật thì có được khiếu nại thẳng lên Ban Chấp hành Trung ương không?

Trả lời:

- Khoản 7 Điều 39 Điều lệ Đảng khoá XI quy định: *“Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng một tháng, kể từ ngày nhận quyết định, có quyền khiếu nại với cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương. Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật, thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương”.*

- Khoản 3, 4 Điều 22 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: *“3. Ủy ban Kiểm tra Trung ương là cấp*

giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với các hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức; Ban Bí thư là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với hình thức kỷ luật khai trừ do cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương trở xuống quyết định.

4. Đối với các hình thức kỷ luật do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương quyết định thì Ban Chấp hành Trung ương là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng.

Ban Chấp hành Trung ương là cấp quyết định kỷ luật cuối cùng, sau khi xem xét, kết luận phải biểu quyết bằng phiếu kín việc quyết định hình thức kỷ luật cụ thể. Việc tính số phiếu biểu quyết để quyết định hình thức kỷ luật thực hiện như quy định tại Khoản 3.1, Điều 15 của Quy định này”.

Căn cứ các quy định trên, tổ chức đảng và đảng viên bị thi hành kỷ luật có quyền khiếu nại đến tổ chức đảng có thẩm quyền theo quy định là thể hiện tính nghiêm minh và dân chủ trong việc thi hành kỷ luật đảng.

Điều đó không có nghĩa là đảng viên hoặc chi bộ, đảng uỷ cơ sở bị thi hành kỷ luật nếu không đồng ý thì khiếu nại thẳng lên Ban Chấp hành Trung ương ngay, mà phải tiến hành từ uỷ ban kiểm tra, ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ từ

cấp cơ sở trở lên. Nếu đảng viên hoặc tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại ấy thì được tiếp tục khiếu nại lên tổ chức đảng có thẩm quyền theo quy định.

V. ĐÌNH CHỈ SINH HOẠT ĐẢNG

Câu 125. Đồng chí H, đảng viên dự bị vi phạm pháp luật, bị cơ quan pháp luật ra quyết định truy tố. Trong chi bộ có ý kiến đề nghị xóa tên trong danh sách đảng viên. Song, cũng có ý kiến cho rằng chỉ đình chỉ sinh hoạt đảng đối với đồng chí H, chờ kết luận của cơ quan pháp luật để xem xét, xử lý kỷ luật.

Ý kiến nào đúng và xử lý thế nào?

Trả lời:

- Khoản 2 Điều 28 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Đảng viên, cấp uỷ viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp uỷ và công tác kiểm tra của Đảng hoặc bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra quyết định truy tố, tạm giam thì phải đình chỉ sinh hoạt đảng; cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng đương nhiên bị đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ; cấp uỷ viên bị khởi tố thì phải đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ nhưng vẫn được sinh hoạt đảng”.

- Khoản 2 Điều 17 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Đảng viên bị khởi tố, truy tố hoặc bị tạm giam hoặc do cơ quan thanh tra, kiểm toán cung cấp nội dung vi phạm pháp luật thì tổ chức đảng có thẩm quyền chủ động, kịp thời kiểm tra, kết luận và xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên có vi phạm đến mức phải xử lý, không chờ kết luận hoặc tuyên án của tòa án hoặc kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán; không cần quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt mới xem xét, xử lý kỷ luật. Sau khi có bản án hoặc quyết định của tòa án hoặc kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán, nếu thấy cần thiết, tổ chức đảng có thẩm quyền kỷ luật xem xét lại việc kỷ luật đảng đối với đảng viên đó”.

Như vậy, đảng viên dự bị H sau khi bị truy tố phải đình chỉ sinh hoạt đảng. Nếu tổ chức đảng nắm vững vi phạm của đồng chí H thì xem xét xoá tên trong danh sách đảng viên đối với đồng chí H. Nếu không nắm vững vi phạm của đảng viên thì chờ kết quả xử lý của cơ quan pháp luật và khi tòa án xét xử, bản án đã có hiệu lực pháp luật thì tổ chức đảng tiến hành xem xét thi hành kỷ luật theo quy định của Đảng. Nếu đảng viên dự bị H bị tòa án xử phạt tù hình phạt cải tạo không giam giữ trở lên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tổ chức đảng có thẩm quyền căn cứ bản án của tòa án để xoá tên trong danh sách đảng viên.

Câu 126. Trường hợp đảng viên vi phạm trong quản lý kinh tế, được thanh tra nhà nước kết luận là cố ý làm trái nguyên tắc quản lý kinh tế, gây thiệt hại nghiêm trọng tài sản xã hội chủ nghĩa và bị chính quyền cấp trên quyết định cách chức, cơ quan pháp luật đã khởi tố vụ án, nhưng chưa khởi tố bị can.

Chi bộ căn cứ vào kết luận của thanh tra nhà nước, quyết định khởi tố vụ án của cơ quan pháp luật để xem xét, xử lý kỷ luật và đề nghị khai trừ ra khỏi Đảng có được không, hay phải đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng để chờ kết luận của cơ quan pháp luật rồi mới xem xét?

Trả lời:

- Khoản 2 Điều 17 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “Đảng viên bị khởi tố, truy tố hoặc bị tạm giam hoặc do cơ quan thanh tra, kiểm toán cung cấp nội dung vi phạm pháp luật thì tổ chức đảng có thẩm quyền chủ động, kịp thời kiểm tra, kết luận và xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên có vi phạm đến mức phải xử lý, không chờ kết luận hoặc tuyên án của tòa án hoặc kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán; không cần quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt mới

xem xét, xử lý kỷ luật. Sau khi có bản án hoặc quyết định của toà án hoặc kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán, nếu thấy cần thiết, tổ chức đảng có thẩm quyền kỷ luật xem xét lại việc kỷ luật đảng đối với đảng viên đó”.

- Khoản 1, 2 Điều 28 Quy định số 22-QĐ/TW quy định: “1. Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng nhằm ngăn chặn hành vi gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận của tổ chức đảng có thẩm quyền hoặc hành vi làm cho vi phạm trở nên nghiêm trọng hơn.

2. Đảng viên, cấp uỷ viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp uỷ và công tác kiểm tra của Đảng hoặc bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra quyết định truy tố, tạm giam thì phải đình chỉ sinh hoạt đảng; cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng đương nhiên bị đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ; cấp uỷ viên bị khởi tố thì phải đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ nhưng vẫn được sinh hoạt đảng”.

Căn cứ quy định trên, chi bộ chủ động căn cứ vào kết luận của thanh tra nhà nước, quyết định khởi tố vụ án của cơ quan pháp luật và kết quả thẩm tra, xác minh những nội dung cần thiết của tổ chức đảng có thẩm quyền để đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật đối với đảng viên

vi phạm. Khi có bản án hoặc quyết định của tòa án, nếu thấy cần thiết thì tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét lại kỷ luật đảng đối với đảng viên đó.

Việc ra quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên nhằm ngăn chặn hành vi gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận của tổ chức đảng có thẩm quyền hoặc hành vi làm cho vi phạm trở nên nghiêm trọng hơn; chỉ thực hiện trong trường hợp đảng viên (kể cả cấp ủy viên) có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp ủy và công tác kiểm tra, giám sát của Đảng hoặc đảng viên đang bị khởi tố, bắt tạm giam.

Câu 127. Đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng có phải nộp đảng phí không?

Trả lời:

Điều 2 Điều lệ Đảng khóa XI quy định: Đảng viên có nhiệm vụ “sinh hoạt đảng và đóng đảng phí đúng quy định”.

Việc tổ chức đảng quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật của Đảng là nhằm ngăn chặn hành động gây trở ngại cho hoạt động của cấp ủy và công tác kiểm tra của Đảng hoặc bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra quyết định truy tố, tạm giam. Vì vậy, đảng viên bị đình chỉ sinh

hoạt đảng vẫn là đảng viên của Đảng (tạm thời không được sinh hoạt đảng trong thời gian bị đình chỉ), phải thực hiện các nhiệm vụ của đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng. Do đó, đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng vẫn phải đóng đảng phí theo quy định.

Câu 128. Đảng viên (kể cả cấp ủy viên) đã bị khởi tố và được tại ngoại, nhưng vẫn được sinh hoạt đảng. Như vậy có đúng không?

Trả lời:

Điều 28 Quy định số 22-QĐ/TW quy định:

“1. Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng nhằm ngăn chặn hành vi gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận của tổ chức đảng có thẩm quyền hoặc hành vi làm cho vi phạm trở nên nghiêm trọng hơn.

2. Đảng viên, cấp ủy viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp ủy và công tác kiểm tra của Đảng hoặc bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra quyết định truy tố, tạm giam thì phải đình chỉ sinh hoạt đảng; cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng đương nhiên bị đình chỉ sinh hoạt cấp ủy; cấp ủy viên bị khởi tố thì phải đình chỉ sinh hoạt cấp ủy nhưng vẫn được sinh hoạt đảng.

3. Tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của tổ chức đảng, cho công tác lãnh đạo và kiểm tra của Đảng thì đình chỉ hoạt động”.

Căn cứ quy định trên, trường hợp đảng viên (không giữ chức vụ) có dấu hiệu vi phạm pháp luật, nếu chỉ mới bị khởi tố, không bị tạm giam thì chưa phải đình chỉ sinh hoạt đảng, đảng viên đó vẫn được sinh hoạt đảng bình thường.

Như vậy, trường hợp cấp ủy viên đã bị khởi tố và được tại ngoại, nhưng vẫn được sinh hoạt đảng là đúng quy định.

Câu 129. Đảng viên là cấp ủy viên đã bị khởi tố và được tại ngoại nhưng vẫn được sinh hoạt cấp ủy. Như vậy có đúng không?

Trả lời:

- Điều 28 Quy định số 22-QĐ/TW quy định:

“1. Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng nhằm ngăn chặn hành vi gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận của tổ chức đảng có thẩm quyền hoặc hành vi làm cho vi phạm trở nên nghiêm trọng hơn.

2. Đảng viên, cấp ủy viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cố ý gây

trở ngại cho hoạt động của cấp uỷ và công tác kiểm tra của Đảng hoặc bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra quyết định truy tố, tạm giam thì phải đình chỉ sinh hoạt đảng; cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng đương nhiên bị đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ; cấp uỷ viên bị khởi tố thì phải đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ nhưng vẫn được sinh hoạt đảng.

3. Tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của tổ chức đảng, cho công tác lãnh đạo và kiểm tra của Đảng thì đình chỉ hoạt động”.

- Khoản 1 Mục VI Hướng dẫn số 02-HD/TW quy định: “Đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ hoặc tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động phải chấp hành nghiêm các yêu cầu của tổ chức đảng hoặc cơ quan pháp luật (thực hiện các nhiệm vụ được giao, tường trình sự việc, tự kiểm điểm về những vi phạm,...); được đề đạt ý kiến của mình nhưng không được lấy danh nghĩa tổ chức đảng, danh nghĩa cấp uỷ viên, chức vụ, công tác đã bị đình chỉ để điều hành công việc. Đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ thì đồng thời bị đình chỉ các chức vụ trong Đảng”.

Căn cứ các quy định trên, đảng viên là cấp uỷ viên bị khởi tố thì phải đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ.

Do vậy, nếu đảng viên đó vẫn sinh hoạt cấp ủy là không đúng quy định, tuy nhiên vẫn được sinh hoạt đảng theo quy định.

Và khi đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt cấp ủy thì đương nhiên không được sinh hoạt cấp ủy và không được lấy danh nghĩa tổ chức đảng, danh nghĩa cấp ủy viên, chức vụ, công tác đã bị đình chỉ để điều hành công việc.

Câu 130. Có phải chỉ khi đảng viên bị truy tố, tạm giam mới thực hiện đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên đó?

Trả lời:

Điều 28 Quy định số 22-QĐ/TW quy định:

“1. Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng nhằm ngăn chặn hành vi gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận của tổ chức đảng có thẩm quyền hoặc hành vi làm cho vi phạm trở nên nghiêm trọng hơn.

2. Đảng viên, cấp ủy viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp ủy và công tác kiểm tra của Đảng hoặc bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra quyết định truy tố, tạm giam thì phải đình chỉ sinh hoạt đảng; cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng đương nhiên bị đình chỉ

sinh hoạt cấp uỷ; cấp uỷ viên bị khởi tố thì phải đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ nhưng vẫn được sinh hoạt đảng.

3. Tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của tổ chức đảng, cho công tác lãnh đạo và kiểm tra của Đảng thì đình chỉ hoạt động”.

Như vậy, đảng viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp uỷ và công tác kiểm tra của Đảng hoặc bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra quyết định truy tố, tạm giam thì phải đình chỉ sinh hoạt đảng.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời nhà xuất bản</i>	7
<i>Phần thứ nhất</i>	
NGHIỆP VỤ VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ KỶ LUẬT ĐẢNG	9
I. Quy định mới về thẩm quyền của cấp ủy cơ sở	9
1. Về nhiệm vụ của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật	9
2. Về nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp trong kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật	12
3. Về thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm của ban thường vụ và ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở	15
4. Về thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng của ban thường vụ cấp ủy cơ sở	16
5. Về giải quyết khiếu nại kỷ luật	16
6. Về xử lý kỷ luật đảng viên	18
II. Các vấn đề chung	19
Câu 1. Kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng là gì?	19

Câu 2. Ý nghĩa, tác dụng của công tác kiểm tra, giám sát của Đảng là gì?	20
Câu 3. Tổ chức, bộ máy của ủy ban kiểm tra và cơ quan ủy ban kiểm tra được quy định như thế nào?	25
Câu 4. Cấp ủy nào được bầu ủy ban kiểm tra?	26
III. Nguyên tắc, chủ thể, đối tượng, phương pháp về kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng	27
Câu 5. Nguyên tắc tổ chức của ủy ban kiểm tra các cấp được quy định như thế nào?	27
Câu 6. Nguyên tắc trong kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng được quy định như thế nào?	29
Câu 7. Chế độ làm việc của ủy ban kiểm tra, thẩm quyền của tổ chức đảng cấp trên đối với ủy ban kiểm tra cấp dưới được quy định như thế nào?	30
Câu 8. Chủ thể kiểm tra, giám sát là gì?	31
Câu 9. Quyền và trách nhiệm của đối tượng kiểm tra, giám sát là gì?	32
Câu 10. Phạm vi và trách nhiệm của các tổ chức cơ sở đảng trong kiểm tra, giám sát được quy định như thế nào?	33
Câu 11. Đảng viên có trách nhiệm gì trong công tác kiểm tra, giám sát?	35
Câu 12. Phương pháp tiến hành công tác kiểm tra, giám sát của Đảng được quy định như thế nào?	36
Câu 13. Vì sao công tác kiểm tra, giám sát phải dựa vào tổ chức đảng và đảng viên?	37

- Câu 14. Chi ủy có phải là tổ chức đảng không?
 Nếu là tổ chức đảng thì có phải là chủ thể
 và đối tượng kiểm tra, giám sát không? 38
- Câu 15. Tổ đảng có phải là tổ chức đảng
 không? Tổ đảng có phải là đối tượng của
 công tác kiểm tra, giám sát của Đảng
 hay không? 39
- Câu 16. Vì sao công tác kiểm tra, giám sát
 phải phát huy tinh thần tự giác của đảng
 viên và tổ chức đảng? 40
- Câu 17. Vì sao công tác kiểm tra, giám sát
 phải phát huy tinh thần trách nhiệm xây
 dựng Đảng của quần chúng? 41
- Câu 18. Vì sao kiểm tra phải làm tốt công tác
 thẩm tra, xác minh? 42
- IV. Nội dung kiểm tra, giám sát và kỷ
 luật đảng** 43
- 1. Kiểm tra, giám sát** 43
- Câu 19. Đối tượng, nội dung, thẩm quyền và
 trách nhiệm của cấp ủy, ban thường vụ
 cấp ủy cơ sở trong công tác kiểm tra được
 quy định như thế nào? 43
- Câu 20. Đối tượng, nội dung, thẩm quyền và
 trách nhiệm của cấp ủy, ban thường vụ
 cấp ủy cơ sở trong công tác giám sát được
 quy định như thế nào? 46
- Câu 21. Nội dung, đối tượng, thẩm quyền và
 trách nhiệm của ủy ban kiểm tra cấp cơ sở
 trong công tác giám sát được quy định như
 thế nào? 48

2. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm	50
Câu 22. Dấu hiệu vi phạm và kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm là gì?	50
Câu 23. Nội dung, đối tượng và thẩm quyền quyết định kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên được quy định như thế nào?	52
3. Kiểm tra tài chính đảng	54
Câu 24. Kiểm tra tài chính đảng là gì? Điều lệ Đảng quy định nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp là: “Kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp”. Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở thực hiện kiểm tra tài chính đảng như thế nào?	54
Câu 25. Kiểm tra tài chính của Đảng ở cơ sở xã, phường, thị trấn và ở chi bộ về thu, nộp và sử dụng đảng phí gồm những nội dung gì?	57
4. Giải quyết tố cáo	58
Câu 26. Tố cáo trong Đảng và thẩm quyền giải quyết tố cáo được quy định như thế nào?	58
Câu 27. Các nội dung nào tổ chức đảng ở cơ sở cần lưu ý khi giải quyết tố cáo?	59
Câu 28. Đơn tố cáo giấu tên, mạo tên có xem xét, giải quyết không?	61
Câu 29. Các nội dung tố cáo nào phải giải quyết?	62
5. Thi hành kỷ luật	63
Câu 30. Thi hành kỷ luật đảng là gì? Các hình thức kỷ luật của Đảng? Thi hành kỷ luật đảng có ý nghĩa, tác dụng như thế nào?	63

Câu 31. Kỷ luật đảng có những nội dung gì?	65
Câu 32. Kỷ luật đảng có mục đích, vai trò như thế nào?	68
Câu 33. Kỷ luật đảng có tính chất như thế nào?	71
Câu 34. Thẩm quyền của chi bộ trong thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm được quy định như thế nào?	73
Câu 35. Thẩm quyền của đảng ủy bộ phận trong thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm được quy định như thế nào?	74
Câu 36. Thẩm quyền của ban thường vụ, ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở trong thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm được quy định như thế nào?	74
Câu 37. Thẩm quyền của đảng ủy cơ sở trong thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm được quy định như thế nào?	75
Câu 38. Ủy ban kiểm tra của đảng ủy cơ sở có thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng không?	76
Câu 39. Thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng vi phạm của ban thường vụ, đảng ủy cơ sở được quy định như thế nào?	77
Câu 40. Trình tự xem xét, quyết định thi hành kỷ luật trong Đảng gồm những vấn đề gì?	78
Câu 41. Thời hiệu kỷ luật là gì? Thời hiệu kỷ luật được tính như thế nào?	80
Câu 42. Trường hợp nào thì không áp dụng thời hiệu kỷ luật đối với đảng viên, tổ chức đảng vi phạm?	81

Câu 43. Những tình tiết nào được xem xét để giảm nhẹ mức kỷ luật đảng nếu đảng viên vi phạm?	82
Câu 44. Những tình tiết nào được xem xét để tăng nặng mức kỷ luật đảng nếu đảng viên vi phạm?	83
Câu 45. Những tình tiết nào được xem xét để giảm nhẹ mức kỷ luật đảng nếu tổ chức đảng vi phạm?	84
Câu 46. Những tình tiết nào được xem xét để tăng nặng mức kỷ luật đảng nếu tổ chức đảng vi phạm?	85
Câu 47. Trong trường hợp nào đảng viên vi phạm nhưng chưa kỷ luật, không hoặc miễn kỷ luật?	86
Câu 48. Trình tự, thủ tục, cách thức bỏ phiếu thi hành kỷ luật được quy định như thế nào? Trường hợp nào thì được cộng dồn phiếu biểu quyết?	89
Câu 49. Hình thức kỷ luật đối với đảng viên chính thức và đảng viên dự bị khác nhau như thế nào? Xoá tên có được coi là hình thức kỷ luật đảng hay không?	93
6. Giải quyết khiếu nại	94
Câu 50. Khiếu nại kỷ luật đảng là gì? Thẩm quyền, trách nhiệm trong giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của tổ chức đảng cấp cơ sở?	94
Câu 51. Những trường hợp khiếu nại nào không thuộc trách nhiệm giải quyết của tổ chức đảng cơ sở có thẩm quyền?	95

Câu 52. Các nguyên tắc khiếu nại và giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được quy định như thế nào?	96
Câu 53. Không giải quyết những đơn khiếu nại kỷ luật đảng nào?	97
7. Đình chỉ sinh hoạt đảng	98
Câu 54. Những trường hợp nào đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng?	98
Câu 55. Thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên và đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng được quy định như thế nào? Thủ tục thực hiện các thẩm quyền này như thế nào?	99
Câu 56. Thời hạn đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng và sinh hoạt đảng của đảng viên được quy định như thế nào?	102
Câu 57. Việc quyết định cho đảng viên, cấp ủy viên trở lại sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy và tổ chức đảng trở lại hoạt động được quy định như thế nào?	103
Câu 58. Thủ tục ra quyết định trở lại sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy, hoạt động của tổ chức đảng thực hiện như thế nào?	104

Phần thứ hai

MỘT SỐ TÌNH HUỐNG TRONG KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ KỶ LUẬT ĐẢNG

I. Kiểm tra dấu hiệu vi phạm	106
Câu 59. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã A kiểm tra tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm đối	

với Chi ủy thôn B (thôn B thuộc xã A). Việc kiểm tra đó có đúng đối tượng không?

106

Câu 60. Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tập thể ban chấp hành đảng bộ và một số đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ bộ phận đã hết nhiệm kỳ. Qua kiểm tra, đã phát hiện những dấu hiệu vi phạm. Hiện nay có hai loại ý kiến:

Ý kiến thứ nhất: Cho rằng khi đảng bộ bộ phận đã đại hội hết nhiệm kỳ thì việc ra quyết định kiểm tra trên là vô hiệu đối với cả tập thể ban chấp hành đảng bộ bộ phận và các cá nhân đồng chí đảng ủy viên khóa đó.

Ý kiến thứ hai: Cho rằng chỉ vô hiệu đối với tập thể ban chấp hành đảng bộ bộ phận, còn các đồng chí đảng ủy viên khóa trước vẫn là đảng ủy viên của đảng ủy bộ phận khóa này thì việc kiểm tra đảng viên không vô hiệu.

Ý kiến nào đúng?

107

Câu 61. Đồng chí C hết thời gian là đảng viên dự bị, do có vi phạm nên chi bộ ra nghị quyết đề nghị xóa tên trong danh sách đảng viên. Từ khi chi bộ đề nghị (tháng 8/2020) đến khi ban thường vụ huyện ủy quyết định là một năm và sáu tháng sau đảng viên C mới nhận được quyết định.

Vậy, quyết định đó còn có hiệu lực thi hành nữa không

108

Câu 62. Ủy ban kiểm tra đảng ủy xã kiểm tra dấu hiệu vi phạm đối với đồng chí phó bí

thư chi bộ. Quyết định kiểm tra ghi: Căn cứ Điều 32 Điều lệ Đảng, ủy ban kiểm tra đảng ủy kiểm tra đảng viên theo Điều 32 Điều lệ Đảng đối với đồng chí phó bí thư chi bộ.

Có ý kiến cho rằng quyết định kiểm tra của ủy ban kiểm tra đảng ủy xã ghi như vậy là đúng, nhưng cũng có ý kiến còn băn khoăn ghi như vậy có đúng không?

109

Câu 63. Ủy ban kiểm tra tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với đảng viên A. Sau khi kết thúc kiểm tra, đoàn kiểm tra báo cáo ủy ban kiểm tra xem xét, quyết định và ban hành kết luận kiểm tra.

Có 2 loại ý kiến như sau:

Ý kiến thứ nhất: Ủy ban kiểm tra mới có thẩm quyền ban hành kết luận kiểm tra và triển khai đối với đảng viên A theo quy định.

Ý kiến thứ hai: Đoàn kiểm tra trực tiếp ban hành kết luận kiểm tra và triển khai đến đối tượng kiểm tra.

Vậy, ý kiến nào đúng?

110

II. Giải quyết tố cáo

112

Câu 64. Có ba đảng viên cùng nhau viết đơn nhưng không ký tên, tố cáo lãnh đạo đơn vị mình công tác, chi bộ phát hiện ra ba đồng chí này qua bản thảo viết tay. Vậy, xử lý trường hợp này như thế nào?

112

Câu 65. Một đảng viên có đơn tố cáo gửi đảng ủy cấp trên trực tiếp của chi bộ về những việc làm vi phạm Điều lệ Đảng và pháp

217

luật của Nhà nước của đồng chí bí thư chi bộ, thủ trưởng đơn vị. Sau đó, đảng viên này nhận được công văn của đảng ủy do đồng chí phó bí thư đảng ủy ký, với nội dung: Yêu cầu phải có tài liệu, bằng chứng để chứng minh những nội dung tố cáo mới xem xét, giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng.

Những điều đảng ủy yêu cầu như trên có đúng với quy định của Điều lệ Đảng và hướng dẫn của Trung ương không?

113

Câu 66. Đảng viên đã có đơn đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét xử lý một số cán bộ cơ sở thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý vi phạm Điều lệ Đảng. Sau khi nhận được đơn của đảng viên, cấp ủy có thẩm quyền lại cho rằng đây là đơn tố cáo và giao cho một đồng chí trong số cán bộ nêu trên chủ trì giải quyết. Việc làm đó đúng hay sai?

115

Câu 67. Đảng viên viết thư tố cáo những hành vi vi phạm của tổ chức đảng hoặc đảng viên ở cơ sở với cấp trên, nhưng không thông qua lãnh đạo cơ sở, như vậy có đúng không?

118

Câu 68. Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở giải quyết tố cáo đối với đảng viên thì ủy ban kiểm tra kết luận hay đảng ủy cơ sở xem xét, kết luận đối với đảng viên đó?

120

III. Thi hành kỷ luật trong Đảng

121

Câu 69. Chi bộ đề nghị khai trừ đối với đảng viên vi phạm, ủy ban kiểm tra quận ủy

xem xét và ra quyết định cảnh cáo. Quyết định này bí thư chi bộ giữ lại, không phổ biến cho đảng viên và chi bộ chấp hành vì không nhất trí với quyết định của ủy ban kiểm tra quận ủy.

Sau đó, ban thường vụ quận ủy xem xét ra quyết định hủy quyết định kỷ luật của ủy ban kiểm tra quận ủy và nâng hình thức kỷ luật là khai trừ. Việc làm đó có sai thẩm quyền và nguyên tắc không?

121

Câu 70. Đồng chí A là đảng ủy viên đảng ủy cơ sở kiêm bí thư chi bộ có vi phạm kỷ luật đến mức phải thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức chi ủy viên. Đảng ủy cơ sở có thẩm quyền ra quyết định kỷ luật không?

Nếu không, phải giải quyết như thế nào?

123

Câu 71. Đồng chí X là đảng viên có dấu hiệu vi phạm kỷ luật đảng, chi bộ tiến hành kiểm tra, kết luận có vi phạm và biểu quyết quyết định đề nghị xử lý kỷ luật, kết quả: Hơn 1/2 tổng số đảng viên trong chi bộ đồng ý thi hành kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo. Chi bộ báo cáo lên đảng ủy cơ sở (được ủy quyền quyết định kết nạp đảng viên). Đảng ủy cơ sở đã xem xét và quyết định kỷ luật khai trừ đồng chí X ra khỏi Đảng.

Việc làm trên của chi bộ có đúng quy định không? Sau khi bỏ phiếu, chi bộ quyết định thi hành kỷ luật đồng chí X bằng hình thức cảnh cáo có đúng không? Trường hợp đồng chí X vi phạm đến mức phải kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng, nhưng kết quả

- bỏ phiếu không quá bán thì thực hiện như thế nào? 124
- Câu 72. Chi bộ có ba đảng viên nhiều tháng trong năm không tham gia sinh hoạt. Cuối năm, các đảng viên đó không những không bị xem xét kỷ luật mà còn được chi bộ phân loại công nhận là đảng viên hoàn thành nhiệm vụ như những đảng viên đang công tác và sinh hoạt thường xuyên tại đơn vị. Việc làm đó đúng hay sai? Nếu sai thì xử lý như thế nào? 127
- Câu 73. Một đảng viên là phó bí thư chi bộ thuộc đảng bộ cơ sở có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật, ủy ban kiểm tra của đảng ủy cơ sở đã quyết định thi hành kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo. Quyết định đó đúng hay sai? 128
- Câu 74. Đồng chí A là ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy xã, nhưng không phải là đảng ủy viên, vi phạm đến mức phải cách chức ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy xã. Trường hợp này tổ chức đảng nào có quyền quyết định cách chức? 129
- Câu 75. Một đảng viên vi phạm tới mức phải xử lý kỷ luật, cấp ủy nhiều lần yêu cầu kiểm điểm, nhưng đảng viên không chịu kiểm điểm. Trường hợp này, tổ chức đảng có quyết định kỷ luật đối với đảng viên đó được không? 130
- Câu 76. Ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở do ban thường vụ huyện ủy chuẩn y,

- nhưng khi bị cách chức lại do đảng ủy cơ sở quyết định. Như vậy có đúng không? 131
- Câu 77. Chi bộ biểu quyết hình thức kỷ luật đối với đảng viên vi phạm, đảng viên đang bị xem xét, xử lý kỷ luật có được biểu quyết kỷ luật đối với mình không? 133
- Câu 78. Bí thư chi bộ, đảng ủy viên đảng ủy xã bị kỷ luật bị cách các chức vụ chi ủy viên, đảng ủy viên. Đảng ủy xã đã tiến hành xử lý cách chức chi ủy viên của đồng chí đó; sau đó làm thủ tục gửi lên ban thường vụ huyện ủy đề nghị cách chức đảng ủy viên đảng ủy xã. Ban thường vụ huyện ủy căn cứ vào hồ sơ vụ việc và quyết định khai trừ đồng chí đó ra khỏi đảng.
Về thủ tục, nguyên tắc và thẩm quyền xử lý kỷ luật như vậy đối với đảng viên đó có đúng không? 134
- Câu 79. Đảng viên vi phạm phải xử lý kỷ luật khiển trách và thuộc thẩm quyền của chi bộ. Vậy, trước khi họp để xem xét, quyết định kỷ luật, đại diện chi bộ có phải nghe đảng viên đó trình bày ý kiến hay không, hay chỉ nghe chung trong cuộc họp chi bộ để xem xét quyết định kỷ luật? 136
- Câu 80. Đảng viên A có hành vi tổ chức đánh bạc, bị cơ quan chức năng khởi tố bị can, bắt tạm giam thì việc xem xét, kỷ luật và công bố quyết định kỷ luật đảng được thực hiện như thế nào? 137
- Câu 81. Đảng viên tham gia đánh bạc bị công an bắt và lập biên bản. Quá trình xem xét kỷ luật có 2 ý kiến khác nhau:

Ý kiến thứ nhất cho rằng: Những đảng viên tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức bị bắt đều phải khai trừ ra khỏi Đảng.

Ý kiến thứ hai cho rằng: Có thể áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để xem xét đảng viên tham gia đánh bạc bị bắt.

Vậy, khi đảng viên tham gia đánh bạc bị công an bắt lập biên bản có nhất thiết phải xử lý bằng hình thức khai trừ không?

138

Câu 82. Đảng viên A sử dụng bằng không hợp pháp để thi tuyển công chức và đã công tác được 20 năm kể từ ngày được tuyển dụng, đến nay mới bị phát hiện có vi phạm về sử dụng văn bằng không hợp pháp. Hiện có 2 ý kiến:

Ý kiến thứ nhất: Không kiểm tra, xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên A vì vi phạm đã quá lâu, đã hết thời hiệu xử lý kỷ luật đảng.

Ý kiến thứ hai: Vẫn xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

Vậy ý kiến nào đúng?

140

Câu 83. Một đảng viên sinh hoạt tại chi bộ quân sự xã vi phạm trong việc mua và sử dụng bằng tốt nghiệp trung học phổ thông để đăng ký học lớp trung cấp luật. Chi bộ quân sự xã đã họp kiểm điểm và quyết định kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo. Có ý kiến cho rằng thẩm quyền ban hành quyết định kỷ luật trong trường hợp này là của ban chấp hành đảng bộ xã.

Vậy, trường hợp vi phạm về mua bán, sử dụng văn bằng, chúng chỉ thuộc thẩm quyền thi hành kỷ luật của chi bộ quân sự xã hay của ban chấp hành đảng bộ xã? 141

Câu 84. Chi bộ cơ sở P ra quyết định kỷ luật khiển trách đối với đảng viên K (đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý) và báo cáo Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy B. Sau khi xem xét, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy B nhận thấy chi bộ P xử lý không đúng mức với mức độ vi phạm của đảng viên K. Vậy, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy B phải thực hiện như thế nào? 142

Câu 85. Bí thư chi bộ B (chi bộ không có chi ủy) bị xử lý kỷ luật. Chi bộ cho rằng, nếu để bí thư chi bộ làm báo cáo gửi cấp trên sẽ không đảm bảo tính khách quan và kịp thời nên đã phân công một đảng viên làm báo cáo, ký, gửi lên cấp trên. Vậy, việc làm của chi bộ B là đúng hay sai? 144

Câu 86. Đảng viên A vi phạm tới mức phải xử lý kỷ luật, chi ủy chi bộ nơi đảng viên A đang sinh hoạt yêu cầu kiểm điểm, nhưng đảng viên A không chấp hành. Trường hợp này, chi bộ và cấp ủy có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên A như thế nào? 145

Câu 87. Đảng viên A vi phạm nhiệm vụ cấp trên giao đã được cấp ủy có thẩm quyền trực tiếp xem xét, xử lý kỷ luật, chi bộ nơi đảng viên A sinh hoạt không yêu cầu đảng

viên A kiểm điểm. Vậy, trường hợp này đúng hay sai?

146

Câu 88. Đảng viên A là bí thư chi bộ thuộc Đảng ủy xã B, vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên. Đảng viên A đã tự nguyện có đơn xin được thôi giữ chức bí thư chi bộ và được Đảng ủy xã B xem xét, đồng ý. Có ý kiến cho rằng, Đảng ủy xã B phải xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên A theo quy định. Vậy, ý kiến này đúng hay sai?

147

Câu 89. Đảng viên A là cấp ủy viên xã B vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật. Quá trình thực hiện quy trình kỷ luật, đảng viên A đã kiểm điểm tại chi bộ nhưng Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy vẫn yêu cầu kiểm điểm tại Ban Chấp hành Đảng bộ xã B. Có ý kiến cho rằng, đảng viên A chỉ phải kiểm điểm tại chi bộ, không phải kiểm điểm tại Ban Chấp hành Đảng bộ xã B. Vậy, ý kiến trên đúng hay sai?

148

Câu 90. Đảng viên C là công chức nhà nước đang công tác bị thi hành kỷ luật về Đảng nhưng không tự viết bản kiểm điểm, không tham dự kiểm điểm tại chi bộ và vắng mặt trong buổi triển khai quyết định kỷ luật đảng viên (chi bộ đã gửi thư mời nhiều lần nhưng đảng viên C vẫn không đến và không có thông tin liên lạc với chi bộ). Vậy, chi bộ vẫn tiến hành xử lý kỷ luật và triển khai quyết định kỷ luật đảng viên khi vắng mặt có đúng quy định của Đảng không?

149

Câu 91. Đảng viên A đang đi học cao cấp lý luận chính trị nên chuyển sinh hoạt đảng tạm thời đến chi bộ lớp học thuộc đảng ủy nhà trường. Trong quá trình học, đảng viên A vi phạm đến mức phải kỷ luật khai trừ. Vậy, trong trường hợp này, thẩm quyền kỷ luật là của cơ quan nào? 151

Câu 92. Chi bộ cơ sở thi hành kỷ luật đảng viên X bằng hình thức cảnh cáo. Ban thường vụ huyện ủy xem xét thấy việc xử lý kỷ luật của chi bộ là chưa tương xứng với mức độ của lỗi vi phạm và quyết định kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng. Vậy, ban thường vụ huyện ủy xử lý kỷ luật như trên có đúng thẩm quyền không? Trước khi ra quyết định kỷ luật khai trừ đảng viên X ra khỏi Đảng thì có phải ra quyết định hủy bỏ quyết định kỷ luật cảnh cáo của chi bộ cơ sở đối với đảng viên X không? 152

Câu 93. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với đảng viên A là cán bộ thuộc diện ban thường vụ huyện ủy quản lý, đảng ủy xã đã họp để nghe đảng viên A giải trình bằng văn bản về những dấu hiệu vi phạm và đã đóng góp ý kiến; ủy ban kiểm tra huyện ủy đã kết luận đảng viên A có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật. Vậy, bước tiếp theo phải làm gì? 155

Câu 94. Qua kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, tổ chức đảng có thẩm quyền kết luận đảng viên A có vi phạm đến mức phải

thi hành kỷ luật và đã nhiều lần mời đến làm việc nhưng đảng viên A không có mặt và không có lý do chính đáng. Trường hợp này, tổ chức đảng có thẩm quyền có xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên A hay không?

157

Câu 95. Đảng viên A vi phạm kỷ luật đến mức phải kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng. Biểu quyết đề nghị hình thức kỷ luật tại chi bộ có kết quả như sau: Khiển trách: 02/13/13 phiếu; cảnh cáo 04/13/13 phiếu; khai trừ 07/13/13 phiếu. Sau khi tổ chức đảng có thẩm quyền ra quyết định khai trừ đảng viên A thì có ý kiến đảng viên đề nghị phải thực hiện việc bỏ phiếu lại ở chi bộ vì kết quả bỏ phiếu đề nghị hình thức kỷ luật không quá hai phần ba tổng số đảng viên theo quy định. Vậy, tổ chức đảng ra quyết định kỷ luật khai trừ đảng viên A như trên là đúng hay sai?

158

Câu 96. Đảng viên C không phải là cấp ủy viên, được cấp ủy bổ nhiệm giữ chức vụ phó trưởng ban tham mưu, giúp việc của cấp ủy, nếu vi phạm kỷ luật tới mức phải cách chức chức vụ đó thì có thuộc phạm vi, thẩm quyền kỷ luật của Đảng không? Tổ chức đảng nào có thẩm quyền thi hành kỷ luật?

160

Câu 97. Đồng chí A là cấp ủy viên vi phạm bị thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức cấp ủy viên (khi này đồng chí A không giữ chức vụ nào). Sau đó đồng chí A lại vi

- phạm tiếp đến mức phải thi hành kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng. Trường hợp này do cấp ủy hay ủy ban kiểm tra quyết định? 161
- Câu 98. Đồng chí B là huyện ủy viên, bí thư đảng ủy xã, có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức bí thư đảng ủy xã. Trường hợp này, tổ chức đảng nào có thẩm quyền xử lý kỷ luật đồng chí B? 163
- Câu 99. Đảng viên vi phạm trước ngày 06/7/2022 đến nay mới bị phát hiện và bị xem xét, thi hành kỷ luật. Vậy, việc xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm được thực hiện theo Quy định số 102-QĐ/TW hay Quy định số 69-QĐ/TW của Bộ Chính trị ? 164
- Câu 100. Đảng viên A đang có vợ mà sống chung như vợ chồng với người phụ nữ khác, vi phạm quy định về những điều đảng viên không được làm. Vấn đề này xử lý thế nào? 165
- Câu 101. Ủy ban kiểm tra đảng ủy xã triển khai quyết định, kế hoạch giải quyết đơn tố cáo đối với đảng viên X. Tuy nhiên đảng viên X là người bị tố cáo, đã không viết báo cáo giải trình, không hợp tác làm việc, ủy ban kiểm tra đảng ủy xã đã nhiều lần mời và trực tiếp gặp gỡ nhưng đảng viên X cố tình không viết báo cáo giải trình, không hợp tác và bỏ đi làm ăn xa. Vậy, trường hợp này xử lý như thế nào? 166

- Câu 102. Đảng viên dự bị vi phạm kỷ luật trong thời gian dự bị thì có thi hành kỷ luật không? 167
- Câu 103. Kỷ luật của Đảng gồm những hình thức nào? Đảng viên dự bị vi phạm rất nghiêm trọng kỷ luật đảng có kỷ luật bằng hình thức khai trừ không? Đảng viên chính thức vi phạm rất nghiêm trọng kỷ luật đảng có áp dụng biện pháp xóa tên không? 169
- Câu 104. Đảng viên được miễn sinh hoạt đảng vi phạm kỷ luật thì thực hiện kỷ luật hay xóa tên đảng viên đó? 170
- Câu 105. Chi bộ có quyền thi hành kỷ luật khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cấp trên sinh hoạt tại chi bộ hay không? 170
- IV. Giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng** 172
- Câu 106. Đảng viên D bị thi hành kỷ luật cảnh cáo, có khiếu nại và đã được ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở giải quyết. Tuy nhiên, khi chưa nhận được quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật của ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở thì đảng viên D nghe dư luận và cho rằng ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở làm việc không khách quan và đã gửi đơn khiếu nại kỷ luật lên đảng ủy cơ sở. Vậy, đảng ủy cơ sở có giải quyết hay không? 172
- Câu 107. Đồng chí A là đảng viên, bị kỷ luật bằng hình thức khai trừ. Mặc dù cho rằng hình thức kỷ luật như vậy là quá nặng, nhưng đồng chí A không khiếu nại. Tuy nhiên, một số đảng viên đã làm đơn hộ đồng

chí A gửi lên cấp có thẩm quyền, nhưng không được giải quyết. Vậy, việc không giải quyết đó đúng hay sai?

173

Câu 108. Chi bộ kỷ luật bằng hình thức khiển trách đối với đảng viên A. Đảng viên A không đồng ý với quyết định kỷ luật của chi bộ đã làm đơn khiếu nại gửi chi bộ, vậy chi bộ có thẩm quyền giải quyết khiếu nại của đảng viên đó không?

174

Câu 109. Đảng viên A bị kỷ luật có đơn khiếu nại. Trong thời gian tổ chức đảng có thẩm quyền đang giải quyết, đảng viên A nộp đơn khởi kiện hành chính đối với lãnh đạo của tổ chức nhà nước ban hành quyết định có liên quan nội dung trong đơn khiếu nại kỷ luật đảng của đảng viên A (tòa án đã thụ lý và mời hòa giải nhưng chưa có kết quả cuối cùng). Như vậy, việc giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng vẫn thực hiện theo quy định hay tạm ngừng, chờ kết luận của tòa án? Nếu vẫn giải quyết khiếu nại thì theo quy định nào? Nếu ngừng giải quyết khiếu nại thì thời gian ngừng là bao lâu?

176

Câu 110. Đảng ủy cơ sở quyết định kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo một cấp ủy viên cùng cấp, đảng viên đó khiếu nại lên ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp. Xét nội dung, tính chất, mức độ, tác hại và nguyên nhân vi phạm, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp đã quyết định thay đổi hình thức kỷ luật cảnh cáo bằng hình thức kỷ luật

cách chức cấp ủy viên. Việc quyết định thay đổi hình thức kỷ luật đó của ủy ban kiểm tra có đúng thẩm quyền không? 178

Câu 111. Đảng viên A bị kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo, đảng viên có khiếu nại về hình thức kỷ luật đối với mình. Tuy nhiên, trong quá trình xem xét, giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng nhận được đơn tố cáo có nội dung vi phạm khác ngoài các nội dung đã bị kỷ luật trước đây. Vậy, tổ chức đảng phải làm gì? 180

Câu 112. Đồng chí A bị khai trừ ra khỏi Đảng, có khiếu nại lên cấp trên. Khi xem xét, giải quyết, cấp trên phát hiện đồng chí này còn có một số vi phạm nữa nhưng chưa được xem xét, xử lý. Vậy, có xem xét những vi phạm mới phát hiện này cùng với việc xem xét lại những vi phạm đã bị thi hành kỷ luật trong quy trình xem xét khiếu nại kỷ luật của đồng chí A hay không? 181

Câu 113. Đồng chí H bị chi bộ kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo, đã khiếu nại vượt cấp lên đảng ủy cấp trên. Đảng ủy cơ sở mời đồng chí H đến làm việc, có đồng chí phó bí thư đảng ủy khối dự để bàn việc giải quyết khiếu nại, nhưng đồng chí H không đến vì cho rằng mình không khiếu nại với đảng ủy cơ sở. Sau đó, lại đề nghị đảng ủy khối giải quyết khiếu nại. Vậy đảng ủy khối có giải quyết khiếu nại không? 182

- Câu 114. Đảng viên A bị kỷ luật mới nhận quyết định được 10 ngày, đã viết đơn khiếu nại kỷ luật đảng nhưng chưa gửi thì đột ngột qua đời vì bị tai nạn. Gia đình làm đơn đề nghị và gửi cả đơn khiếu nại kỷ luật đảng của đồng chí đó. Trường hợp này xử lý như thế nào? 184
- Câu 115. Đảng viên X bị đảng ủy xã kỷ luật bằng hình thức khiển trách, có khiếu nại và được ủy ban kiểm tra huyện ủy quyết định xóa bỏ hình thức kỷ luật đó. Đảng ủy xã không đồng tình với quyết định này của ủy ban kiểm tra huyện ủy thì làm thế nào? Có được báo cáo ban thường vụ huyện ủy không? 185
- Câu 116. Sau khi nhận được quyết định kỷ luật cảnh cáo của đảng ủy xã, đồng chí B đã làm đơn khiếu nại gửi đảng ủy xã đề nghị xem xét lại hình thức kỷ luật đối với mình. Đảng ủy xã đã xem xét và quyết định giảm hình thức kỷ luật xuống khiển trách đối với đồng chí B.
Trong trường hợp này, đảng ủy xã có phải ban hành thêm quyết định nữa không? 186
- Câu 117. Ủy ban kiểm tra nhận được một số đơn khiếu nại kỷ luật do các cơ quan nhà nước quyết định và khiếu nại về đảng tịch, đề bạt... Những trường hợp khiếu nại này, ủy ban kiểm tra có giải quyết không?
Nếu không giải quyết thì phải làm gì? 188
- Câu 118. Đồng chí M là bí thư chi bộ bị đảng ủy xã kỷ luật bằng hình thức cách chức.

Đồng chí M yêu cầu đảng ủy xã sao gửi cho mình toàn bộ hồ sơ kỷ luật nhưng không được giải quyết nên đồng chí khiếu nại và đề nghị các cấp giải quyết yêu cầu của mình và tố cáo đảng ủy xã vi phạm quyền dân chủ của đảng viên.

Việc làm đó của đồng chí M đúng hay sai? 189

Câu 119. Đảng viên X bị kỷ luật và có khiếu nại, đã được Ủy ban Kiểm tra Trung ương giải quyết. Chi bộ có quyền phản ánh, báo cáo những nội dung khác so với kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương lên Ban Bí thư để Ban Bí thư giải quyết hay không? 190

Câu 120. Đảng viên A sinh hoạt tại Chi bộ B, vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật. Qua xem xét, Đảng ủy Q (được ủy quyền quyết định kết nạp đảng viên) đã kỷ luật đảng viên A bằng hình thức khai trừ. Đảng viên A khiếu nại lên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy T. Trong báo cáo giải quyết khiếu nại, Đoàn kiểm tra ghi: Báo cáo giải quyết khiếu nại kỷ luật đối với đồng chí A, nguyên đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ B. Như vậy, việc dùng cụm từ “nguyên đảng viên” là đúng hay sai, nếu sai thì sửa lại thế nào? 192

Câu 121. Một đảng viên vi phạm bị kỷ luật cảnh cáo, sau đó đảng viên có khiếu nại. Tổ chức đảng có thẩm quyền đã giải quyết khiếu nại, quyết định giảm hình thức kỷ luật từ cảnh cáo xuống khiển trách.

Vậy, thời gian chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật tính từ khi đảng viên đó bị xử lý kỷ luật cảnh cáo hay tính từ khi có quyết định giảm từ hình thức kỷ luật cảnh cáo xuống khiển trách?

193

Câu 122. Đảng ủy cơ sở kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với đồng chí Q, trưởng tiểu khu. Qua kiểm tra đã kết luận đồng chí Q có vi phạm trong quản lý và sử dụng quỹ của tiểu khu đến mức phải thi hành kỷ luật.

Đảng ủy cơ sở đã tiến hành xem xét, xử lý kỷ luật đồng chí Q bằng hình thức cảnh cáo. Trong buổi công bố quyết định kỷ luật, đồng chí Q không nhận quyết định kỷ luật của đảng ủy (có lập biên bản). Sau đó ít ngày, đồng chí Q làm đơn khiếu nại kỷ luật đảng lên tổ chức đảng cấp trên.

Trường hợp này có giải quyết đơn khiếu nại hay không?

194

Câu 123. Đảng viên hoặc tổ chức đảng bị xử lý kỷ luật thực hiện quyền khiếu nại kỷ luật như thế nào và trong thời gian giải quyết khiếu nại có phải chấp hành quyết định kỷ luật đã ban hành không?

196

Câu 124. Đảng viên và tổ chức đảng không đồng ý với quyết định kỷ luật “có quyền khiếu nại với cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương”. Vậy đảng viên hoặc chi bộ, đảng ủy cơ sở bị thi hành kỷ luật thì có được khiếu nại thẳng lên Ban Chấp hành Trung ương không?

197

233

V. Đình chỉ sinh hoạt đảng

199

Câu 125. Đồng chí H, đảng viên dự bị vi phạm pháp luật, bị cơ quan pháp luật ra quyết định truy tố. Trong chi bộ có ý kiến đề nghị xóa tên trong danh sách đảng viên. Song, cũng có ý kiến cho rằng chỉ đình chỉ sinh hoạt đảng đối với đồng chí H, chờ kết luận của cơ quan pháp luật để xem xét, xử lý kỷ luật.

Ý kiến nào đúng và xử lý thế nào?

199

Câu 126. Trường hợp đảng viên vi phạm trong quản lý kinh tế, được thanh tra nhà nước kết luận là cố ý làm trái nguyên tắc quản lý kinh tế, gây thiệt hại nghiêm trọng tài sản xã hội chủ nghĩa và bị chính quyền cấp trên quyết định cách chức, cơ quan pháp luật đã khởi tố vụ án, nhưng chưa khởi tố bị can.

Chi bộ căn cứ vào kết luận của thanh tra nhà nước, quyết định khởi tố vụ án của cơ quan pháp luật để xem xét, xử lý kỷ luật và đề nghị khai trừ ra khỏi Đảng có được không, hay phải đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng để chờ kết luận của cơ quan pháp luật rồi mới xem xét?

201

Câu 127. Đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng có phải nộp đảng phí không?

203

Câu 128. Đảng viên (kể cả cấp ủy viên) đã bị khởi tố và được tại ngoại, nhưng vẫn được sinh hoạt đảng. Như vậy có đúng không?

204

- Câu 129. Đảng viên là cấp ủy viên đã bị khởi tố và được tại ngoại nhưng vẫn được sinh hoạt cấp ủy. Như vậy có đúng không? 205
- Câu 130. Có phải chỉ khi đảng viên bị truy tố, tạm giam mới thực hiện đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên đó? 207

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
TS. VÕ VĂN BÉ

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ
ThS. ĐÀO DUY NGHĨA
Trình bày bìa: LÊ HÀ LAN
Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ THU THẢO
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: ĐÀO DUY NGHĨA

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctgg.vn, Website: www.nxbctgg.org.vn
Sách điện tử: www.stbook.vn, www.thuviencoso.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Đảng Cộng sản Việt Nam

*** ĐIỀU LỆ ĐẢNG VÀ MỘT SỐ QUY ĐỊNH HƯỚNG DẪN THI HÀNH**

Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng

*** HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH -
HIỆN THỰC HÓA KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM PHỒN VINH, HẠNH PHÚC**

PGS.TS. Nguyễn Văn Thạo, PGS.TS. Nguyễn Viết Thông
(Đồng chủ biên)

*** NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CẤP THIẾT PHỤC VỤ
TRỰC TIẾP CHO YÊU CẦU ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC
LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC**



**MÃ ĐỊNH DANH
CUỐN SÁCH**

ISBN 978-604-57-8263-7



9 786045 782637



8935279145546

SÁCH KHÔNG BÁN